

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KẾ TOÁN**



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

ĐỀ TÀI:

**KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ
KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP CƠ KHÍ SÔNG THU**

Giảng viên hướng dẫn : TS. Phạm Thị Bích Vân

Sinh viên thực hiện : Ngô Thị Thùy Ngân

Mã số sinh viên : 2254010098

Khóa học : 2022 – 2026

Lớp : 22KH2

Đà Nẵng, tháng 05 năm 2026

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 05 năm 2026

GIAO NHIỆM VỤ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Năm học : 2025-2026

1. Thông tin tác giả thực hiện

- Họ và tên sinh viên: Ngô Thị Thùy Ngân
- Chuyên ngành: Kế toán
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Khóa học: 2022 – 2026

2. Tên đề tài Khóa luận tốt nghiệp

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Cơ khí Sông Thu

3. Các số liệu ban đầu thực hiện Khóa luận tốt nghiệp

Chứng từ kế toán như hóa đơn GTGT, phiếu thu, phiếu chi, phiếu nhập kho, xuất kho, bảng lương... Sổ chi tiết các tài khoản, sổ kế toán tổng hợp, hệ thống báo cáo tài chính gồm: bảng cân đối kế toán, báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

4. Các bảng biểu: Các bảng biểu được đính kèm ở phần danh mục

5. Cán bộ hướng dẫn: TS. Phạm Thị Bích Vân

6. Ngày giao nhiệm vụ làm Khóa luận tốt nghiệp: 02/03/2026

7. Ngày sinh viên phải hoàn thành khóa luận: 25/05/2026

Giáo viên hướng dẫn

MỤC LỤC

DANH MỤC VIẾT TẮT	
DANH MỤC SƠ ĐỒ	
DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU	
DANH MỤC CÁC HÌNH ẢNH	
LỜI CẢM ƠN	
PHẦN MỞ ĐẦU	
CHƯƠNG 1.....	1
CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI DOANH NGHIỆP	1
1.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÁC DOANH NGHIỆP	1
1.1.1. Khái niệm về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.....	1
1.1.2. Yêu cầu quản lý kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp	1
1.1.3. Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp	2
1.1.4. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp	2
1.2. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP.....	3
1.2.1. Kế toán doanh thu, thu nhập khác trong doanh nghiệp	3
1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3
1.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu trong doanh nghiệp	8
1.2.1.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	10
1.2.1.4. Kế toán thu nhập khác	11
1.2.2. Kế toán chi phí trong doanh nghiệp.....	13
1.2.2.1. Chi phí và các loại chi phí trong doanh nghiệp	13
1.2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán	14
1.2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng	18

1.2.2.4. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp	19
1.2.2.5. Kế toán chi phí tài chính	21
1.2.2.6. Kế toán chi phí khác	23
1.2.2.7. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	24
1.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh	26
1.2.3.1. Nội dung xác định kết quả kinh doanh	26
1.2.3.2. Phương pháp kế toán, tài khoản sử dụng và chứng từ kế toán	26
1.2.4. Các hình thức ghi sổ kế toán.....	28
CHƯƠNG 2.....	29
THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP CƠ KHÍ SÔNG THU	29
2.1. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CP CƠ KHÍ SÔNG THU	29
2.1.1. Giới thiệu chung	29
2.1.1.1. Thông tin chung về Công ty CP Cơ khí Sông Thu.....	29
2.1.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty CP Cơ khí Sông Thu	29
2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP Cơ khí Sông Thu	30
2.2. THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP CƠ KHÍ SÔNG THU	37
2.2.1. Kế toán doanh thu tại Công ty CP Cơ khí Sông Thu.....	37
2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	37
2.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	51
2.2.1.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	51
2.2.1.4. Kế toán thu nhập khác	57
2.2.2. Kế toán chi phí tại Công ty CP Cơ khí Sông Thu.....	65
2.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán	65
2.2.2.2. Kế toán chi phí bán hàng	71
2.2.2.3 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp	77
2.2.2.4. Kế toán chi phí tài chính.....	82
2.2.2.5. Kế toán chi phí khác	82

2.2.2.5. Kế toán chi phí thuế TNDN.....	87
2.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh	97
CHƯƠNG 3.....	99
MỘT SỐ GIẢI PHÁP KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP CƠ KHÍ SÔNG THU	99
3.1. Đánh giá thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Cơ khí Sông Thu	99
3.1.1. Ưu điểm.....	99
3.1.2. Hạn chế.....	100
3.2. Giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Cơ khí Sông Thu	101
KẾT LUẬN	
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	

DANH MỤC VIẾT TẮT

BCTC	Báo cáo tài chính
BHXXH	Bảo hiểm xã hội
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
BHYT	Bảo hiểm y tế
CCDC	Công cụ dụng cụ
CKTM	Chiết khấu thương mại
CPQLDN	Chi phí quản lý doanh nghiệp
CPTC	Chi phí tài chính
CPBH	Chi phí bán hàng
DT	Doanh thu
DTT	Doanh thu thuần
GGHB	Giảm giá hàng bán
GTGT	Giá trị gia tăng
NVL	Nguyên vật liệu
HTK	Hàng tồn kho
KQKD	Kết quả kinh doanh
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
TK	Tài khoản
TP	Thành phẩm
TSCĐ	Tài sản cố định
VNĐ	Việt Nam Đồng
PM	Phần mềm

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1. Hạch toán doanh thu khi doanh nghiệp được thanh toán.....	8
Sơ đồ 1.2. Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	9
Sơ đồ 1.3. Hạch toán doanh thu hoạt động tài chính.....	11
Sơ đồ 1.4. Hạch toán kế toán thu nhập khác.....	12
Sơ đồ 1.5. Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....	17
Sơ đồ 1.6. Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên.....	17
Sơ đồ 1.7. Trình tự hạch toán chi phí bán hàng.....	19
Sơ đồ 1.8. Trình tự kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	21
Sơ đồ 1.9. Trình tự kế toán chi phí tài chính.....	22
Sơ đồ 1.10. Trình tự hạch toán chi phí khác.....	24
Sơ đồ 1.11. Chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp.....	26
Sơ đồ 1.12. Trình tự kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	28
Sơ đồ 2.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức Công ty Cổ phần Cơ khí Sông Thu.....	31
Sơ đồ 2.2. Bộ máy kế toán tại Công ty Cổ phần Cơ khí Sông Thu.....	32
Sơ đồ 2.3. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ.....	34
Sơ đồ 2.4. Trình tự luân chuyển chứng từ trên phần mềm kế toán Bravo.....	35
Sơ đồ 2.5: Quy trình ghi nhận doanh thu.....	38

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Bảng biểu 2.1	Bảng kê phát sinh theo tài khoản đối ứng TK 511
Bảng biểu 2.2	Chứng từ ghi sổ số 26
Bảng biểu 2.3	Sổ chi tiết tài khoản 511
Bảng biểu 2.4	Sổ cái tài khoản 511
Bảng biểu 2.5	Bảng kê phát sinh theo tài khoản đối ứng TK 515
Bảng biểu 2.6	Chứng từ ghi sổ số 27
Bảng biểu 2.7	Sổ chi tiết tài khoản 515
Bảng biểu 2.8	Sổ cái tài khoản 515
Bảng biểu 2.9	Bảng kê phát sinh theo tài khoản đối ứng TK 711
Bảng biểu 2.10	Chứng từ ghi sổ số 34
Bảng biểu 2.11	Sổ chi tiết tài khoản 711
Bảng biểu 2.12	Sổ cái tài khoản 711
Bảng biểu 2.13	Bảng kê phát sinh theo tài khoản đối ứng TK 632
Bảng biểu 2.14	Chứng từ ghi sổ số 31
Bảng biểu 2.15	Sổ chi tiết tài khoản 632
Bảng biểu 2.16	Sổ cái tài khoản 632
Bảng biểu 2.17	Bảng kê phát sinh theo tài khoản đối ứng TK 641
Bảng biểu 2.18	Chứng từ ghi sổ số 32
Bảng biểu 2.19	Sổ chi tiết tài khoản 641
Bảng biểu 2.20	Sổ cái tài khoản 641
Bảng biểu 2.21	Bảng kê phát sinh theo tài khoản đối ứng TK 642
Bảng biểu 2.20	Chứng từ ghi sổ số 33
Bảng biểu 2.21	Sổ chi tiết tài khoản 642
Bảng biểu 2.22	Sổ cái tài khoản 642
Bảng biểu 2.23	Bảng kê phát sinh theo tài khoản đối ứng TK 811
Bảng biểu 2.24	Chứng từ ghi sổ số 35
Bảng biểu 2.25	Sổ chi tiết tài khoản 811
Bảng biểu 2.26	Sổ cái tài khoản 811
Bảng biểu 2.27	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025
Bảng biểu 2.28	Sổ chi tiết tài khoản 821
Bảng biểu 2.29	Sổ cái tài khoản 821
Bảng biểu 2.30	Sổ cái tài khoản 911

DANH MỤC CÁC HÌNH ẢNH

Hình 2.1: Logo Công ty Cổ phần Cơ khí Sông Thu.....	29
Hình 2.2 : Giao diện phần mềm kế toán BRAVO – quản lý các Danh mục.....	36
Hình 2.3: Giao diện lập hóa đơn điện tử trên phần mềm E-INVOICE.....	40
Hình 2.4 : Hóa đơn GTGT số 89.....	41
Hình 2.5 : Giao diện màn hình nhập hóa đơn GTGT số 89.....	42
Hình 2.6: Giao diện ghi nhận tiền ứng trước của khách hàng trên PM kế toán Bravo..	43
Hình 2.7: Giao diện ghi nhận tiền ứng trước của khách hàng trên PM kế toán Bravo..	43
Hình 2.8: Biên bản nghiệm thu và bàn giao hàng hóa.....	44
Hình 2.9: Hóa đơn GTGT số 55.....	45
Hình 2.10: Giao diện nhập liệu hạch toán doanh thu trên PM Bravo.....	46
Hình 2.11: Giấy báo Có của Ngân hàng.....	46
Hình 2.12: Giao diện nhập liệu thu hồi công nợ khách hàng trên PM kế toán Bravo...	47
Hình 2.13: Phiếu báo có lãi tiền gửi tháng 06/2025 tại MB Bank.....	52
Hình 2.14: Giao diện màn hình nhập liệu thu từ lãi tiền gửi.....	53
Hình 2.15 : Giấy báo Có của ngân hàng.....	54
Hình 2.16: Màn hình hạch toán lãi chênh lệch tỷ giá trên phần mềm Bravo.....	55
Hình 2.17: Biên bản điều chỉnh hóa đơn từ Tổng công ty Sông Thu.....	59
Hình 2.18: Hóa đơn điều chỉnh giảm số 1161.....	60
Hình 2.20 : Hóa đơn điều chỉnh giảm số 1162.....	61
Hình 2.21 : Màn hình hạch toán giảm nợ vay và tăng thu nhập khác trên PM kế toán.	62
Hình 2.22: Phiếu xuất kho Bánh xe cố định Nanashin.....	66
Hình 2.23: Phiếu xuất kho 500 pallet sắt.....	67
Hình 2.24: Hóa đơn GTGT cước vận chuyển Pallet.....	72

Hình 2.25: Chi tiền mặt thanh toán chi phí vận chuyển pallet sắt theo hóa đơn số 24...	73
Hình 2.26 : Giao diện màn hình ghi nhận chi phí vận chuyển pallet trên PM kế toán.	73
Hình 2.27 : Bảng chấm công tháng 6 của bộ phận gián tiếp.....	78
Hình 2.28 : Trích bảng lương tháng 6 của cán bộ, công nhân viên.....	79
Hình 2.30 : Giấy nộp tiền vào Ngân sách Nhà nước.....	83
Hình 2.31 : Giấy báo Nợ của ngân hàng.....	84
Hình 2.32 : Màn hình hạch toán chi phí khác.....	84
Hình 2.33: Tờ khai quyết toán thuế TNDN năm 2025.....	91
Hình 2.34: Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	92
Hình 2.35: Trích phụ lục thông tin về quan hệ liên kết và giao dịch liên kết.....	94

LỜI CẢM ƠN

Trong thời gian học tập tại trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng, em đã được các thầy cô giáo giảng dạy tận tình, truyền đạt những kiến thức bổ ích để cho em có được những vốn kiến thức rất quan trọng hỗ trợ em trong quá trình thực tập cũng như công việc sau khi ra trường. Trên thực tế không có sự thành công nào mà không gắn liền với những sự hỗ trợ, giúp đỡ và cố gắng học hỏi của những người đi trước.

Trước tiên, em xin chân thành bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến ban giám hiệu nhà trường cùng quý thầy cô vì đã không quản ngại khó khăn, luôn tận tâm truyền đạt kiến thức, chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn và truyền cảm hứng học tập cho em trong suốt những năm tháng đại học. Những bài giảng lý thuyết kết hợp với ứng dụng thực tế trong lĩnh vực kế toán – kiểm toán – tài chính đã trở thành hành trang quý báu giúp em hoàn thành khóa thực tập và tự tin hơn khi bước vào quá trình làm việc sau này. Đặc biệt, em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến cô Phạm Thị Bích Vân – người đã tận tình hướng dẫn, chỉ bảo, góp ý và động viên em trong suốt quá trình thực hiện khóa luận. Sự hỗ trợ quý báu cả về chuyên môn lẫn tinh thần từ thầy cô là động lực to lớn giúp em hoàn thành tốt đề tài nghiên cứu này. Em xin kính chúc quý thầy cô ngày càng khỏe mạnh.

Tiếp theo, em xin chân thành cảm ơn Ban lãnh đạo Công ty CP Cơ khí Sông Thu đã tạo điều kiện tốt nhất để em tìm hiểu và nắm rõ các vấn đề liên quan đến quá trình làm khóa luận tại công ty. Cuối cùng em xin gửi lời cảm ơn đến các chị trong phòng Kế toán đã nhiệt tình giúp đỡ cũng như cung cấp số liệu cần thiết để em có thể hoàn thành khóa luận tốt nghiệp của mình một cách tốt nhất.

Mặc dù đã cố gắng hết sức, nhưng do kiến thức và kinh nghiệm thực tiễn còn hạn chế, thời gian thực hiện không nhiều nên khóa luận chắc chắn không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý của quý thầy cô để em có thể bổ sung khóa luận được hoàn thiện hơn và nâng cao chuyên môn của mình phục vụ tốt hơn cho công việc thực tế sau này.

Em xin chân thành cảm ơn!

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, các doanh nghiệp luôn phải nâng cao hiệu quả hoạt động để tăng khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững. Trong đó, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giữ vai trò quan trọng trong việc cung cấp thông tin phục vụ quản lý và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề này, đồng thời qua quá trình thực tập tại Công ty Cổ phần Cơ khí Sông Thu, em đã lựa chọn đề tài **“Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Cơ khí Sông Thu”** làm đề tài khóa luận tốt nghiệp.

2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

- Đối tượng nghiên cứu: Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Cơ khí Sông Thu.
- Phạm vi nghiên cứu:
 - + Về không gian: Tại Công ty Cổ phần Cơ khí Sông Thu.
 - + Về thời gian: Nghiên cứu số liệu và các nghiệp vụ kế toán phát sinh trong năm 2025.
 - + Về nội dung: Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

3. Phương pháp nghiên cứu của đề tài

Đề tài sử dụng các phương pháp nghiên cứu chủ yếu như:

- Phương pháp thu thập số liệu từ chứng từ, sổ sách kế toán và BCTC của công ty.
- Phương pháp quan sát thực tế trong quá trình thực tập tại doanh nghiệp.
- Phương pháp phân tích, tổng hợp và so sánh số liệu kế toán.
- Phương pháp tham khảo các văn bản pháp luật, chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán hiện hành.

4. Cấu trúc của đề tài

Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Cơ khí Sông Thu.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Cơ khí Sông Thu.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI DOANH NGHIỆP

1.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÁC DOANH NGHIỆP

1.1.1. Khái niệm về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp

Doanh thu là tổng các giá trị kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Chi phí được nhìn nhận như những khoản phí tổn phát sinh gắn liền với hoạt động của doanh nghiệp để đạt được một sản phẩm, lao vụ, dịch vụ nhất định. Chi phí được xác định bằng tiền của những hao phí về lao động sống, lao động vật hóa... trên cơ sở chứng từ, tài liệu bằng chứng chắc chắn.

Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ.

Khi một quá trình kinh doanh hoàn thành, doanh nghiệp xác định kết quả kinh doanh trên cơ sở so sánh tổng doanh thu và tổng chi phí phát sinh trong quá trình kinh doanh. Kết quả kinh doanh có thể lãi hoặc lỗ; nếu lỗ sẽ được bù đắp theo chế độ và quy định của cấp có thẩm quyền; nếu lãi được phân phối sử dụng theo đúng mục đích phù hợp với cơ chế tài chính quy định cho từng loại doanh nghiệp.

1.1.2. Yêu cầu quản lý kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp

Để cung cấp thông tin chính xác, kịp thời phục vụ cho công tác quản lý và ra quyết định, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần đáp ứng các yêu cầu sau:

- Xác định đầy đủ, chính xác và kịp thời doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.
- Theo dõi doanh thu, chi phí theo từng hoạt động, từng bộ phận nhằm đánh giá hiệu quả kinh doanh và đưa ra biện pháp phù hợp.
- Quản lý chặt chẽ các khoản chi phí phát sinh nhằm tiết kiệm chi phí, hạ giá thành và nâng cao lợi nhuận.

- Tăng cường khai thác thị trường, nâng cao doanh thu và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

1.1.3. Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giữ vai trò quan trọng trong công tác quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Thông qua các thông tin kế toán, doanh nghiệp có thể theo dõi tình hình doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh để đánh giá hiệu quả hoạt động, kiểm soát chi phí, nâng cao doanh thu và đưa ra các quyết định quản lý phù hợp.

Bên cạnh đó, thông tin kế toán còn là căn cứ để cơ quan Nhà nước kiểm tra việc thực hiện nghĩa vụ tài chính của doanh nghiệp, đồng thời cung cấp thông tin cho các đối tượng liên quan như nhà đầu tư, chủ nợ và nhà cung cấp trong quá trình ra quyết định kinh tế.

Vì vậy, việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh một cách khoa học, hợp lý sẽ góp phần cung cấp thông tin kịp thời, chính xác và nâng cao hiệu quả quản lý doanh nghiệp.

1.1.4. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp

Việc ghi nhận doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa quan trọng đối với doanh nghiệp trong việc đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và đưa ra các quyết định quản lý kịp thời. Đồng thời, kết quả kinh doanh còn là căn cứ để thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước và thu hút các nguồn vốn đầu tư.

Vì vậy, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần thực hiện tốt vai trò và nhiệm vụ nhằm cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác phục vụ cho công tác quản lý và điều hành doanh nghiệp.

Nhiệm vụ của kế toán doanh thu

- Tính toán và ghi chép đầy đủ, chính xác, kịp thời khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nhằm quản lý chặt chẽ các khoản doanh thu và giảm trừ doanh thu.
- Phải mở sổ chi tiết theo dõi từng khoản doanh thu theo yêu cầu của từng đơn vị.
- Vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách và báo cáo kế toán phù hợp để thu nhận, xử lý, hệ thống hóa và cung cấp thông tin về tình hình hiện có. Đồng thời theo

dồi thanh toán chi tiết với từng khách hàng và ngân sách nhà nước về các khoản thuế, phí, lệ phí các sản phẩm hàng hóa bán ra.

Nhiệm vụ của kế toán chi phí

- Vận dụng các phương pháp kế toán phù hợp căn cứ vào thực tế quy trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp để xác định chính xác giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý và các chi phí khác nhằm xác định đúng đắn kết quả của hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Ghi chép đầy đủ các khoản mục chi phí phát sinh trong quá trình SXKD; tiến hành tập hợp và phân bổ chi phí hợp lý.

Nhiệm vụ của kế toán xác định kết quả kinh doanh

- Xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong từng lĩnh vực hoạt động kinh doanh trong từng thời kỳ. Hạch toán chính xác, kịp thời KQKD nhằm cung cấp các thông tin

- Phân tích và đánh giá tình hình xây dựng các công trình, tình hình tài chính tại doanh nghiệp.

1.2. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP

1.2.1. Kế toán doanh thu, thu nhập khác trong doanh nghiệp

1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

• Khái niệm

Theo chuẩn mực kế toán số 14 – Doanh thu và thu nhập khác (Ban hành và công bố theo quyết định số 149/2001/QĐ/BTC ngày 31/12/2001 của Bộ Tài Chính):

Doanh thu chỉ bao gồm tổng giá trị của các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được. Các khoản thu hộ bên thứ ba không phải là nguồn lợi ích kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp sẽ không được coi là doanh thu

• Xác định doanh thu:

- Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được.

- Doanh thu phát sinh từ giao dịch được xác định bởi thỏa thuận giữa doanh nghiệp với bên mua hoặc bên sử dụng tài sản. Nó được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu được hoặc sẽ thu được sau khi trừ (-) các khoản chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán, giảm giá hàng bán và giá trị hàng bán bị trả lại.

- Đối với các khoản tiền hoặc tương đương tiền không được nhận ngay thì doanh thu được xác định bằng cách quy đổi giá trị danh nghĩa của các khoản sẽ thu được trong tương lai về giá trị thực tế tại thời điểm ghi nhận doanh thu theo tỷ lệ lãi suất hiện hành. Giá trị thực tế tại thời điểm ghi nhận doanh thu có thể nhỏ hơn giá trị danh nghĩa sẽ thu được trong tương lai.

- Khi hàng hóa hoặc dịch vụ được trao đổi để lấy hàng hóa hoặc dịch vụ tương tự về bản chất và giá trị thì việc trao đổi đó không được coi là một giao dịch tạo ra doanh thu.

- Khi hàng hóa hoặc dịch vụ được trao đổi để lấy hàng hóa hoặc dịch vụ khác không tương tự thì việc trao đổi đó được coi là một giao dịch tạo ra doanh thu. Trường hợp này doanh thu được xác định bằng giá trị hợp lý của hàng hóa hoặc dịch vụ nhận về, sau khi điều chỉnh các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả thêm hoặc thu thêm.

Khi không xác định được giá trị hợp lý của hàng hóa hoặc dịch vụ nhận về thì doanh thu được xác định bằng giá trị hợp lý của hàng hóa hoặc dịch vụ đem trao đổi, sau khi điều chỉnh các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả thêm hoặc thu thêm.

• **Thời điểm ghi nhận doanh thu:** Doanh thu được ghi nhận chỉ khi doanh nghiệp được đảm bảo nhận lợi ích kinh tế từ giao dịch.

• **Điều kiện ghi nhận doanh thu**

Theo chuẩn mực kế toán số 14, Doanh thu được ghi nhận khi:

Đối với doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Đối với doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc

đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

• **Chứng từ sử dụng.**

Các loại chứng từ được Công ty sử dụng trong việc bán hàng bao gồm:

- Hợp đồng, cam kết mua bán giữa hai bên.
- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng kèm phiếu xuất kho
- Bảng kê bán lẻ hàng hóa
- Phiếu xuất kho...
- Chứng từ kế toán liên quan khác : Phiếu nhập kho hàng trả lại.
- Các chứng từ thanh toán : Phiếu thu, giấy báo có, Séc, Ủy nhiệm thu, bảng sao kê của Ngân hàng....

• **Tài khoản sử dụng**

Tài khoản sử dụng TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

TK này phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong 1 kỳ hạch toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

- TK 511 không có số dư cuối kỳ.
- TK 511 gồm các tài khoản cấp 2:

+ TK 5111 - Doanh thu bán hàng hóa: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng hàng hóa được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành kinh doanh hàng hóa, vật tư, lương thực, ...

+ TK 5112 - Doanh thu bán các thành phẩm: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm (thành phẩm, bán thành phẩm) được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành sản xuất vật chất như: Công nghiệp, nông nghiệp, xây lắp, ngư nghiệp, lâm nghiệp, ...

+ TK 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng dịch vụ đã hoàn thành, đã cung cấp cho khách

hàng và được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành kinh doanh dịch vụ như: Giao thông vận tải, bưu điện, du lịch, dịch vụ công cộng, dịch vụ khoa học kỹ thuật, dịch vụ kế toán, kiểm toán, ...

+ Tài khoản 5114 - Doanh thu trợ cấp, trợ giá: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản doanh thu từ trợ cấp, trợ giá của Nhà nước khi doanh nghiệp thực hiện các nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước.

+ Tài khoản 5117 - Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư và doanh thu bán, thanh lý bất động sản đầu tư.

+ TK 5118 - Doanh thu khác: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản doanh thu ngoài doanh thu bán hàng hóa, doanh thu bán thành phẩm, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu được trợ cấp trợ giá và doanh thu kinh doanh bất động sản như: Doanh thu bán vật liệu, phế liệu, nhượng bán công cụ, dụng cụ và các khoản doanh thu khác.

• **Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 511:**

Nợ	Tài khoản 511	Có
- Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT, Tiêu thụ đặc biệt, Xuất khẩu, Bảo vệ môi trường) - Các khoản giảm trừ doanh thu. - Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.		- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.
TK 511: Không có số dư cuối kỳ		

➤ **Những điểm khác về ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Thông tư 200/2014/TT-BTC so với Thông tư 99/2025/TT-BTC**

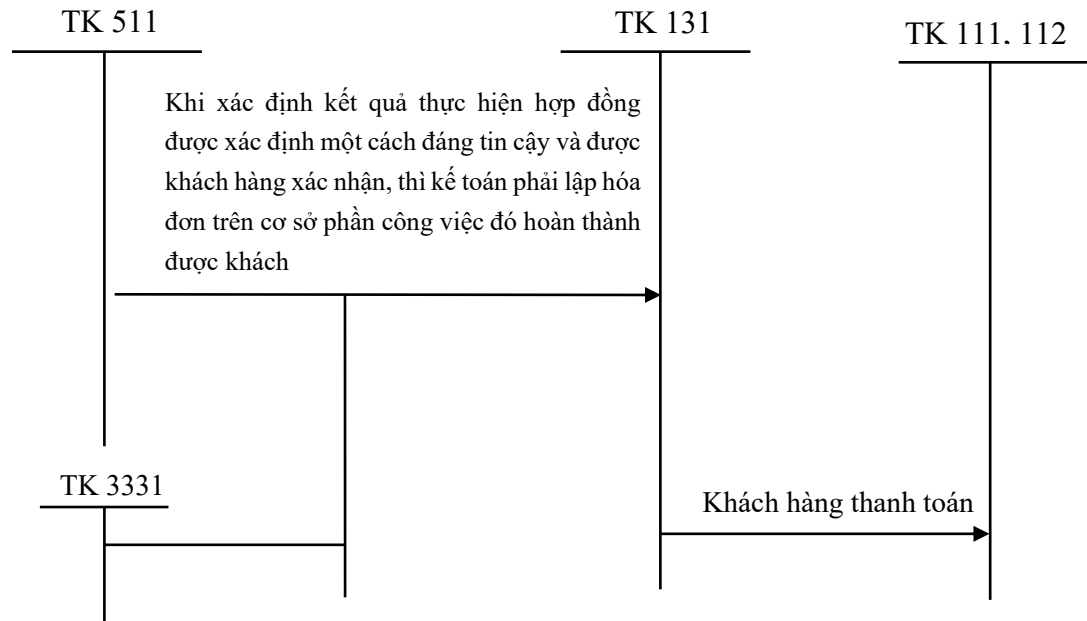
Nội dung	Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC	Theo Thông tư 99/2025/TT-BTC	Điểm thay đổi chính
Nguyên tắc ghi nhận doanh thu	Ghi nhận khi chuyển giao rủi ro và lợi ích; người mua đã chấp nhận hàng/dịch vụ; doanh thu xác định được chắc chắn	Ghi nhận khi chuyển quyền kiểm soát hàng hóa/dịch vụ cho khách hàng	Chuyển từ “rủi ro – lợi ích” sang “quyền kiểm soát”
Doanh thu cung cấp dịch vụ	Ghi nhận khi hoàn thành toàn bộ hoặc từng phần dịch vụ	Cho phép ghi nhận theo tiến độ hoàn thành nếu có thể đo lường đáng tin cậy	Cho phép ghi nhận theo tiến độ hoàn thành nếu có thể đo lường đáng tin cậy
Doanh thu hợp đồng dài hạn	Ghi nhận khi hoàn thành, hoặc theo tiến độ nếu xác định được kết quả	Ghi nhận theo nghĩa vụ thực hiện; yêu cầu phân tách nghĩa vụ trong hợp đồng	Chi tiết và kiểm soát chặt hơn

• **Phương pháp hạch toán:**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, kế toán phải lập hóa đơn GTGT gửi cho khách hàng và phản ánh doanh thu và nợ phải thu trong kỳ tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Trình tự hạch toán doanh thu khi doanh nghiệp được thanh toán được thể hiện qua *Sơ đồ 1.1* như sau :

Sơ đồ 1.1: Hạch toán doanh thu khi doanh nghiệp được thanh toán:



1.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu trong doanh nghiệp

• Tài khoản sử dụng kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

➤ *TK 5211: Chiết khấu thương mại*

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua. Khách hàng sẽ được hưởng khoản chiết khấu thương mại khi họ đã mua hàng hoá, sản phẩm hoặc dịch vụ với số lượng lớn hoặc theo thỏa thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại đã được ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc cam kết mua, bán hàng

➤ *TK 5212: Hàng bán bị trả lại*

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại trong kỳ. Đơn giá của hàng bán bị trả lại được tính đúng bằng đơn giá ghi trên hóa đơn bán hàng. Các chi phí phát sinh liên quan đến hàng bán bị trả lại sẽ được tính vào TK 641 – “Chi phí bán hàng”.

➤ *TK 5213: Giảm giá hàng bán*

Tài khoản 5213 dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán phát sinh trong kỳ. Tài khoản này chỉ được dùng để phản ánh các khoản giảm giá hàng bán được chấp thuận sau khi đã bán hàng và phát hành hóa đơn (giảm giá ngoài hóa đơn) do hàng hóa kém phẩm chất...

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 521:

Nợ	TK 521	Có
- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng. - Số giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng. - Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ về các khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán.		- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, doanh thu của hàng bán bị trả lại sang tài khoản 511 để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.
TK 521: Không có số dư cuối kỳ		

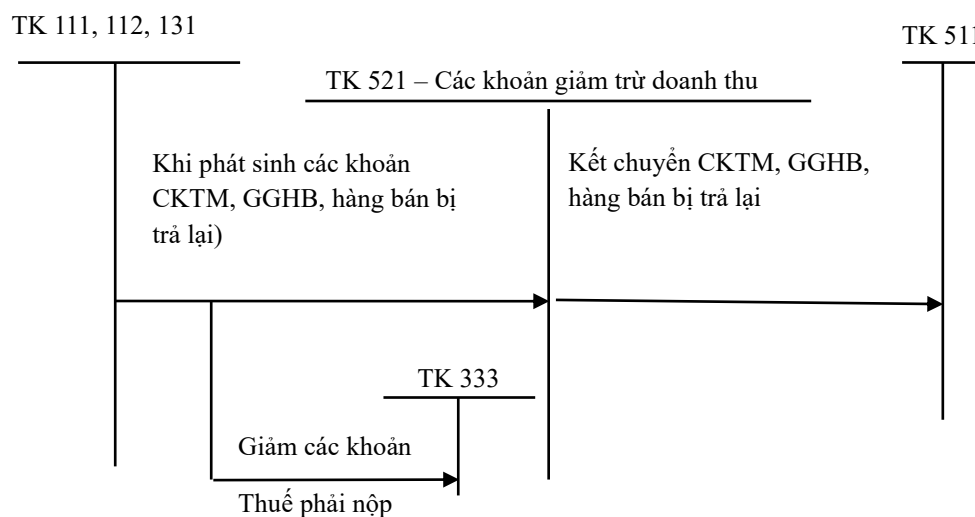
• Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT, các chứng từ thanh toán (phiếu thu, séc chuyển khoản, ủy nhiệm chi, bảng sao kê ngân hàng,..), biên bản giảm giá hàng bán
- Các chứng từ kế toán liên quan khác: hợp đồng chiết khấu, bảng tính chiết khấu, biên bản hàng hóa trả lại, hóa đơn hàng bán trả lại do bên khách hàng lập

• Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.2: Sơ đồ kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

(Theo TT 200/2014-BTC)



➤ **Những điểm khác về ghi nhận Giảm trừ doanh thu Thông tư 200/2014/TT-BTC so với Thông tư 99/2025/TT-BTC**

Nội	Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC	Theo Thông tư 99/2025/TT-BTC	Điểm thay đổi chính
Giảm trừ doanh thu	Sử dụng TK 521 để phản ánh các khoản giảm trừ doanh thu, gồm: TK 5211 – Chiết khấu thương mại; TK 5212 – Hàng bán bị trả lại; TK 5213 – Giảm giá hàng bán	Vẫn sử dụng nhóm TK 521 để phản ánh các khoản giảm trừ doanh thu, tuy nhiên tăng cường yêu cầu trình bày và thuyết minh chi tiết từng khoản giảm trừ trên BCTC	Tăng tính minh bạch và khả năng cung cấp thông tin chi tiết về các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.1.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

• **Khái niệm doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính là những khoản doanh thu do hoạt động tài chính mang lại như tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

• **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu thu
- Giấy báo có và các chứng từ kế toán khác....

• **Tài khoản sử dụng:** Tài khoản 515: Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính – TK 515: Không có số dư cuối kỳ

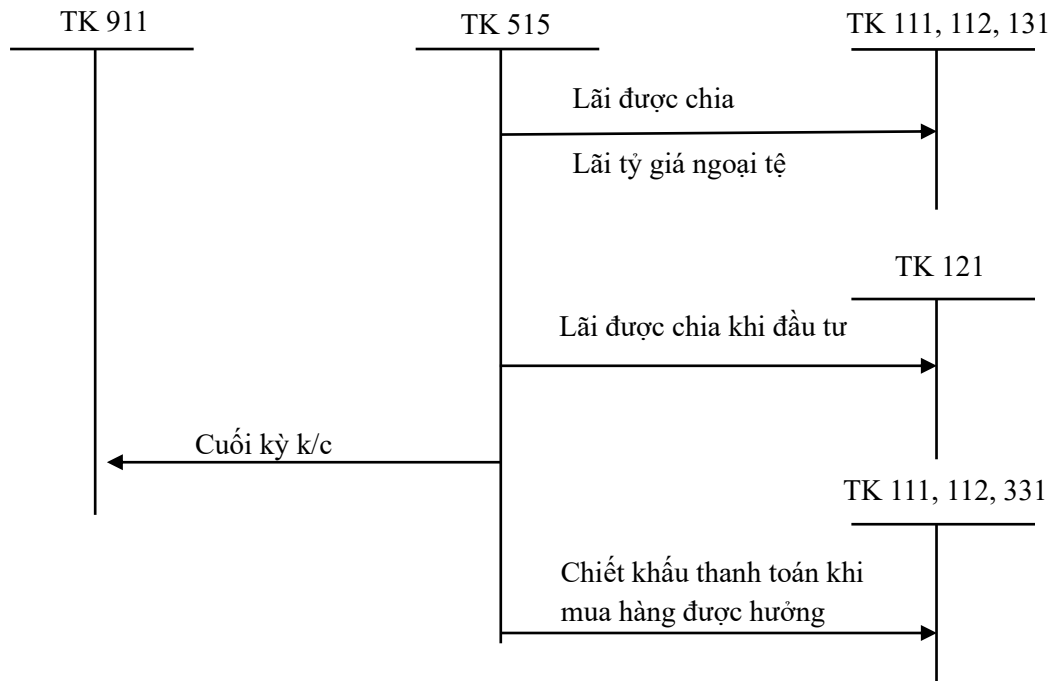
Doanh thu hoạt động tài chính – TK 515: Không có tài khoản cấp 2

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 515:

Nợ	TK 515	Có
- Thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)- Các khoản giảm trừ doanh thu. - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.		- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ như: Số tiền lãi, lợi nhuận và cổ tức, nhượng bán các khoản đầu tư; lãi chênh lệch tỷ giá, chiết khấu thanh toán,
TK 515: Không có số dư cuối kỳ		

• **Phương pháp hạch toán:**

Sơ đồ 1.3: Trình tự kế toán doanh thu hoạt động tài chính



1.2.1.4. Kế toán thu nhập khác

• **Khái niệm thu nhập khác**

Thu nhập khác là các khoản thu nhập không phải là doanh thu của doanh nghiệp. Đây là các khoản thu nhập được tạo ra từ các hoạt động khác ngoài hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, cụ thể bao gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ
- Giá trị còn lại hoặc giá bán hoặc giá trị hợp lý của TSCĐ bán để thuê lại theo phương thức thuê tài chính hoặc thuê hoạt động.
- Tiền thu được phạt do khách hàng, đơn vị khác vi phạm hợp đồng kinh tế
- Thu từ các khoản nợ phải trả không xác định được chủ
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các cá nhân, tổ chức tặng doanh nghiệp
- Các khoản thu nhập kinh doanh của năm trước bị bỏ sót hay quên ghi sổ kế toán nay phát hiện ra,...

Các khoản chi phí, thu nhập khác xảy ra không mang tính chất thường xuyên, khi phát sinh đề phải các chứng từ hợp lý, hợp pháp mới được ghi sổ kế toán

• **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu thu, giấy báo có;
- Giấy đề nghị thanh lý, nhượng bán TSCĐ;
- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ, CCDC;
- Các chứng từ khác có liên quan...

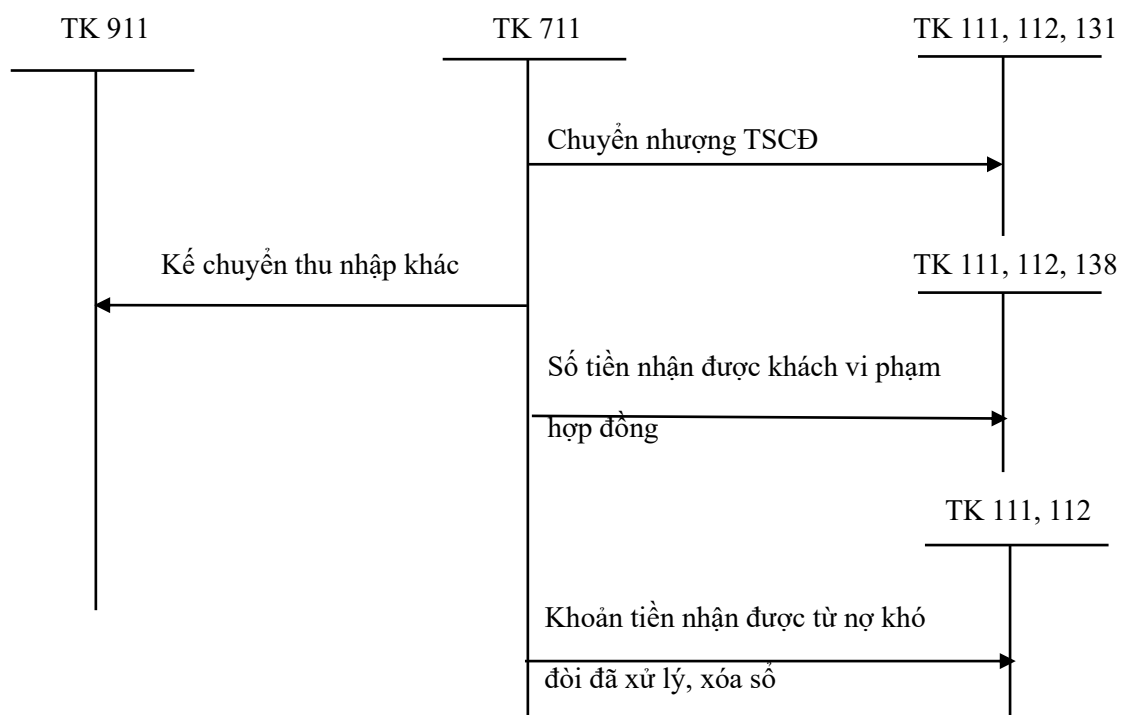
• **Tài khoản sử dụng:** TK 711 – Thu nhập khác

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 711

Nợ	TK 711	Có
- Thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)- - Kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.		- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.
TK 711: Không có số dư cuối kỳ		

• **Phương pháp hạch toán:**

Sơ đồ 1.4: Trình tự kế toán thu nhập khác



1.2.2. Kế toán chi phí trong doanh nghiệp

1.2.2.1. Chi phí và các loại chi phí trong doanh nghiệp

Theo chuẩn mực kế toán số 01:

Chi phí: Là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu.

Chi phí bao gồm các chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp và các chi phí khác. Chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, như: giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí lãi tiền vay, và những chi phí liên quan đến hoạt động cho các bên khác sử dụng tài sản sinh ra lợi tức, tiền bản quyền, ... Những chi phí này phát sinh dưới dạng tiền và các khoản tương đương tiền, hàng tồn kho, khấu hao máy móc, thiết bị.

Chi phí khác bao gồm các chi phí ngoài các chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, như: chi phí về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, các khoản tiền bị khách hàng phạt do vi phạm hợp đồng,...

• Điều kiện ghi nhận chi phí:

- Chi phí sản xuất, kinh doanh và chi phí khác được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi các khoản chi phí này làm giảm bớt lợi ích kinh tế trong tương lai có liên quan đến việc giảm bớt tài sản hoặc tăng nợ phải trả và chi phí này phải xác định được một cách đáng tin cậy.

- Các chi phí được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phải tuân thủ nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

- Khi lợi ích kinh tế dự kiến thu được trong nhiều kỳ kế toán có liên quan đến doanh thu và thu nhập khác được xác định một cách gián tiếp thì các chi phí liên quan được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở phân bổ theo hệ thống hoặc theo tỷ lệ.

- Một khoản chi phí được ghi nhận ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

➤ **Những điểm khác về ghi nhận chi phí của Thông tư 200/2014/TT-BTC so với Thông tư 99/2025/TT-BTC**

Nội dung	Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC	Theo Thông tư 99/2025/TT-BTC	Điểm thay đổi chính
Chi phí sản xuất – kinh doanh	Ghi nhận theo yếu tố (NVL, NC, KH,...) hoặc theo chức năng	Cho phép ghi nhận theo chức năng (bán hàng, quản lý, R&D), khuyến khích trình bày theo IFRS	Nâng cao khả năng so sánh quốc tế
Chi phí tài chính, chi phí khác	Phân loại truyền thống (635, 811)	Giữ nguyên nhưng yêu cầu tách riêng lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá rõ ràng hơn	Chính xác hơn khi đánh giá rủi ro tài chính
Chi phí thuế TNDN	Ghi nhận khi phát sinh nghĩa vụ	Bổ sung thuế hoãn lại nếu DN áp dụng IFRS	Tiệm cận chuẩn mực IAS 12

1.2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

• **Khái niệm giá vốn hàng bán:**

Giá vốn hàng bán là giá trị vốn của hàng bán đã tiêu thụ trong một khoảng thời gian cụ thể (trong một kỳ). Giá vốn hàng bán bao gồm tất cả các chi phí liên quan đến quá trình tạo ra sản phẩm.

Đối với từng loại hình doanh nghiệp khác nhau thì sẽ có những cách định nghĩa về giá vốn khác nhau:

Với các doanh nghiệp thương mại (nghĩa là nhập sản phẩm sẵn có về bán), thì giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của hàng hóa bán ra trong kỳ, tổng tất cả các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh (từ lúc mua hàng đến lúc hàng hóa có mặt tại kho của doanh nghiệp, bao gồm: Giá nhập hàng hóa từ các nhà cung cấp, chi phí vận chuyển hàng hóa về kho, thuế, bảo hiểm hàng hóa,...)

Với các doanh nghiệp sản xuất (các doanh nghiệp trực tiếp sản xuất ra sản phẩm), thì các chi phí cấu thành nên giá vốn sẽ nhiều hơn các doanh nghiệp thương mại do có thêm chi phí nguyên liệu đầu vào để sản xuất sản phẩm.

• **Phương pháp tính giá vốn:**

Giá vốn thực tế xuất kho của hàng hóa được tính theo một trong các phương pháp: Bình quân gia quyền; Nhập trước xuất trước; Thực tế đích danh;

* *Phương pháp bình quân gia quyền:*

Theo phương pháp này thì giá vốn hàng bán xuất kho được tính căn cứ vào số lượng hàng hóa xuất kho và đơn giá bình quân:

Trị giá vốn thực tế của sản phẩm, hàng hóa xuất kho	=	Số lượng sản phẩm hàng hóa xuất kho	x	Đơn giá bình quân
---	---	-------------------------------------	---	-------------------

+ Nếu đơn giá bình quân tính cho cả kỳ được gọi là phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ:

Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ	=	Trị giá thực tế sản phẩm hàng hóa tồn đầu kỳ	+	Trị giá vốn thực tế của sản phẩm, hàng hóa nhập trong kỳ
		Số lượng sản phẩm hàng hóa tồn đầu	+	Số lượng sản phẩm hàng hóa nhập trong kỳ

+ Nếu đơn giá bình quân tính sau mỗi lần nhập được gọi là phương pháp bình quân liên hoàn:

Trị giá vốn thực tế của sản phẩm, hàng hóa xuất kho	=	$\frac{\text{Trị giá sản phẩm, hàng hóa tồn kho sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng sản phẩm, hàng hóa tồn kho sau lần nhập thứ } i}$
---	---	--

Theo phương pháp này, giá gốc hàng hoá xuất trong thời kì được tính theo giá đơn vị bình quân (bình quân cả kỳ dự trữ, bình quân cuối kỳ trước, bình quân mỗi lần nhập).

* *Phương pháp nhập trước- xuất trước (FIFO)*

Theo phương pháp này giả thiết rằng hàng hoá nào nhập trước thì xuất trước, xuất hết số nhập trước rồi mới đến số nhập sau theo giá thực tế của từng số hàng xuất.

Nói cách khác, cơ sở của phương pháp này là giá gốc của hàng hoá mua trước sẽ được dùng làm giá để tính giá hàng hoá xuất trước. Do vậy, giá trị hàng hoá tồn kho cuối kỳ sẽ là giá thực tế của hàng hoá mua vào sau cùng. Phương pháp này thích hợp trong trường hợp giá cả ổn định hoặc có xu hướng giảm

* *Phương pháp giá thực tế đích danh*

Theo phương pháp này, hàng hoá được xác định giá trị theo đơn chiếc hay từng lô và giữ nguyên từ lúc nhập kho cho đến lúc xuất dùng. Khi xuất hàng hoá sẽ tính theo giá gốc. Phương pháp này thường sử dụng với các loại hàng hoá có giá trị cao và có tính tách biệt

• **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu xuất kho
- Và các chứng từ liên quan khác để xác định được giá vốn như : Hóa đơn vận chuyển, phiếu nhập kho...

• **Tài khoản sử dụng:** 632 – Giá vốn hàng bán. Kết cấu TK này như sau:

Bên Nợ: Trị giá vốn của hàng hoá, lao vụ, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ

Bên Có: Kết chuyển giá vốn hàng tiêu thụ trong kỳ vào tài khoản xác định kết quả

TK 632 không có số dư cuối kỳ.

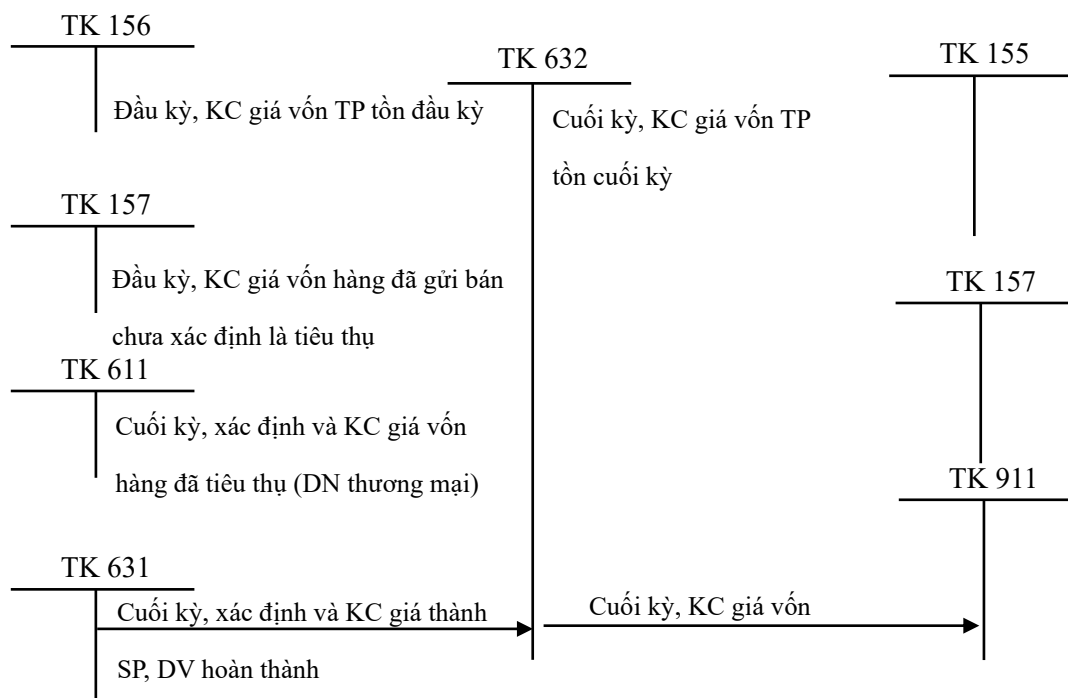
• **Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 632:**

Nợ	TK 632	Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ. - Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra. - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. - Chi phí nguyên vật liệu, nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí chung cố định không phân bổ. - Chi phí xây dựng TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng.		- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước). - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho. - Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ. - Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại.

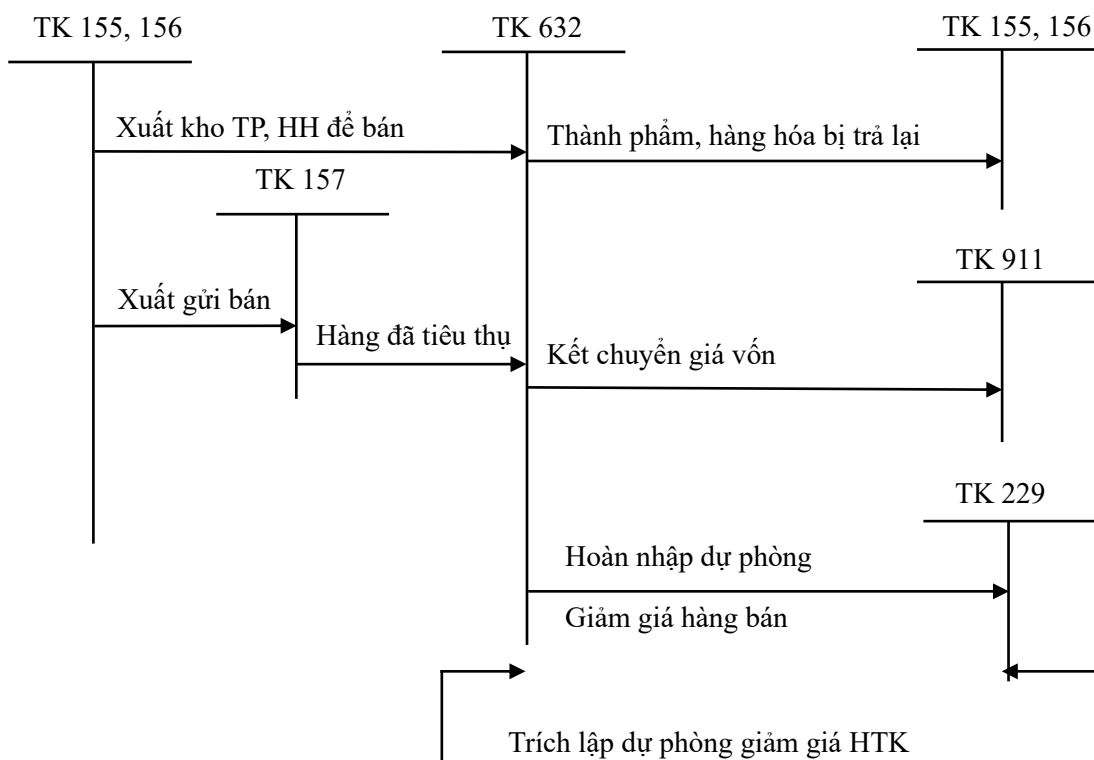
TK 711: Không có số dư cuối kỳ

• Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.5. Theo phương pháp kiểm kê định kỳ



Sơ đồ 1.6: Theo phương pháp kê khai thường xuyên



1.2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng

- **Khái niệm:**

Chi phí bán hàng là toàn bộ chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

Chi phí bán hàng bao gồm các yếu tố: Chi phí nhân viên bán hàng, chi phí vật liệu bao bì, chi phí dụng cụ, đồ dùng, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí bảo hành sản phẩm, chi phí bằng tiền khác

- **Chứng từ sử dụng:**

- Bảng kê chi phí bán hàng
- Phiếu xuất kho
- Hợp đồng dịch vụ
- Hợp đồng quảng cáo
- Giấy đề nghị thanh toán

- **Tài khoản sử dụng:** TK 641 – Chi phí bán hàng

Tài khoản 6411 – Chi phí nhân viên

Tài khoản 6412 – Chi phí nguyên vật liệu, bao bì

Tài khoản 6413 – Chi phí dụng cụ, đồ dùng

Tài khoản 6414 – Chi phí khấu hao TSCĐ

Tài khoản 6415 – Chi phí bảo hành

Tài khoản 6417 – Chi phí dịch vụ mua ngoài

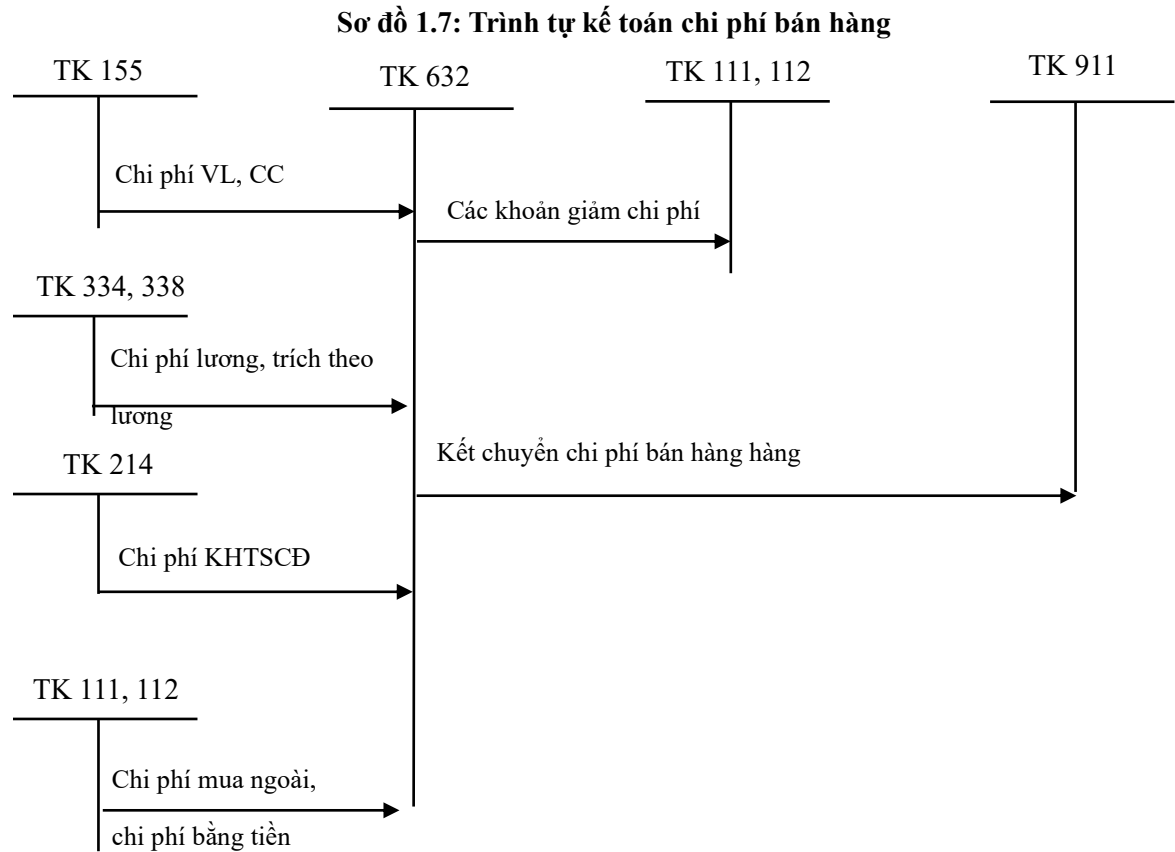
Tài khoản 6418 – Chi phí bằng tiền khác

Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 641:

Nợ	TK 641	Có
- Phản ánh các chi phí liên quan đến quá trình bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ trong kỳ.		- Các khoản chi phí được giảm trong kỳ - Kết chuyển các chi phí bán hàng vào TK 911.
TK 641: Không có số dư cuối kỳ		

• **Phương pháp hạch toán:**



1.2.2.4. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

• **Khái niệm:**

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý sản xuất kinh doanh, quản lý hành chính và một số khoản khác có tính chất chung toàn doanh nghiệp.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các yếu tố: Chi phí nhân viên quản lý, chi phí vật liệu quản lý, chi phí đồ dùng văn phòng, chi phí khấu hao TSCĐ, thuế, phí và lệ phí, chi phí dự phòng, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

• **Chứng từ kế toán:**

- Hóa đơn mua hàng, hóa đơn dịch vụ
- Phiếu chi tiền mặt
- Phiếu xuất kho
- Bảng lương và các khoản trích theo lương
- Hợp đồng thuê văn phòng, thuê tài sản

- Hợp đồng mua bán hàng hóa hoặc dịch vụ
- Biên bản nghiệm thu, biên bản thanh lý

• **Tài khoản kế toán:**

Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Tài khoản 6421 – Chi phí nhân viên quản lý

Tài khoản 6422 – Chi phí nguyên vật liệu quản lý

Tài khoản 6423 – Chi phí đồ dùng văn phòng

Tài khoản 6424 – Chi phí khấu hao TSCĐ

Tài khoản 6425 – Thuế, phí và lệ phí

Tài khoản 6426 – Chi phí dự phòng

Tài khoản 6427 – Chi phí dịch vụ mua ngoài

Tài khoản 6428 – Chi phí bằng tiền khác

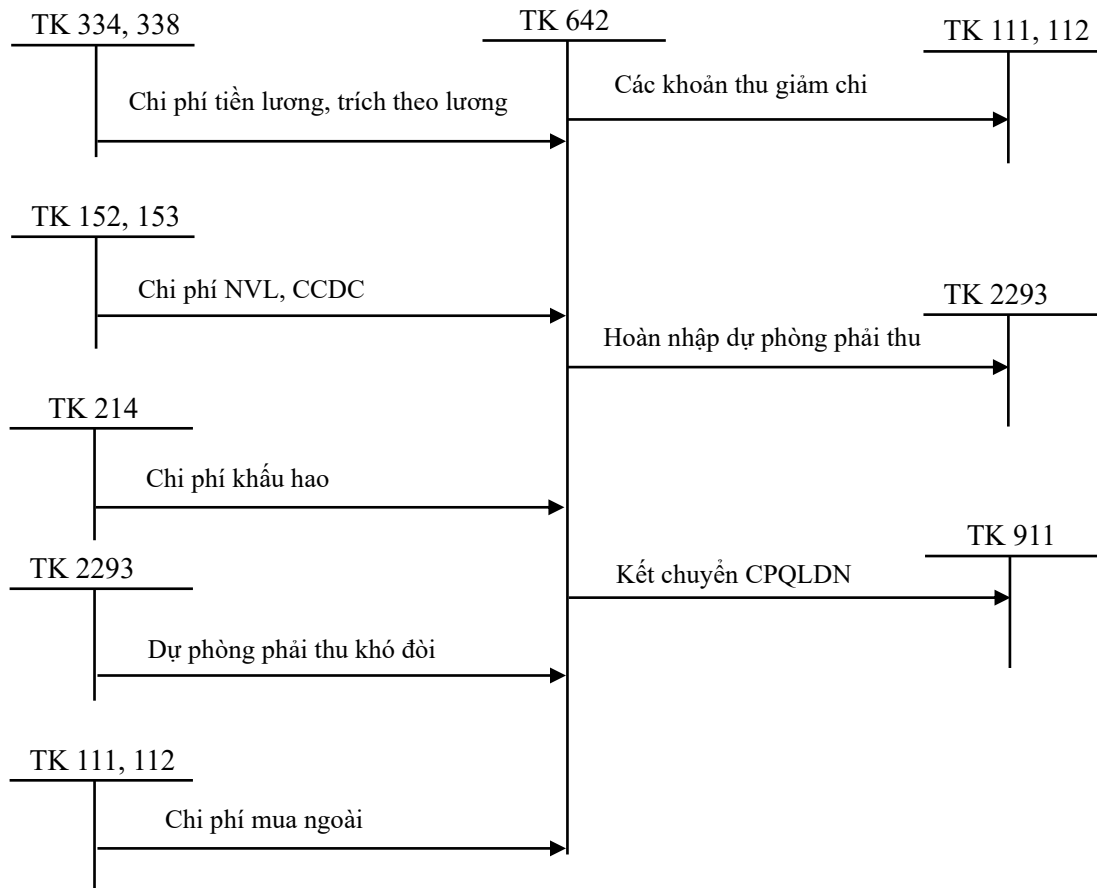
Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 642:

Nợ	TK 642	Có
- Các chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ. - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.		- Các khoản chi phí được giảm trong kỳ - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả. - Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào TK911
TK 642: Không có số dư cuối kỳ		

• **Phương pháp hạch toán:**

Sơ đồ 1.8: Trình tự kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp



1.2.2.5. Kế toán chi phí tài chính

• **Khái niệm chi phí tài chính**

- Chi phí hoạt động tài chính là những khoản chi phí liên quan đến các hoạt động về vốn, về đầu tư tài chính nhằm mục đích sử dụng hợp lý tăng thêm thu nhập nâng cao hiệu quả của hoạt động kinh doanh cho doanh nghiệp.

- Chi phí tài chính bao gồm: các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, chi phí giao dịch bán chứng khoán.

• **Chứng từ sử dụng:** Phiếu tính lãi, giấy báo nợ, phiếu chi,...

• **Số kế toán sử dụng:** sổ cái và sổ chi tiết TK 635

• **Tài khoản sử dụng:** Tài khoản 635 - Chi phí tài chính

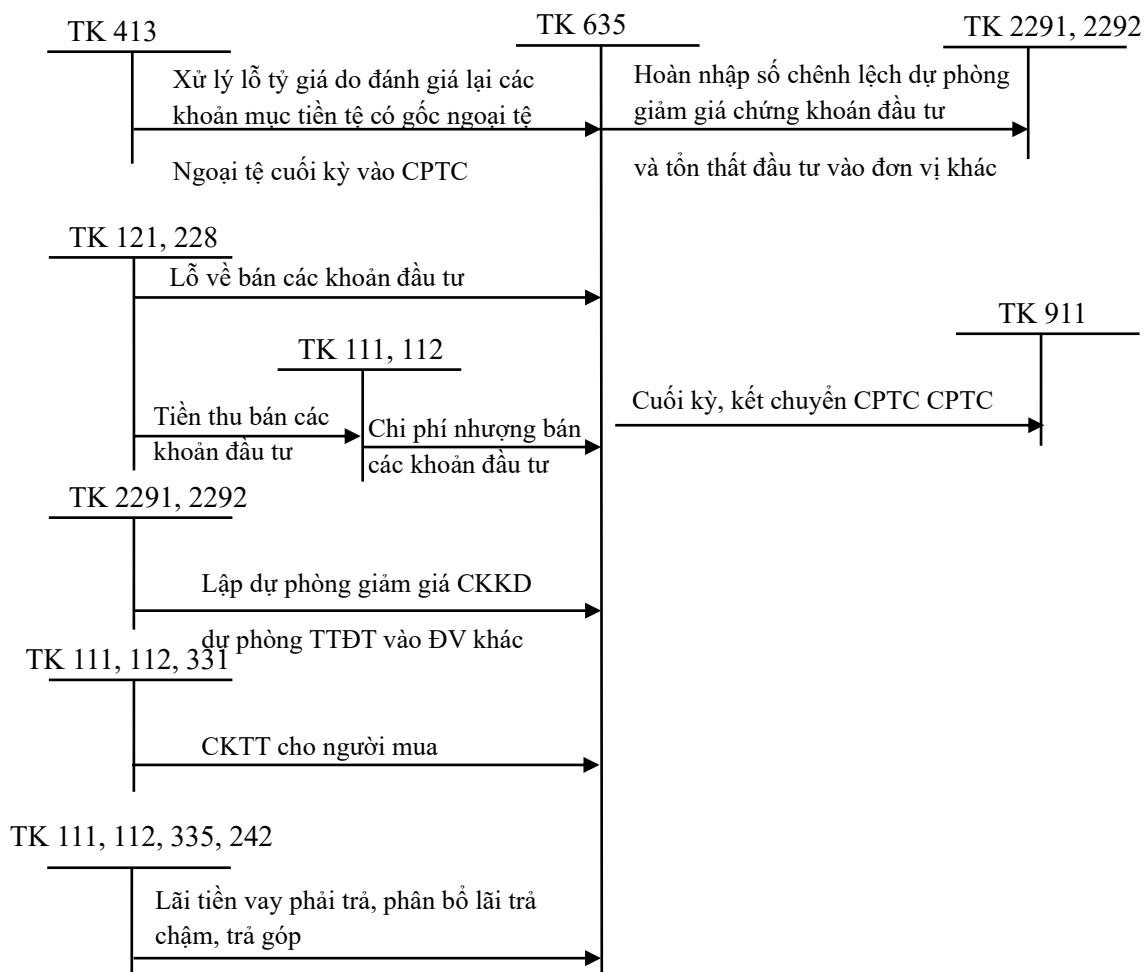
Tài khoản 635 – Chi phí tài chính: Không có số dư cuối kỳ

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 635:

Nợ	TK 635	Có
- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính. - Lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, lỗ bán ngoại tệ - Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác - Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.		- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác. - Các khoản ghi giảm chi phí tài chính - Kết chuyển toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ sang TK 911
TK 635: Không có số dư cuối kỳ		

• Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.9: Trình tự kế toán chi phí tài chính



1.2.2.6. Kế toán chi phí khác

- **Khái niệm chi phí khác**

Chi phí khác là các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu. Đây là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ khác biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, nội dung cụ thể bao gồm:

- + Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ (gồm cả chi phí đấu thầu thanh lý, nhượng bán TSCĐ).

- + Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán (nếu có)

- + Các khoản tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế và các khoản chi phí khác

- **Chứng từ sử dụng:**

- Biên bản thanh lý TSCĐ

- Giấy nộp tiền

- Giấy báo nợ, phiếu chi

- **Tài khoản sử dụng:** TK 811 – Chi phí khác

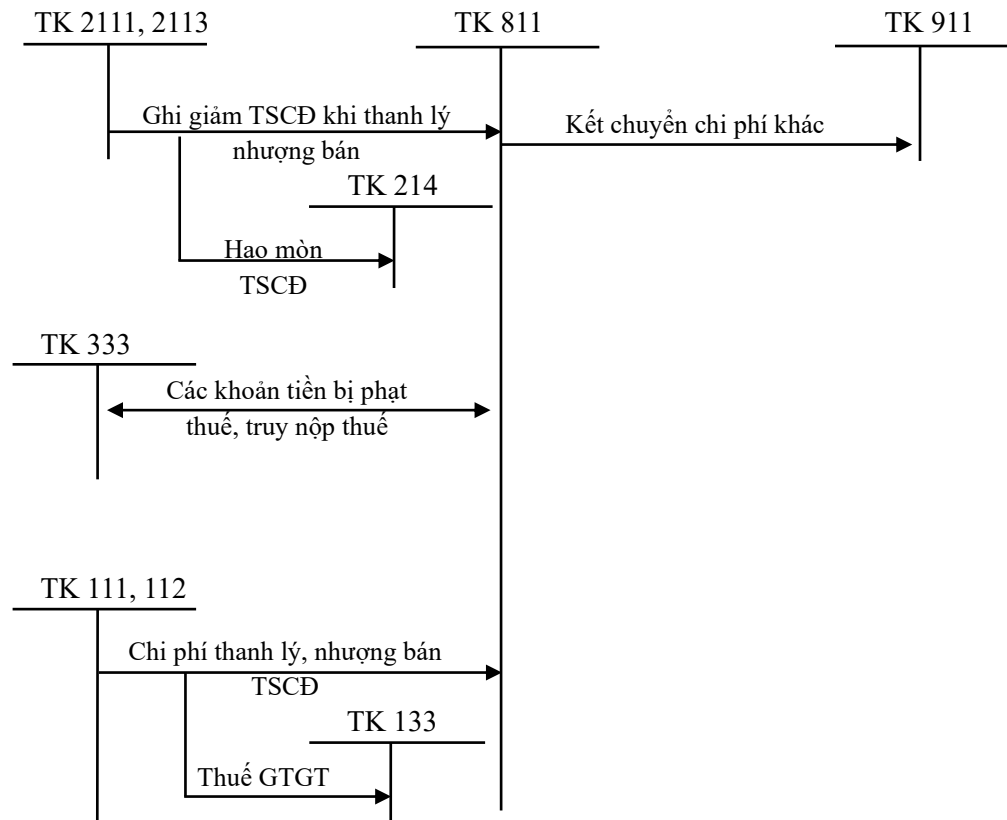
Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 811:

Nợ	TK 811	Có
- Các khoản chi phí khác phát sinh như chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, giá trị còn lại của tài sản cố định nhượng bán, thanh lý,....		- Kết chuyển toàn bộ chi phí khác phát sinh trong kỳ sang TK 911
TK 811: Không có số dư cuối kỳ		

• **Phương pháp hạch toán:**

Sơ đồ 1.10: Trình tự kế toán chi phí khác



1.2.2.7. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

• **Khái niệm**

Chi phí thuế TNDN là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế TNDN hiện hành: là số thuế TNDN phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả: là thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế TNDN trong năm hiện hành.

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: là thuế TNDN sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên các khoản: Chênh lệch tạm thời được khấu trừ; Giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và của ưu đãi thuế chưa sử dụng.

• **Chứng từ sử dụng:**

- Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp;

- Bảng báo cáo KQHĐKD

• **Tài khoản kế toán sử dụng:** TK 821 – Chi phí thuế TNDN.

Tài khoản này được mở hai tài khoản cấp 2 là:

+ TK 8211: Chi phí thuế TNDN hiện hành

+ TK 8212: Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Tài khoản 243 – Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài khoản 347 – Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 821:

Nợ	TK 821	Có
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm - Thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của những năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành		- Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của những năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành - Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm lớn hơn khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm sang TK 911.

TK 821: Không có số dư cuối kỳ

• **Cách xác định thuế thu nhập doanh nghiệp**

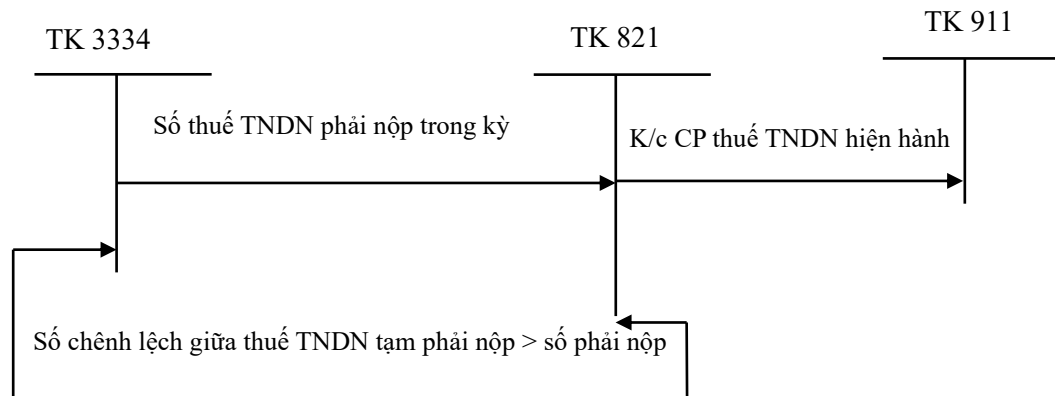
$$\text{Thu nhập tính thuế} = \text{Thu nhập chịu thuế} - \left(\text{Thu nhập được miễn thuế} + \text{Các khoản lỗ được kết chuyển theo quy định} \right)$$

$$\text{Thu nhập chịu thuế} = \text{Doanh thu tính thu nhập chịu thuế} - \text{Chi phí được trừ trong kỳ} + \text{Các khoản thu nhập khác}$$

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \left(\text{Thu nhập tính thuế} - \text{Phần trích lập quỹ KHCV (Nếu có)} \right) \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

- **Trình tự kế toán:**

Sơ đồ 1.11: Trình tự kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp



1.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.3.1. Nội dung xác định kết quả kinh doanh

Khái niệm kế toán xác định kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh thông thường và kết quả hoạt động khác.

Kết quả hoạt động kinh doanh thông thường là kết quả từ những hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp, đây là hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ và hoạt động tài chính.

Kết quả hoạt động khác là kết quả được tính bằng số chênh lệch giữa thu nhập thuần khác và chi phí khác.

1.2.3.2. Phương pháp kế toán, tài khoản sử dụng và chứng từ kế toán

• **Phương pháp xác định kết quả kinh doanh**

Lợi nhuận kế toán trước thuế	=	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	+	Thu nhập khác	-	Chi phí khác
------------------------------	---	---	---	---------------	---	--------------

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	=	DTT từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Giá vốn hàng bán	+	Doanh thu hoạt động tài chính	-	Chi phí tài chính	-	Chi phí bán hàng	-	Chi phí quản lý DN
---	---	--	---	---------------------	---	--	---	----------------------------	---	---------------------------	---	--------------------------------

Lợi nhuận sau thuế	=	Lợi nhuận kế toán trước thuế	-	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
-----------------------	---	---------------------------------	---	---------------------------------------

• **Chứng từ, sổ sách sử dụng:**

- Phiếu kế toán
- Sổ cái TK 511, 515, 711, 632, 642, 635, 811
- Các sổ chi tiết liên quan

• **Tài khoản sử dụng**

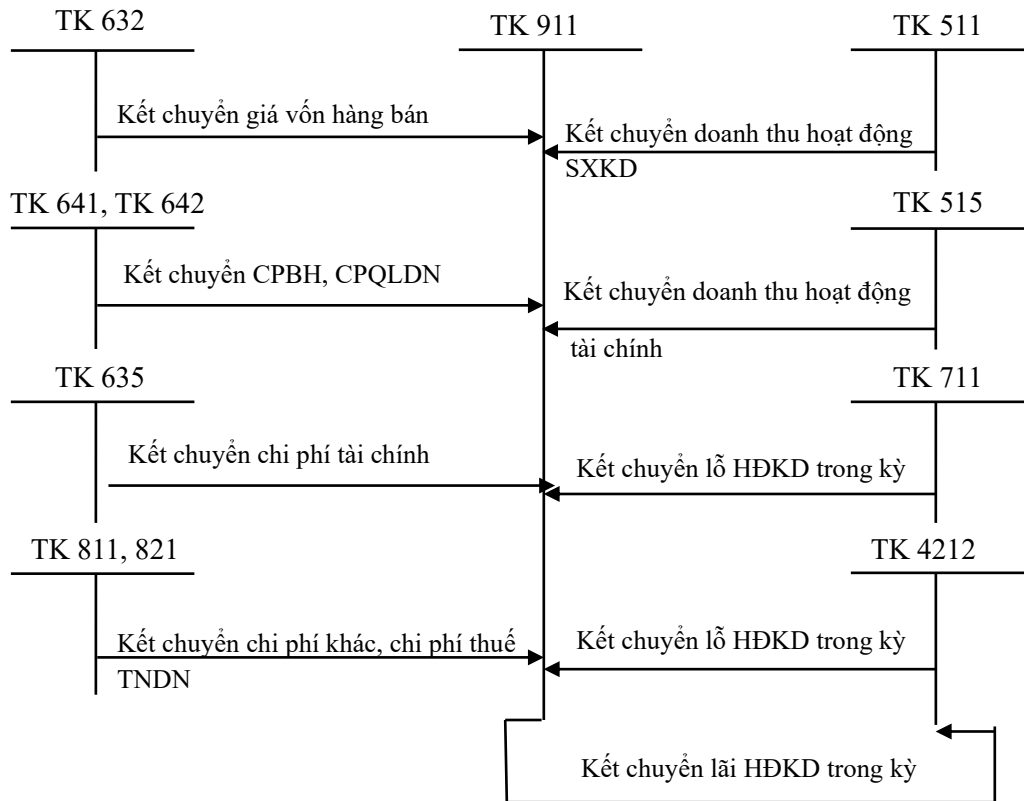
Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 911:

Nợ	TK 911	Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán. - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác. - Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp - Kết chuyển lãi.		- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ. - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản kết chuyển giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. - Kết chuyển lỗ.
TK 911: Không có số dư cuối kỳ		

• **Phương pháp hạch toán xác định kết quả kinh doanh:**

Sơ đồ 1.12: Trình tự kế toán xác định kết quả kinh doanh



1.2.4. Các hình thức ghi sổ kế toán

1.2.4.1. Chứng từ ghi sổ

- Ưu điểm: Kết cấu mẫu sổ đơn giản, dễ ghi chép, dễ đối chiếu số liệu.
- Nhược điểm: Ghi chép còn trùng lặp, khối lượng ghi chép nhiều.

1.2.4.2. Nhật ký chung

- Ưu điểm: Mẫu sổ đơn giản, dễ ghi chép, thuận tiện phân công công việc.
- Nhược điểm: Số lượng sổ sử dụng nhiều, công việc đối chiếu dồn vào cuối tháng.

1.2.4.3. Nhật ký – Sổ cái

- Ưu điểm: Sử dụng các loại sổ có kết cấu đơn giản, dễ kiểm tra đối chiếu.
- Nhược điểm: Khó phân công công việc.

1.2.4.4. Nhật ký – Chứng từ

- Ưu điểm: Tập hợp số liệu vào các chứng từ, sổ sách theo quan hệ đối ứng của các tài khoản nên giảm nhẹ thao tác ghi chép, dễ đối chiếu, kiểm tra.
- Nhược điểm: Mẫu sổ phức tạp, đòi hỏi nhân viên kế toán phải có chuyên môn vững vàng.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP CƠ KHÍ SÔNG THU

2.1. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CP CƠ KHÍ SÔNG THU

2.1.1. Giới thiệu chung

2.1.1.1. Thông tin chung về Công ty CP Cơ khí Sông Thu

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Cơ khí Sông Thu
- Mã số thuế: 0401505840
- Địa chỉ: Đường số 8, Khu công nghiệp Hòa Cầm, Phường Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng
- Quản lý bởi: Thuế thành phố Đà Nẵng
- Vốn điều lệ: 94.500.000.000 đồng.
- Giám đốc: Trần Lê Hải
- Số điện thoại: 02363420676
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty cổ phần ngoài NN



Hình 2.1: Logo Công ty Cổ phần Cơ khí Sông Thu

2.1.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty CP Cơ khí Sông Thu

❖ Giới thiệu chung về doanh nghiệp

Công ty CP Cơ khí Sông Thu (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập ngày 16 tháng 07 năm 2012 theo giấy Đăng ký kinh doanh số 0401505840 và đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 19 tháng 01 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp:

❖ Quá trình hình thành:

Công ty CP Cơ Khí Sông Thu được thành lập bởi Tổng Công ty Sông Thu – BQP năm 2012, đây là một trong những dự án hợp tác với Nhật Bản về lĩnh vực gia công cơ khí.

Công ty sản xuất hệ thống xe đẩy hàng đa năng trên dây chuyền và máy móc tự động hóa hiện đại với công nghệ và tiêu chuẩn Nhật Bản. Công ty sản xuất 4 kích cỡ chính trong hệ thống này, tải trọng lên đến 500kg. Xe đẩy hàng của công ty có mẫu mã đẹp, nhỏ gọn, dễ dàng lắp ráp cũng như di chuyển, thích hợp để vận chuyển hàng hóa ở nhiều nơi, đặc biệt là trong hệ thống vận tải logistics. Thời gian gần đây công ty tập trung thực hiện hoạt động sơn bảo dưỡng vỏ bình gas, hợp tác với nhiều đối tác trong khu vực để đảm bảo sản xuất ổn định.

❖ Quá trình phát triển:

Đối với Công ty cổ phần cơ khí Sông Thu dù vẫn còn những khó khăn nhưng Công ty đã chủ động tìm kiếm các sản phẩm cơ khí khác ngoài xe đẩy hàng để duy trì và phát triển công ty: Tập trung thực hiện tốt nhất sơn bảo dưỡng vỏ bình gas theo yêu cầu của Total đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng; công ty đã triển khai gia công Pallet sắt với tập đoàn dệt may Vinatech với doanh thu hơn 30% Tổng doanh thu. Việc duy trì cho thuê Nhà Xưởng cũng mang lại doanh thu gần 40%. Với tình trạng nhà máy công ty hiện nay đang cầm chừng sản xuất chờ việc thực hiện thoái vốn, việc duy trì đơn hàng gia công vỏ bình gas và cho thuê Nhà xưởng là 2 hạng mục sản xuất chính của đơn vị nhằm tạo việc làm và tăng doanh thu của công ty.

2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP Cơ khí Sông Thu

❖ Lĩnh vực kinh doanh: Hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực cơ khí và dịch vụ kỹ thuật, bao gồm:

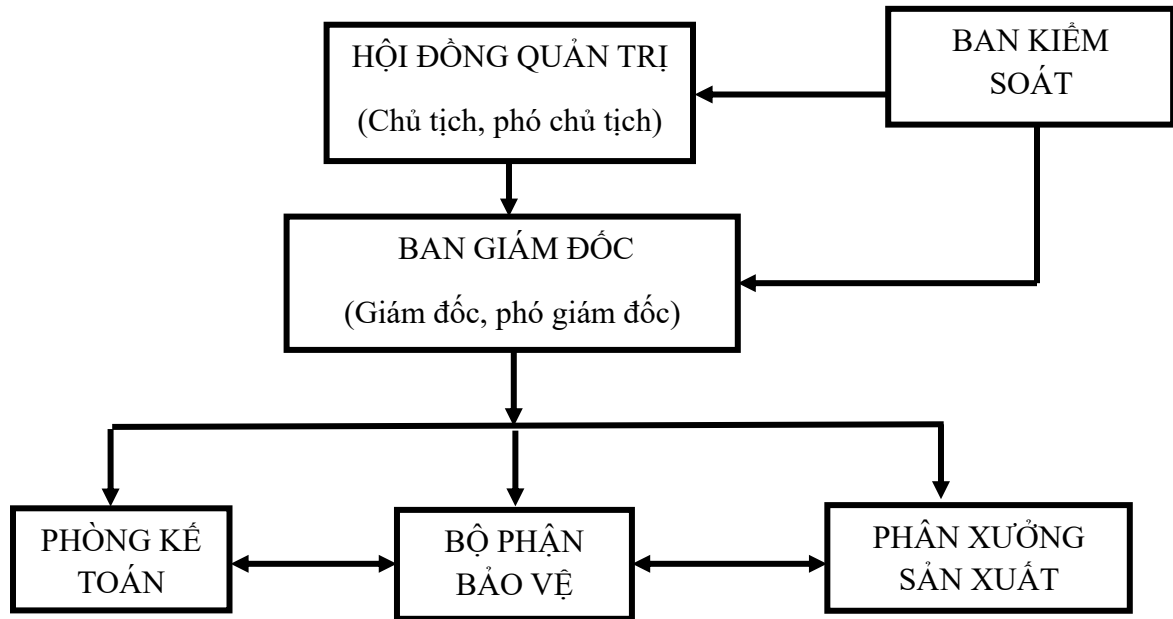
- + Gia công, sửa chữa các sản phẩm cơ khí;
- + Sơn, bảo trì, kiểm định bình gas và thiết bị công nghiệp;
- + Cho thuê mặt bằng, nhà xưởng và cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất.

❖ Mục tiêu phát triển: Công ty hướng đến việc nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, khai thác tối đa cơ sở vật chất hiện có, mở rộng các dịch vụ cơ khí – sửa chữa phù hợp với nhu cầu thị trường, từng bước ổn định doanh thu, tạo việc làm cho người lao động và phát triển bền vững trong dài hạn. Mục tiêu này đòi hỏi công tác kế toán phải cung cấp thông tin trung thực, kịp thời về doanh thu và chi phí, làm cơ sở cho công tác quản lý và ra quyết định của Ban Giám đốc.

2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty CP Cơ khí Sông Thu

2.1.3.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty

Công ty Cổ phần Cơ khí Sông Thu tổ chức bộ máy quản lý theo mô hình tập trung, tinh gọn và phù hợp với quy mô hoạt động. Cơ cấu tổ chức gồm: Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc (trực tiếp điều hành chung), bộ phận kế toán (phụ trách tài chính), bộ phận bảo vệ (đảm bảo an ninh) và phân xưởng sản xuất (trực tiếp gia công, sửa chữa cơ khí). Mô hình này giúp doanh nghiệp quản lý và phối hợp hoạt động hiệu quả.

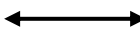


Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Cơ khí Sông Thu

Ghi chú: Quan hệ trực tiếp



Quan hệ đối chiếu, kiểm tra



2.1.3.2. Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận

Chức năng và nhiệm vụ của từng bộ phận trong bộ máy quản lý Công ty:

❖ **Chủ tịch Hội đồng quản trị:** Tổ chức và điều hành hoạt động của Hội đồng quản trị, định hướng chiến lược phát triển và giám sát việc thực hiện các nghị quyết của công ty.

❖ **Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị:** Hỗ trợ Chủ tịch Hội đồng quản trị trong công tác điều hành và thay mặt thực hiện nhiệm vụ khi được ủy quyền.

❖ **Ban Kiểm soát:** Kiểm tra, giám sát hoạt động quản lý, điều hành và tình hình tài chính của công ty nhằm đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và điều lệ công ty.

❖ **Giám đốc:** Là người đại diện pháp luật và chịu trách nhiệm cao nhất đối với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Cơ khí Sông Thu. Giám đốc trực tiếp điều hành các hoạt động chung của công ty, quyết định chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh và ký kết các hợp đồng kinh tế quan trọng. Đồng thời, Giám đốc chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước cổ đông về kết quả hoạt động của doanh nghiệp.

❖ **Phó Giám đốc:** Là người hỗ trợ Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành và tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Phó Giám đốc trực tiếp theo dõi, giám sát hoạt động của các bộ phận trực thuộc như Phòng Kế toán, Phân xưởng sản xuất và Bộ phận Bảo vệ, đảm bảo các hoạt động diễn ra đúng kế hoạch, tiến độ và hiệu quả, đồng thời thường xuyên báo cáo tình hình hoạt động cho Giám đốc.

❖ **Phòng Kế toán:** là bộ phận thực hiện công tác kế toán – tài chính của công ty, có vai trò cung cấp thông tin phục vụ cho công tác quản lý và ra quyết định của Ban Giám đốc. Phòng Kế toán chịu trách nhiệm ghi chép, phản ánh đầy đủ và kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, theo dõi tình hình tài chính, doanh thu, chi phí và công nợ của công ty theo đúng quy định hiện hành.

❖ **Bộ phận Bảo vệ:** gồm 03 nhân viên, có nhiệm vụ đảm bảo an ninh, trật tự, bảo vệ tài sản của công ty; kiểm soát người và phương tiện ra vào, giám sát khu vực làm việc, hỗ trợ công tác phòng cháy chữa cháy và xử lý các tình huống phát sinh, góp phần đảm bảo hoạt động sản xuất – kinh doanh diễn ra an toàn, ổn định.

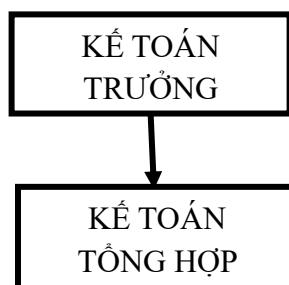
❖ **Phân xưởng sản xuất** là bộ phận trực tiếp thực hiện hoạt động gia công, sản xuất và sửa chữa sản phẩm cơ khí theo đơn đặt hàng của công ty.

❖ **Quản lý phân xưởng** tổ chức, điều hành hoạt động sản xuất, phân công công việc và giám sát tiến độ, chất lượng sản phẩm tại phân xưởng.

❖ **Nhân viên phân xưởng** trực tiếp tham gia sản xuất, gia công và sửa chữa sản phẩm, thực hiện công việc theo sự phân công và tuân thủ quy định của công ty.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của Công ty CP Cơ khí Sông Thu

Bộ máy kế toán tại Công ty Cổ phần Cơ khí Sông Thu được tổ chức theo mô hình tập trung, phù hợp với quy mô hoạt động của công ty. Công tác kế toán được thực hiện tại Phòng Kế toán, dưới sự quản lý trực tiếp của Kế toán trưởng, nhằm đảm bảo việc ghi chép, tổng hợp và cung cấp thông tin kế toán kịp thời, chính xác cho Ban Giám đốc. Sơ đồ bộ máy kế toán tại Công ty Cổ phần Cơ khí như sau:



Sơ đồ 2.2: Bộ máy kế toán tại Công ty Cổ phần Cơ khí Sông Thu

Hiện nay, Phòng Kế toán của công ty gồm 02 nhân sự: Kế toán trưởng và Kế toán tổng hợp. Các nghiệp vụ kế toán được phân công phù hợp với chức năng và trách nhiệm của từng vị trí nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý tài chính của doanh nghiệp.

- **Kế toán trưởng:** Phụ trách, kiểm soát toàn bộ công tác kế toán; lập báo cáo thuế, báo cáo tài chính và tham mưu cho Ban Giám đốc về công tác tài chính.
- **Kế toán tổng hợp:** Thực hiện ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, tổng hợp số liệu, theo dõi DT, chi phí và công nợ, cung cấp số liệu phục vụ lập báo cáo.

2.1.5. Chính sách kế toán áp dụng tại Công ty

* Chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty như sau:

❖ Chế độ kế toán mà công ty đang áp dụng: Công ty đang áp dụng chế độ kế toán theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Tuy nhiên, từ 01/01/2026 công ty áp dụng theo thông tư 99/2025/TT-BTC.

❖ Niên độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng niên độ kế toán theo năm, năm kế toán trùng với năm dương lịch (tính từ 01/01/N đến 31/12/N)

❖ Đơn vị tiền tệ sử dụng: đồng Việt Nam (VNĐ)

❖ Phương pháp kế toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên

❖ Phương pháp tính thuế GTGT: Tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ

❖ Phương pháp tính giá xuất kho: Phương pháp đơn giá bình quân gia quyền

❖ Phương pháp kế toán TSCĐ:

+ Nguyên tắc đánh giá TSCĐ: theo nguyên giá và giá trị hao mòn

+ Phương pháp khấu hao: Khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính

❖ Hình thức kế toán áp dụng: Hình thức sổ kế toán áp dụng theo hình thức Chứng từ ghi sổ và thực hiện ghi sổ kế toán trên phần mềm Bravo.

* Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán

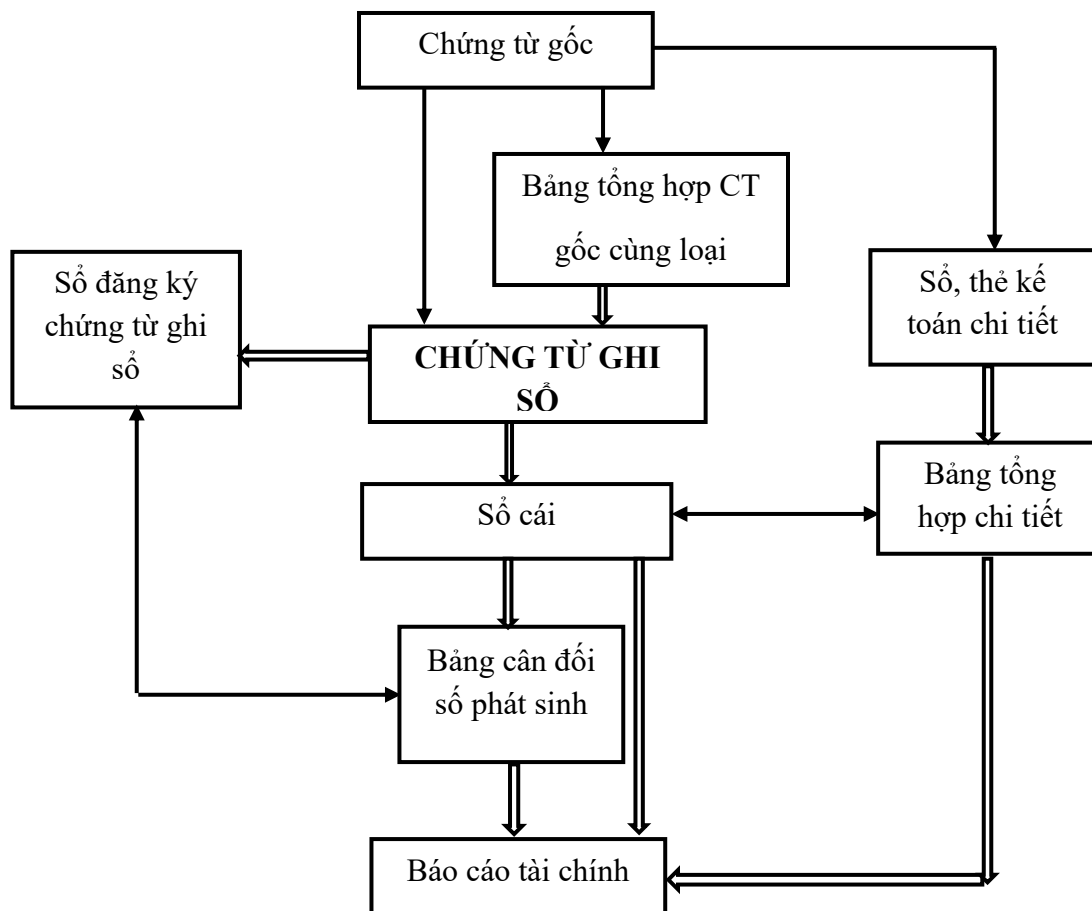
Các chứng từ gốc theo quy định chung được sử dụng gồm:

- Chứng từ về tiền: phiếu thu - chi, giấy báo nợ - có, uỷ nhiệm thu – chi.....
- Chứng từ về hàng tồn kho: phiếu nhập - xuất kho, phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ,...
- Chứng từ về TSCĐ: biên bản giao nhận TSCĐ, Biên bản thanh lý TSCĐ,...
- Chứng từ về lao động, tiền lương: Bảng chấm công, Bảng thanh toán lương và BHXH,...
- Chứng từ về bán hàng: Hóa đơn GTGT, hóa đơn kiêm phiếu xuất kho,...

**** Quá trình luân chuyển chứng từ:***

Các nghiệp vụ phát sinh ở bộ phận nào thì bộ phận đó lập chứng từ gốc, sau đó luân chuyển về bộ phận kế toán. Tất cả các chứng từ kế toán do doanh nghiệp lập hoặc từ bên ngoài chuyển đến đều phải tập trung ở bộ phận kế toán. Bộ phận kế toán kiểm tra những chứng từ kế toán đó và chỉ sau khi kiểm tra và xác minh tính hợp lý của chứng từ thì mới dùng những chứng từ đó để làm căn cứ ghi sổ kế toán.

**** Tổ chức hệ thống sổ sách kế toán***



Sơ đồ 2.3. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán

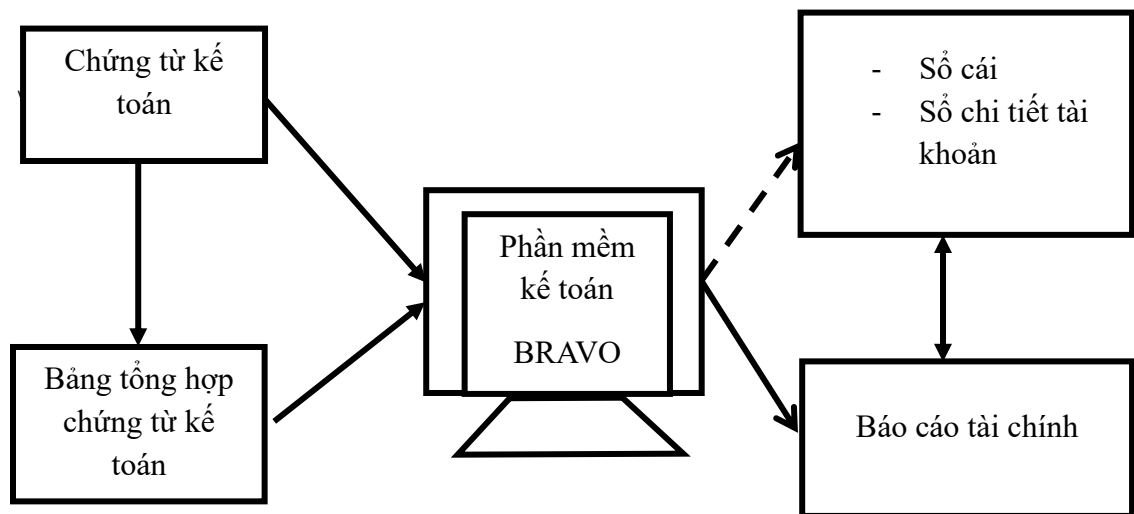
Ghi chú: Ghi hằng ngày $\longrightarrow$
 Ghi cuối kỳ $\Longrightarrow$
 Đối chiếu, kiểm tra $\longleftrightarrow$

Theo hình thức Chứng từ ghi sổ, Công ty có các sổ kế toán chủ yếu: Sổ cái, Sổ chi tiết, Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và một số sổ kế toán khác theo quy định của Luật kế toán.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính

a. Phần mềm kế toán

Hiện nay, kế toán Công ty áp dụng theo hình thức Chứng từ ghi sổ và sử dụng phần mềm kế toán BRAVO trên máy vi tính.

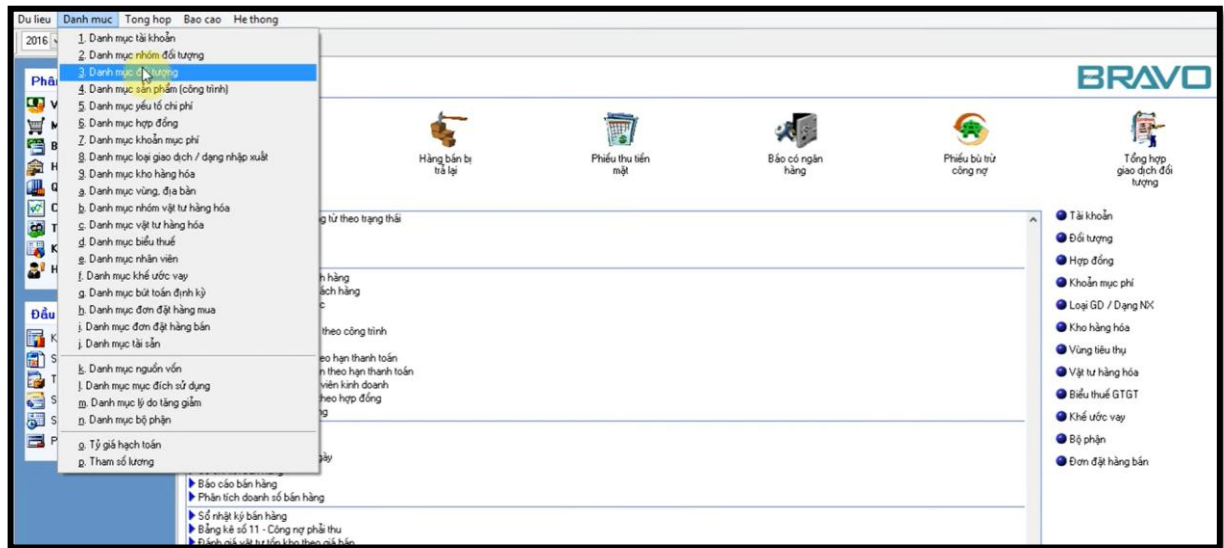


Sơ đồ 2.4: Trình tự luân chuyển chứng từ trên phần mềm kế toán Bravo

$\longrightarrow$ Nhập số liệu hàng ngày
 $--- \longrightarrow$ In sổ, báo cáo cuối tháng
 $\longleftrightarrow$ Đối chiếu kiểm tra

Căn cứ vào đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ và thực hiện ghi sổ trên phần mềm BRAVO. Từ các chứng từ kế toán ban đầu, kế toán nhập liệu trực tiếp vào phần mềm, hệ thống sẽ tự động xử lý số liệu, cập nhật sổ cái, sổ chi tiết và hỗ trợ lập báo cáo tài chính. Việc sử dụng phần mềm giúp nâng cao độ chính xác của số liệu, thuận tiện trong công tác tổng hợp, tra cứu thông

tin và giảm khối lượng công việc thủ công, đồng thời vẫn đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Bộ tài chính về chế độ kế toán hiện hành.



Hình 2.2 : Giao diện phần mềm kế toán BRAVO – quản lý các Danh mục

b. Trình tự ghi sổ kế toán

❖ Công việc hàng ngày:

+ Hằng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán phát sinh đã được kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý và hợp lệ, kế toán tiến hành xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có và nhập dữ liệu trực tiếp vào phần mềm kế toán BRAVO theo các biểu mẫu đã được thiết kế sẵn trên hệ thống.

Theo quy trình xử lý của phần mềm kế toán, các thông tin sau khi được nhập vào máy tính sẽ tự động được cập nhật vào sổ kế toán tổng hợp, sổ cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan. Các chứng từ ghi sổ và sổ đăng ký chứng từ ghi sổ được phần mềm tự động lập và quản lý trên hệ thống, không thực hiện ghi chép thủ công.

❖ Công việc cuối tháng:

Cuối tháng, kế toán thực hiện khóa sổ, đối chiếu số liệu giữa kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết trên phần mềm, đồng thời lập báo cáo tài chính theo quy định. Cuối năm, các sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in, đóng thành quyển và lưu trữ theo quy định hiện hành.

➤ Những đặc điểm về tổ chức bộ máy quản lý, bộ máy kế toán và chính sách kế toán là cơ sở để công ty tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, phần tiếp theo sẽ trình bày thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Cơ khí Sông Thu.

2.2. THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP CƠ KHÍ SÔNG THU

2.2.1. Kế toán doanh thu tại Công ty CP Cơ khí Sông Thu

2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

❖ Chứng từ kế toán

Các loại chứng từ được Công ty sử dụng trong việc bán hàng bao gồm:

- Hợp đồng, cam kết mua bán giữa hai bên.
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho...
- Các chứng từ thanh toán : Phiếu thu, giấy báo có, Ủy nhiệm thu, bảng sao kê của Ngân hàng....

❖ Tài khoản sử dụng: TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

TK 5111 - Doanh thu bán hàng hóa

TK 5112 - Doanh thu bán các thành phẩm

TK 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ

TK 5117 - Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

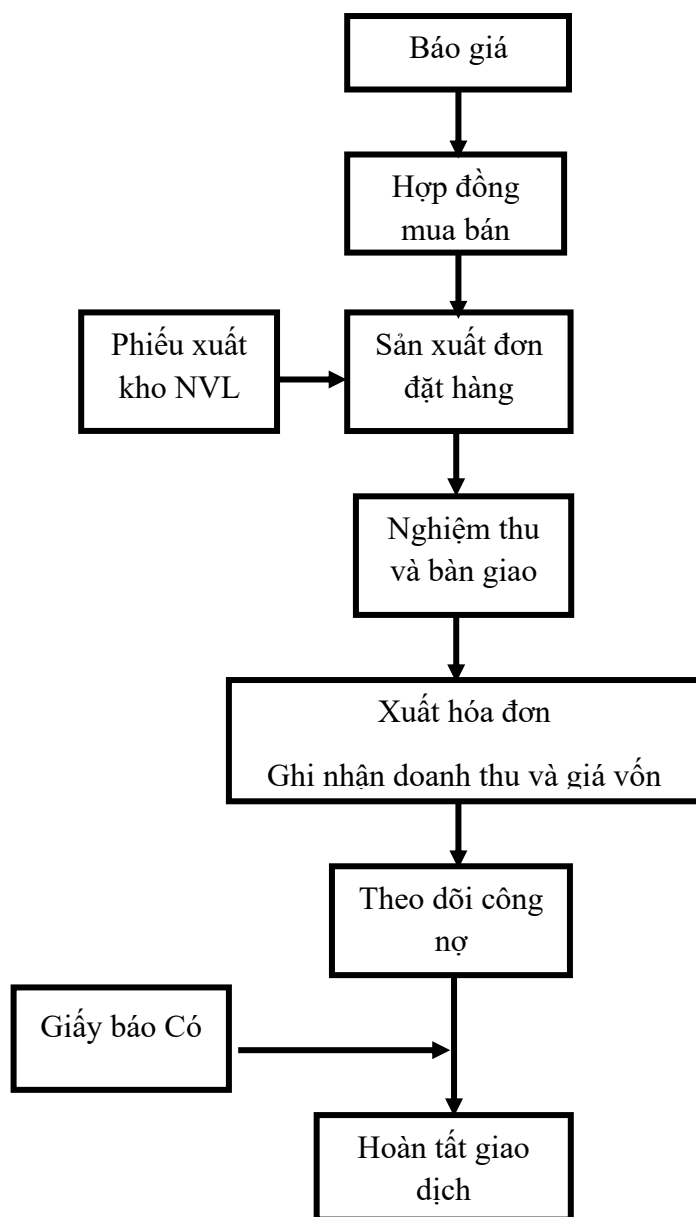
TK 5118 - Doanh thu khác

❖ Điều kiện ghi nhận doanh thu:

Công ty thực hiện ghi nhận doanh thu khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 “Doanh thu và thu nhập khác”, cụ thể: doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc đã hoàn thành việc cung cấp dịch vụ; doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý và kiểm soát hàng hóa; và khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch là chắc chắn.

Trong thực tế tại công ty, thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định là thời điểm nghiệm thu, bàn giao sản phẩm hoặc dịch vụ theo hợp đồng, đây là thời điểm phản ánh đúng bản chất kinh tế của nghiệp vụ phát sinh.

❖ Quy trình ghi nhận doanh thu



Sơ đồ 2.5: Quy trình ghi nhận doanh thu

Bước 1: Tiếp nhận yêu cầu và ký kết hợp đồng

Quy trình bắt đầu khi bộ phận kinh doanh (Phó Giám đốc kinh doanh) tiếp nhận đơn đặt hàng hoặc yêu cầu báo giá từ khách hàng. Sau khi thống nhất về kỹ thuật và giá cả, hai bên tiến hành ký kết Hợp đồng mua bán.

Bước 2: Xuất kho vật tư và triển khai sản xuất

Dựa trên lệnh sản xuất hoặc phương án sửa chữa đã duyệt, tiến hành xuất nguyên vật liệu như sắt thép, linh kiện, phụ tùng. Khi công trình hoàn thành, kế toán lập Phiếu xuất kho nguyên vật liệu đã thực tế sử dụng cho từng đơn hàng. Do đơn vị không tổ chức bộ phận kho riêng, kế toán trực tiếp thực hiện việc xuất kho và sử dụng các Phiếu xuất kho này để tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, phục vụ quyết toán và xác định giá vốn công trình.

Bước 3: Nghiệm thu kỹ thuật và bàn giao sản phẩm

Sau khi hoàn thành việc sửa chữa hoặc chế tạo, bộ phận sản xuất phối hợp với khách hàng để kiểm tra chất lượng và ký Biên bản nghiệm thu hoàn thành, kèm theo Biên bản bàn giao. Ngay sau khi ký kết, bộ phận sản xuất phải chuyển các bản gốc biên bản này về phòng kế toán để làm căn cứ pháp lý ghi nhận doanh thu.

Bước 4: Xuất hóa đơn và hạch toán doanh thu – giá vốn

Căn cứ vào giá trị thực tế trên biên bản nghiệm thu, kế toán tiến hành xuất Hóa đơn GTGT điện tử cho khách hàng. Sau khi xuất hóa đơn, kế toán thực hiện các bút toán ghi nhận doanh thu vào sổ sách, đồng thời kết chuyển chi phí từ tài khoản tập hợp (TK 154) sang giá vốn (TK 632) để xác định lãi lỗ cho đơn hàng đó. Hóa đơn sau khi xuất phải được gửi ngay cho khách hàng để yêu cầu thanh toán theo điều khoản hợp đồng.

Bước 5: Thu hồi công nợ và lưu trữ hồ sơ

Khi kế toán nhận được Giấy báo Có từ ngân hàng xác nhận khách hàng đã thanh toán. Kế toán thực hiện đối chiếu công nợ để kết thúc giao dịch. Toàn bộ chứng từ từ khâu hợp đồng, phiếu xuất kho, biên bản nghiệm thu đến hóa đơn và chứng từ thanh toán sẽ được kẹp thành một bộ hồ sơ hoàn chỉnh, lưu trữ theo thứ tự để phục vụ công tác kiểm tra, quyết toán thuế sau này.

=> Quy trình ghi nhận doanh thu tại Công ty Cổ phần Cơ khí Sông Thu được tổ chức tương đối chặt chẽ, phù hợp với đặc điểm sản xuất, gia công theo đơn đặt hàng. Việc ghi nhận doanh thu tại thời điểm nghiệm thu, bàn giao sản phẩm phản ánh đúng bản chất kinh tế của nghiệp vụ, đồng thời đảm bảo nguyên tắc dồn tích và phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

❖ Nghiệp vụ minh họa

Nghiệp vụ 1 (Nghiệp vụ minh họa về doanh thu bán hàng hóa): Ngày 20/09/2025, Công ty Cổ phần Cơ khí Sông Thu thực hiện xuất bán cho Công ty TNHH Công nghiệp ECS VINA 16 Bánh xe cố định Nanshin SKC T150NRB, tổng giá trị tiền

hàng là 2.720.000 đồng, thuế suất GTGT 8% tương ứng 217.600 đồng theo hóa đơn GTGT số 89, ký hiệu 1C25TST. Khách hàng chưa thanh toán.

Khi phát sinh nghiệp vụ bán hàng, kế toán tiến hành lập hóa đơn điện tử trên phần mềm E-INVOICE.

Bước 1: Kế toán truy cập phần mềm E-INVOICE, nhập đầy đủ thông tin khách hàng, hàng hóa, đơn giá và thuế suất GTGT để lập hóa đơn điện tử.

Bước 2: Sau khi hoàn tất nhập liệu, kế toán xuất bản nháp hóa đơn và gửi khách hàng kiểm tra, xác nhận thông tin.

Bước 3: Kế toán thực hiện ký số, cấp mã hóa đơn điện tử và gửi hóa đơn chính thức cho khách hàng.

The screenshot displays the E-INVOICE software interface. At the top, there's a navigation bar with tabs like 'Hệ thống', 'Hóa đơn', 'Gửi hóa đơn', 'Xử lý hóa đơn', 'Bảo cáo', 'Thuế TNCN', 'Hóa đơn mua vào', and 'Danh mục'. Below this is a progress bar with five steps: 1. Nhập thông tin hóa đơn, 2. Xuất hóa đơn, 3. Ký số hóa đơn, 4. Cấp mã, and 5. Gửi hóa đơn. The current step is 1. The main form is titled 'HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG' and has a status 'Trạng thái: Nhập mới' and a type 'Phân loại: Hóa đơn gốc'. It includes a checkbox for 'Kiểm tra khai hoàn thuế'. The form is divided into sections for customer information (Mã đơn vị, Mã số thuế, Tên đơn vị, Địa chỉ, Người mua hàng, CCCD/ Số định danh, Số tài khoản) and invoice details (Ngày hóa đơn, Mẫu số hóa đơn, Ký hiệu hóa đơn, Số hóa đơn, Đồng tiền, Tỷ giá, Hình thức thanh toán, Số biên lai, Email, SĐT nhận hóa đơn). At the bottom, there's a table for items with columns: STT, Thao tác, Mã hàng, Tên hàng hóa & dịch vụ, Tính chất, Đơn vị tính, Số lượng, Đơn giá, Thành tiền, and (% VAT). The table has one row with STT 1, a trash icon, a plus icon, and the text 'Hàng hóa, dịch vụ'. Below the table are fields for 'Hạn thanh toán' and 'Công tiền hàng nguyên tệ'.

Hình 2.3: Giao diện lập hóa đơn điện tử trên phần mềm E-INVOICE.

Kế toán hạch toán hóa đơn bán hàng lên phần mềm kế toán Bravo.

Vào “Quản lý bán hàng” => chọn “Hóa đơn bán hàng” => Nhấn Thêm (F2) => Nhập thông tin khách hàng và hàng hóa => Nhấn Lưu (F10).

HÓA ĐƠN BÁN HÀNG

1. Ngày: 20/09/25 2. Mẫu: GTGT 3. Số: 089 4. Seri: 1C25TST

5. Đối tượng: ECS: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP ECS VINA
6. Họ và tên: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP ECS VINA
7. Địa chỉ: 09 Tiểu La, Phường An Xuân, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam
8. Vùng:
9. Giao dịch: XVT: Xuất vật tư
a. Tk nợ: 1311: Phải thu của khách hàng
b. Nội dung: Xuất bán 16 bánh xe cố định Nanshin 150

c. Nhân viên:
d. Bộ phận:
e. Khoản mục:
f. Sản phẩm:
j. Đơn hàng bán:
k. Mã tiền tệ: VND 1.000

Vật tư	Tên vật tư	Đơn vị tính	Tk có	Hợp đồng bán	Kho	Số lượng	Đơn giá VND	Thành tiền VND	Chiết khấu	Tỷ lệ	Tiền VND	Chính sách giá	Giá v
1 BXCDST	Bánh xe cố định Nanshin SKC T150NRB-Số cái		5111		VTU	16.00	170,000.0000	2,720,000	0 %		0		

Hạch toán: Ứng trước Hàng khuyến mãi

l. Hạn t. toán: 0 đến m. C. khấu:
Thuế giá trị gia tăng (VAT):
Loại thuế: R08: Thuế GTGT đầu ra 8% tk nợ: 1311: Phải thu của khách hàng tk có: 3331: Thuế GTGT đầu ra
Tên Đt: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP ECS VINA MST: 4001281752

Tiền hàng: 2,720,000
Chiết khấu: 0
VAT (8 %): 217,600
Tổng cộng: 2,937,600

Hình 2.5 : Giao diện màn hình nhập hóa đơn GTGT số 89

Nhiệm vụ 2 (Nhiệm vụ minh họa về doanh thu bán các thành phẩm): Ngày 02/04/2025, Công ty Cổ phần Cơ khí Sông Thu ký kết hợp đồng mua bán số 02012024/HĐMB-VNT-SONG THU với Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinatech Việt Nam về việc cung cấp pallet chông theo các điều khoản đã thỏa thuận. Theo hợp đồng, Công ty Cổ phần Cơ khí Sông Thu có trách nhiệm sản xuất và cung cấp 500 bộ pallet chông, đơn giá 2.875.000 đồng/bộ, tổng giá trị hàng hóa trước thuế là 1.437.500.000 đồng, thuế GTGT 10%, tổng giá trị thanh toán là 1.581.250.000 đồng. *(Hợp đồng mua bán về việc bán pallet chông cho Công ty Vinatech được trình bày tại phụ lục 01)*

Sau khi ký kết hợp đồng, khách hàng tiến hành chuyển khoản đặt cọc 50% giá trị hợp đồng vào tài khoản ngân hàng của công ty. Căn cứ vào Sổ phụ chi tiết kiêm báo Nợ/Có của ngân hàng *(được thể hiện ở phụ lục số 02)*, kế toán ghi nhận số tiền khách hàng đã thanh toán trước.

BẢO CỐ NGÂN HÀNG

1. Ngày: 02/05/25 2. Số: 01/05

3. Người nộp: VNT: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VINATECH VIỆT NAM

4. Họ và tên: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VINATECH VIỆT NAM

5. Địa chỉ: 199 Số 23- D, Khu nhà ở thấp tầng lô đất A10, KĐT Nam Trung Yên, P. Yên Hoà, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà

6. Lý do nộp: Thu tiền ứng 50% hợp đồng gc 500 pallet sắt

7. Nhân viên

8. Bộ phận

9. Khoản mục

a. Sản phẩm

b. Hợp đồng bán

e. Loại tiền: VND 1.00

Giao dịch	Tk nợ	Tk có	Nội dung	Đối tượng	Khế ước	Tiền VND	Hạn thanh toán		Thuế giá trị gia tăng (VAT)				
							Hạn	Đến ngày	Loại	Thuế suất	Tiền VND	Tk nợ	Tk có
KT	1121QD	1311	Thu tiền ứng 50% hợp đồng gc 500 pa VNT			499,000,000	0			0%	0		

Hạch toán: Hóa đơn VAT

f. Kèm theo: chứng từ gốc

g. Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Quân Đội

Thành tiền: 499,000,000

Tiền VAT: 0

Tổng cộng: 499,000,000

Lưu và thêm mới Lưu và quay ra Hủy bỏ ☐ In sau khi đã lưu dữ liệu

Hình 2.6: Giao diện ghi nhận tiền ứng trước của khách hàng trên phần mềm kế toán Bravo

Dữ liệu - Tùy chọn - Nhập liệu

BẢO CỐ NGÂN HÀNG

1. Ngày: 02/05/25 2. Số: 02/05

3. Người nộp: VNT: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VINATECH VIỆT NAM

4. Họ và tên: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VINATECH VIỆT NAM

5. Địa chỉ: 199 Số 23- D, Khu nhà ở thấp tầng lô đất A10, KĐT Nam Trung Yên, P. Yên Hoà, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà

6. Lý do nộp: Thu tiền ứng 50% hợp đồng gc 500 pallet sắt

7. Nhân viên

8. Bộ phận

9. Khoản mục

a. Sản phẩm

b. Hợp đồng bán

e. Loại tiền: VND 1.00

Giao dịch	Tk nợ	Tk có	Nội dung	Đối tượng	Khế ước	Tiền VND	Hạn thanh toán		Thuế giá trị gia tăng (VAT)				
							Hạn	Đến ngày	Loại	Thuế suất	Tiền VND	Tk nợ	Tk có
KT	1121QD	1311	Thu tiền ứng 50% hợp đồng gc 500 pa VNT			291,625,000	0			0%	0		

Hạch toán: Hóa đơn VAT

f. Kèm theo: chứng từ gốc

g. Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Quân Đội

Thành tiền: 291,625,000

Tiền VAT: 0

Tổng cộng: 291,625,000

Lưu và thêm mới Lưu và quay ra Hủy bỏ ☐ In sau khi đã lưu dữ liệu

Đã tải xong 192.168.1.191 - 871_CoKhi | Công ty CP Cơ Khí Sông Thu | 2026 | NTTN

Hình 2.7: Giao diện ghi nhận tiền ứng trước của khách hàng trên phần mềm kế toán Bravo

❖ Sau khi nhận được khoản tiền ứng trước của khách hàng theo hợp đồng, Công ty Cổ phần Cơ khí Sông Thu tiến hành sản xuất sản phẩm theo yêu cầu. Khi hoàn thành, công ty thực hiện bàn giao hàng hóa và lập Biên bản bàn giao để xác nhận số lượng, chất lượng sản phẩm. Căn cứ vào biên bản bàn giao và các chứng từ liên quan kế toán lập hóa đơn GTGT để ghi nhận doanh thu theo quy định.

BIÊN BẢN NGHIỆM THU VÀ BÀN GIAO

Hôm nay, ngày 18 tháng 06 năm 2025, tại nhà máy THATOCO, KCN Đắc Lộc, TP Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà, chúng tôi gồm:

Bên giao: Công ty CP Cơ khí Sông Thu

- **Địa chỉ:** Đường số 08, KCN Hoà Cẩm, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng
- **Đại diện:** Trần Lê Hải **Chức vụ:** Giám đốc

Bên nhận: Công ty CP Tập đoàn Vinatech Việt Nam

Địa chỉ: Số 23-D, khu nhà ở thấp tầng lô đất A10, KĐT Nam Trung Yên, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội, Việt Nam

- **Đại diện:** Nguyễn Văn Bá **Chức vụ:** Phó Giám đốc Kinh doanh.

Sau khi nghiệm thu sản phẩm các bên tiến hành bàn giao số lượng sản phẩm như sau:

STT	Tên hàng	ĐVT	Số lượng	Tình trạng	Ghi chú
01	Pallet chồng: - Kích thước: 1.585mmx1.585mmx1.700mm(DxRxC) - Trọng lượng: từ 91-92kg	Cái	500	Đã hoàn thiện gia công – lắp ráp.	
02					
03					

Biên bản này được lập thành 2 bản, mỗi bên giữ 1 bản có giá trị pháp lý như nhau. Hai bên cùng kí xác nhận.

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN

Hình 2.8: Biên bản nghiệm thu và bàn giao hàng hóa

Ngày 18/06/2025, công ty lập Hóa đơn GTGT cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinatech Việt Nam về việc cung cấp 500 bộ pallet chồng theo hợp đồng đã ký kết. Tổng giá trị hàng hóa trước thuế là 1.437.500.000 đồng, thuế GTGT 10% là 143.750.000 đồng, tổng giá trị thanh toán là 1.581.250.000 đồng.



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Ngày(Date) 18 tháng(month) 06 năm(year) 2025
(BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ)
(EINVOICE DISPLAY VERSION)

Ký hiệu (Serial): 1C25TST
Số (No.): 55

Mã của CQT: 008FC9514AFD1C4219993281CC7513E75C

Đơn vị bán hàng (Seller): **CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ SÔNG THU**
Mã số thuế (Tax code): 0401505840
Địa chỉ (Address): Đường số 8, Khu công nghiệp Hòa Cẩm, Phường Hoà Thọ Tây, Quận Cẩm Lệ, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam
Điện thoại (Tel): 02363676419-22 * Hotline: 0901.991.022 * Fax: 0236.3676418
Website: <http://www.songthumechanics.com>
Số tài khoản (Bank A/C): 3011151515919 tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi Nhánh Đà Nẵng
19026144517016 tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương, PGD Phan Châu Trinh, Đà Nẵng

Người mua hàng (Buyer):
Tên đơn vị (Company): **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VINATECH VIỆT NAM**
Mã số thuế (Tax code): 0105201793
Địa chỉ (Address): Tầng 15, Tòa nhà TTC, số 19, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản Số tài khoản (Bank A/C):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Pallet chông Kích thước: 1.585mmx1.585mmx1.700mm (DxRxH) Theo Hợp đồng mua bán số 02012024/HĐMB-VNT-SONG THU	Cái	500	2.875.000	1.437.500.000

		Cộng tiền hàng (Sub total):	1.437.500.000
Thuế suất GTGT (VAT rate):	10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount):	143.750.000
		Tổng tiền thanh toán (Total of payment):	1.581.250.000

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Một tỷ năm trăm tám mươi một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng

Người mua hàng (Buyer)
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Sign & full name)

Người bán hàng (Seller)
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Sign, stamp & full name)

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ SÔNG THU
Ký ngày: 18/06/2025

Mã nhận hóa đơn (Code for checking): A06DFR35VYG tra cứu tại (Tracking): <http://einvoice.vn/tra-cuu>
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn / Need to check and compare when making and delivering invoices)
Xuất bởi phần mềm EInvoice, Công ty TNHH Phát triển công nghệ Thái Sơn - MST: 0101300842 - www.einvoice.vn

Hình 2.9: Hóa đơn GTGT số 55

Kế toán thực hiện ghi nhận doanh thu trên phần mềm BRAVO theo trình tự: Vào phân hệ Bán hàng ⇒ Lập hóa đơn bán hàng ⇒ Nhập thông tin khách hàng, hàng hóa, số lượng, đơn giá và thuế GTGT ⇒ Lưu và quay ra ⇒ Hệ thống tự động hạch toán và cập nhật số liệu vào các sổ kế toán liên quan.

HÓA ĐƠN BÁN HÀNG

1. Ngày: 16/06/25 2. Mẫu: ...OUREG 3. Số: 055 4. Seri: 1C25TST

5. Đối tượng: VNT: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VINATECH VIỆT NAM

6. Họ và tên: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VINATECH VIỆT NAM

7. Địa chỉ: 199 Số 23- D, Khu nhà ở thấp tầng lô đất A10, KĐT Nam Trung Yên, P. Yên Hoà, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà

8. Vùng:

9. Giao dịch: XBTP: Xuất bán thành phẩm

a. Tk nợ: 1311: Phải thu của khách hàng

b. Nội dung: Xuất bán 500 pallet chống C.ty Vinatech

c. Nhân viên:

d. Bộ phận:

e. Khoản mục:

f. Sản phẩm:

j. Đơn hàng bán:

k. Mã tiền tệ: VND 1.000

Vật tư	Tên vật tư	Đơn vị tính	Tk có	Hợp đồng bán	Kho	Số lượng	Đơn giá VND	Thành tiền VND	Tỷ lệ	Tiền VND	Chênh lệch giá	Giá trị
1	PL1.7 Pallet sắt (1.585x1.585x1.700)	Cái	5112		TP	500.00	2,875,000.0000	1,437,500,000	0 %	0		2,4

Hạch toán: Ứng trước Hàng khuyến mãi

I. Hạn toán: 0 đến m. C.khẩu

Thuế giá trị gia tăng (VAT):

Loại thuế: R10: Thuế GTGT đầu ra 10% tk nợ: 1311: Phải thu của khách hàng tk có: 33311: Thuế GTGT đầu ra

Tên Đt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VINATECH VIỆT NAM MST: 0105201793

Tiền hàng: 1,437,500,000

Chiết khấu: 0

VAT (10 %): 143,750,000

Tổng cộng: 1,581,250,000

Lưu và thêm mới Lưu và quay ra Hủy bỏ In sau khi đã lưu dữ liệu

Đã tải xong 192.168.1.191 - 871_CoKhi Công ty CP Cơ Khí Sóng Thu 2026 PTHG

Hình 2.10: Giao diện nhập liệu hạch toán doanh thu trên phần mềm Bravo

Sau khi hoàn tất việc bàn giao hàng hóa và lập hóa đơn, công ty gửi giấy đề nghị thanh toán (*được thể hiện ở phụ lục số 03*) phần giá trị còn lại của hợp đồng cho khách hàng. Khi nhận được tiền chuyển khoản, căn cứ vào Giấy báo Có của ngân hàng, kế toán thực hiện hạch toán thu tiền và giảm công nợ phải thu khách hàng trên PM kế toán.

MB

PHIẾU BÁO CÓ/ CREDIT NOTE

Ngày/Transaction Date: 22/07/2025

Tên Khách hàng/Customer Name: 1350099 - CÔNG TY CỔ PHẦN CO KHI SONG THU

Địa chỉ/Address: ĐƯỜNG SỐ 8 KHU CÔNG NGHIỆP HOA CAM-PHƯƠNG HOA THO TÂY-QUẬN CAM LÊ-THÀNH PHỐ DA NANG-VIET NAM 0401505840

MST KH/Tax code: 1350099

Mã khách hàng/ Customer ID: 3011151515919

Số tài khoản/Account No.: 3011151515919

Tên ngân hàng/Bank's Name: Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội

Chi nhánh/Branch: VN0010301 - CN DA NANG

Địa chỉ/Address: Số 174 Lê Đình Lý, P. Hòa Thuận Tây, Q. Hải Châu - TP Đà Nẵng

Mã GDV/Teller: JMSONLINE.1

Chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau/ We hereby notify to you that we credited your account as the following information:

MÃ GIAO DỊCH/ Transaction Code: FT25203548269538	LOẠI TIỀN/ Currency: VND
Tài khoản có/ Credit Account:	Số tài khoản/ Acct No.: 3011151515919
Tên tài khoản/ Acct Name: CTY CP CO KHI SONG THU	Số tiền/ Amount:
Tài khoản nợ/ Debit Account:	Bảng số/ In number: 790,625,000.00
Số tài khoản/ Acct No.: 899868888	Bảng chữ/ In word: Bảy trăm chín mươi triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng
Tên tài khoản/ Acct Name: VINATECH GROUP	Diễn giải/ Details: VINATECH TT TIEN HANG LAN 2 HD 0201 2024

Hình 2.11: Giấy báo Có của Ngân hàng

BÁO CÁO NGÂN HÀNG

1. Ngày: 22/07/25 2. Số: 12/07

3. Người nộp: VNT: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VINATECH VIỆT NAM

4. Họ và tên: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VINATECH VIỆT NAM

5. Địa chỉ: 199 Số 23- D, Khu nhà ở thấp tầng lô đất A10, KĐT Nam Trung Yên, P. Yên Hoà, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà

6. Lý do nộp: Thu tiền công nợ Vinatech

7. Nhân viên:

8. Bộ phận:

9. Khoản mục:

a. Sản phẩm:

b. Hợp đồng bán:

e. Loại tiền: VND 1.00

Hạn	Đến ngày	Loại	Thuế suất	Thuế giá trị gia tăng (VAT)		
				Tiền VND	Tk nợ	Tk có
			0 %	0		

Giao dịch	Tk nợ	Tk có	Nội dung	Đối tượng	Khế ước	Tiền VND	Hạn	Đến ngày	Loại	Thuế suất	Tiền VND	Tk nợ	Tk có
KT	1121QD	1311	Thu tiền công nợ Vinatech	VNT		790,625,000	0						

Hạch toán: Hóa đơn VAT

f. Kèm theo: chứng từ gốc

g. Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Quân Đội

Thành tiền: 790,625,000

Tiền VAT: 0

Tổng cộng: 790,625,000

Lưu và thêm mới Lưu và quay ra Hủy bỏ ☐ In sau khi đã lưu dữ liệu

Hình 2.12: Giao diện nhập liệu thu hồi công nợ khách hàng trên phần mềm kế toán Bravo

Từ số liệu trên, sau khi kế toán nhập chứng từ vào phần mềm kế toán, hệ thống sẽ tự động lập Chứng từ ghi sổ cho nghiệp vụ phát sinh. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ, số liệu được tự động cập nhật vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và Sổ cái các tài khoản liên quan như TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và TK 131 – Phải thu khách hàng, phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ. Đồng thời, phần mềm cũng tự động tổng hợp số liệu vào Bảng kê phát sinh theo tài khoản đối ứng nhằm theo dõi mối quan hệ đối ứng giữa các tài khoản trong kỳ, phục vụ cho việc kiểm tra và đối chiếu số liệu kế toán.

Cuối kỳ, kế toán thực hiện kết chuyển doanh thu từ TK 511 sang TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh trên phần mềm kế toán để xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số liệu sau khi kết chuyển được phản ánh trên Sổ cái TK 511, TK 911 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

CÔNG TY CP CƠ KHÍ SÔNG THU Đường Số 08, KCN Hòa Cầm, Tp.Đà Nẵng BẢNG KÊ PHÁT SINH THEO TÀI KHOẢN ĐỐI ỨNG Năm 2025 Tài khoản: 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ Về phát sinh: C Nhóm theo: 0							
Chứng từ		Diễn giải	Tổng số	Đối ứng các tài khoản			
Ngày	Số			911		Các tài khoản khác	
						Tk	Tiền
			10.379.531.768				10.379.531.768
26/04/25	036	Son và kiểm định vỏ bình gas	94.245.222			1311	94.245.222
...	...	...	...	...	...	...	...
28/04/25	037	Gia công thanh sàng theo HĐ số	77.402.475			1311	77.402.475
18/06/25	055	Xuất bán 500 pallet chống C.ty Vinatech	1.437.500.000			1311	1.437.500.000
20/09/25	089	Xuất bán 16 bánh xe cố định Nanshin 150	2.720.000			1311	2.720.000
23/12/25	130	Xuất bán 40 bánh xe cố định Nanshin 150	6.800.000			1311	6.800.000
24/12/25	131	Gia công phá hủy van gas hỏng	96.734.000			1311	96.734.000
...	...	...	...	...	...	...	...
		Tổng cộng:	10.379.531.768				10.379.531.768

Bảng 2.1: Bảng kê phát sinh theo tài khoản đối ứng TK 511

CÔNG TY CP CƠ KHÍ SÔNG THU Đường Số 08, KCN Hòa Cầm, Tp.Đà Nẵng Mẫu số S02a-DN <i>(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng)</i> CHỨNG TỪ GHI SỔ Số: 26 Ngày 31 tháng 12 năm 2025				
Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Tổng tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Phải thu Khách hàng (VND)	131	511	6.387.464.950	
Phải trả, phải nộp khác	338	511	3.992.066.818	
Tổng Cộng			10.379.531.768	

Bảng 2.2: Chứng từ ghi sổ số 26

CÔNG TY CP CƠ KHÍ SÔNG THU Đường Số 08, KCN Hòa Cẩm, Tp.Đà Nẵng SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN Năm 2025 Tài khoản: 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ							
Chứng từ		Diễn giải	Tk đối ứng	Phát sinh		Số dư	
Ngày	Số			Nợ	Có	Nợ	Có
		Dư đầu kỳ					
...	...	...	...	...	...	...	...
20/09/2025	089	Xuất bán 16 bánh xe cố định Nanshin 150	1311		2.720.000		2.720.000
30/09/2025	023	Kết chuyển doanh thu 5111 --> 9111	9111	2.720.000			
...	...	...	...	...	...	...	...
31/12/2025	023	Kết chuyển doanh thu 5111 --> 9111	9111	6.800.000			
...	...	...	...	...	...	...	...
		Tổng phát sinh		11.560.000	11.560.000		
		Dư cuối kỳ					
		Dư đầu kỳ					
...	...	...	...	...	...	...	...
18/06/2025	055	Xuất bán 500 pallet chồng C.ty Vinatech	1311		1.437.500.000		1.437.500.000
30/06/2025	023	Kết chuyển doanh thu 5112 --> 9111	9111	1.597.349.485		159.849.485	
27/12/2025	133	Cho thuê thiết bị kiểm định vỏ bình gas	1311		3.374.734		432.557.879
...	...	...	...	...	...	...	...
31/12/2025	023	Kết chuyển doanh thu 5112 --> 9111	9111	432.557.879			
		Tổng phát sinh		4.779.492.718	4.779.492.718		
		Dư cuối kỳ					
		Dư đầu kỳ					
...	...	...	...	...	...	...	...
30/09/2025	K10/09	Hạch toán doanh thu cho thuê NTHP tháng 09	3387		11.450.000		
28/10/2025	108	Cho thuê Nhà xưởng từ ngày 01/10/2025 đến 31/10/2025	1311		34.650.000		34.650.000
31/10/2025	023	Kết chuyển doanh thu 5118 --> 9111	9111	562.861.608		528.211.608	
...	...	...	...	...	...	...	...
		Tổng phát sinh		5.588.479.050	5.588.479.050		
		Dư cuối kỳ					

Bảng 2.3: Sổ chi tiết tài khoản 511

CÔNG TY CP CƠ KHÍ SÔNG THU Đường Số 08, KCN Hòa Cầm, Tp.Đà Nẵng						
Mẫu số S02c1-DN (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)						
SỔ CÁI Năm 2025						
Tên tài khoản: 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ						
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	G	1	2
			5111 - Doanh thu bán hàng hóa			
			- Số dư đầu năm			
			- Số phát sinh trong tháng			
20/09/25	089	20/09	Xuất bán 16 bánh xe cố định Nanshin 150	1311		2.720.000
23/12/25	130	23/12	Xuất bán 40 bánh xe cố định Nanshin 150	1311		6.800.000
...	...	...	...	...	...	...
			- Cộng số phát sinh trong tháng		11.560.000	11.560.000
			- Số dư cuối tháng			
			- Cộng lũy kế từ đầu quý		11.560.000	11.560.000
			5112 - Doanh thu bán các thành phẩm			
			- Số dư đầu năm			
			- Số phát sinh trong tháng			
17/01/25	003	17/01	Gia công tháo vách theo hđ gc số 06/01/2025/Songthu/DongDuong	1311		26.070.000
18/06/25	055	18/06	Xuất bán 500 pallet chõng C.ty Vinatech	1311		1.437.500.000
...	...	...	...	...	...	...
			- Cộng số phát sinh trong tháng		5.588.479.050	5.588.479.050
			- Số dư cuối tháng			
			- Cộng lũy kế từ đầu quý		5.588.479.050	5.588.479.050

Bảng 2.4: Sổ cái Tài khoản 511

Doanh thu năm 2025 được thể hiện ở sổ đăng ký chứng từ ghi sổ tại phụ lục số 04

2.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

➤ Trong năm 2025, Công ty không phát sinh các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại do đặc điểm sản xuất theo đơn đặt hàng và các sản phẩm được kiểm tra chất lượng trước khi bàn giao.

2.2.1.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu tài chính của công ty bao gồm các khoản tiền lãi từ tiền gửi ngân hàng, lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện và chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện

❖ **Chứng từ ghi nhận doanh thu:** giấy báo có của ngân hàng, bảng sao kê ngân hàng, phiếu kế toán..

❖ **Tài khoản sử dụng:**

+ Tài khoản 515 – doanh thu hoạt động tài chính

TK 5151 - Thu nhập về hoạt động góp vốn liên doanh

TK 5152 - Thu nhập về hoạt động đầu tư mua bán chứng khoán

TK 5154 - Thu lãi tiền gửi

TK 5156 - Thu lãi bán ngoại tệ

+ Và một số tài khoản thanh toán khác như: TK 112

Công ty có mở một số tài khoản chi tiết của TK 112 để thuận tiện cho việc theo dõi tiền gửi ngân hàng gồm:

TK 1121: Tiền Việt Nam	TK 1122: Tiền Ngoại tệ
TK 1121PV: Tiền gửi ngân hàng PV bank	TK 1122PV-J: Tiền JPY gửi Ngân hàng Đại Chúng
TK 1121QD: Tiền gửi ngân hàng Quân Đội	TK 1122PV-U: Tiền USD gửi Ngân hàng Đại Chúng
TK 1121TC: Tiền gửi ngân hàng Techcombank	TK 1122QD-J: Tiền JPY gửi ngân hàng Quân Đội
TK 1121VC: Tiền gửi ngân hàng Vietcombank	TK 1122QD-U: Tiền USD gửi Ngân hàng Quân Đội

❖ **Sổ kế toán sử dụng:** sổ cái TK 515, sổ chi tiết TK 515...

❖ **Quy trình xử lý nghiệp vụ kế toán:** Hàng ngày, khi có nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến doanh thu hoạt động tài chính như:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá, dịch vụ....

- Lãi tỷ giá hối đoái

- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác

- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ

Kế toán dựa vào hóa đơn, chứng từ để ghi chép vào các sổ sách liên quan, đồng thời hạch toán lên phần mềm kế toán BRAVO và được theo dõi ở TK 515.

Phần mềm kế toán sẽ tự động ghi vào các sổ kế toán liên quan.

❖ Nghiệp vụ minh họa:

Nghệp vụ 3:

Công ty CP Cơ khí Sông Thu có tài khoản thanh toán tại Ngân hàng TMCP Quân đội (MB Bank). Định kỳ hàng tháng, ngân hàng sẽ thực hiện tính lãi và thanh toán một khoản tiền lãi không kỳ hạn dựa trên số dư tiền gửi thực tế trên tài khoản của doanh nghiệp.

Tài liệu thực tế: Ngày 21/06/2025, thu tiền lãi tiền gửi ngân hàng tháng 06/2025 nhập gốc vào tài khoản VND tại ngân hàng MB Bank (theo Phiếu báo có số 3011151515919).

152/6



PHIẾU BÁO CÓ/ CREDIT NOTE

Ngày/Transaction Date: 21/06/2025

Tên Khách hàng/Customer Name:	1350099 - CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ SÔNG THU	Tên ngân hàng/Bank's Name:	Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội
Địa chỉ/Address:	DUONG SO 8 KHU CÔNG NGHIỆP HOA CAM-PHƯƠNG HOA THO TÂY-QUẬN CẨM LÊ-THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG-VIỆT NAM 0401505840	Chi nhánh/Branch:	VN0010301 - CN ĐÀ NẴNG
MST KHTax code:		Địa chỉ/Address:	Số 174 Lê Đình Lý, P. Hòa Thuận Tây, Q. Hải Châu - TP Đà Nẵng
Mã khách hàng/ Customer ID:	1350099		
Số tài khoản/Account No.:	3011151515919	Mã GDV/Teller:	17810344_COBUSER

Chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau/ We hereby notify to you that we credited your account as the following information:

MÃ GIAO DỊCH/ Transaction Code: 3011151515919		LOẠI TIỀN/ Currency: VND	
Tài khoản có/ Credit Account:	Số tài khoản/ Acct No.	3011151515919	Bảng số/ In number: 20,643.00
	Tên tài khoản/ Acct Name:	CTY CP CƠ KHÍ SÔNG THU	Bảng chữ/ In word: Hai mươi nghìn sáu trăm bốn mươi ba đồng
Tài khoản nợ/ Debit Account:	Số tài khoản/ Acct No.		Diễn giải/ Details: BUT TOAN TRA LAI
	Tên tài khoản/ Acct Name:		

Hình 2.13: Phiếu báo có lãi tiền gửi tháng 06/2025 tại MB Bank.

Căn cứ vào nội dung lãi tiền gửi không kỳ hạn tháng 06/2025 trên Phiếu báo có, kế toán thực hiện hạch toán ghi nhận tăng tiền gửi ngân hàng đồng thời ghi tăng doanh thu hoạt động tài chính của đơn vị. Bút toán được thực hiện trên phần mềm Bravo như sau:

BẢO CỐ NGÂN HÀNG

1. Ngày: 21/06/25 2. Số: TG01/06

3. Người nộp: MB: Ngân hàng TMCP Quân Đội Đà Nẵng

4. Họ và tên: Ngân hàng TMCP Quân Đội Đà Nẵng

5. Địa chỉ: 54 Điện Biên Phủ, Q.Thanh Khê, Tp.Đà Nẵng.

6. Lý do nộp: Thu lãi tiền gửi VND MBBank T06/25

7. Nhân viên:

8. Bộ phận:

9. Khoản mục:

a. Sản phẩm:

b. Hợp đồng bán:

e. Loại tiền: VND 1.00

Hạng mục	Giao dịch	Tk nợ	Tk có	Nội dung	Đối tượng	Khế ước	Tiền VND	Hạn thanh toán		Thuế giá trị gia tăng (VAT)				
								Hạn	Đến ngày	Loại	Thuế suất	Tiền VND	Tk nợ	Tk có
1	KT	1121QD	5154	Thu lãi tiền gửi VND MBBank T06/25	MB		20,643	0			0 %	0		

Hạch toán: Hóa đơn VAT

f. Kèm theo: chứng từ gốc

g. Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Quân Đội

Thành tiền: 20,643

Tiền VAT: 0

Tổng cộng: 20,643

Lưu và thêm mới Lưu và quay ra Hủy bỏ ☐ In sau khi đã lưu dữ liệu

192.168.1.191 - 871_Cokhi Công ty CP Cơ Khí Sông Thu 2026 NTTN

Hình 2.14: Giao diện màn hình nhập liệu thu từ lãi tiền gửi

Căn cứ vào chứng từ gốc, kế toán nhập liệu vào phân hệ Ngân hàng trên phần mềm kế toán. Hệ thống tự động lập Chứng từ ghi sổ và cập nhật số liệu vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, Sổ cái TK 515 và TK 112. Đồng thời, phần mềm tự động tổng hợp số liệu vào Bảng kê phát sinh theo tài khoản đối ứng phục vụ đối chiếu, kiểm tra số liệu kế toán.

Cuối kỳ, kế toán thực hiện kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính từ TK 515 sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Nghiệp vụ 4: Ngày 26/06/2025, Công ty Cổ phần Cơ khí Sông Thu thực hiện Hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay số 04/2025/PVB/ĐNG-ST với Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (PVComBank) – Chi nhánh Đà Nẵng với nội dung là bán 106,80 USD từ tài khoản tiền gửi ngoại tệ của công ty để lấy tiền mặt Việt Nam Đồng chuyển vào tài khoản tiền gửi VND. Tỷ giá giao dịch thực tế là 25.975 VND/USD. Số tiền VND nhận về là 2.774.130 VND (Theo Giấy báo Có số bút toán FX2517701882). (Hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay được trình bày tại Phụ lục số 05)

NGÂN HÀNG TMCP ĐẠI CHÚNG VIỆT NAM CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG	Số bút toán: FX2517701882 Ngày giao dịch: 26/06/2025
--	---

GIẤY BÁO CÓ

Kính gửi: Công ty Cổ Phần Cơ Khí Sông Thu

Ngân hàng chúng tôi xin thông báo đã ghi Có vào tài khoản của quý khách với nội dung như sau:

- Số tài khoản: 108000185581
- Số tiền bằng số: 2.774.130 VND
- Số tiền bằng chữ: Hai triệu bảy trăm bảy mươi bốn nghìn một trăm ba mươi đồng chẵn
- Diễn giải: Mua/Bán ngoại tệ

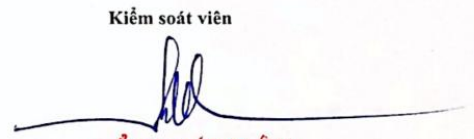
Trân trọng kính chào.

Giao dịch viên



GIAO DỊCH VIÊN
Phạm Thị Thanh Dung

Kiểm soát viên



KIỂM SOÁT VIÊN
Trần Thị Yên Nhi

Chứng từ này được in từ hệ thống máy tính của Ngân hàng PVcomBank, đã được kiểm soát và không cần đóng dấu.

Hình 2.15 : Giấy báo Có của ngân hàng

Căn cứ Hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay và Giấy báo Có của ngân hàng, kế toán vào phân hệ “Tiền gửi ngân hàng” => chọn chức năng “Báo có ngân hàng” để ghi nhận số tiền Việt Nam Đồng thực tế nhận được từ việc bán ngoại tệ.

Sau khi nhập chứng từ, phần mềm BRAVO tự động đối chiếu giá trị ngoại tệ xuất bán theo tỷ giá ghi sổ với số tiền Việt Nam Đồng thực tế nhận được theo tỷ giá giao dịch. Từ đó, phần mềm xác định khoản lãi chênh lệch tỷ giá là 127.726 đồng và tự động hạch toán vào TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

PHIẾU KẾ TOÁN KHÁC 1. Ngày: 26/06/25 2. Số: KC02/06

3. Đối tượng: PVC: NGÂN HÀNG TMCP ĐẠI CHÚNG VIỆT NAM-CN ĐÀ NẴNG

4. Họ và tên: NGÂN HÀNG TMCP ĐẠI CHÚNG VIỆT NAM-CN ĐÀ NẴNG

5. Địa chỉ: Lô A2.1 đường 30/4, Phường Hòa Cường Bắc, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

6. Nội dung: Lãi do chênh lệch tỷ giá bán 106,8 USD (PVbank)

7. Nhân viên:
 8. Bộ phận:
 b. Hợp đồng bán:
 c. Hợp đồng mua:
 e. Loại tiền: VND 1.00

Hạn	Đến ngày	Loại	Thuế suất	Tiền VND	Tk nợ	Hạn thanh toán		Thuế giá trị gia tăng (V)	
						Hạn	Đến ngày	Loại	Tiền VND
1	KK	1122PV-U	5156	Lãi do chênh lệch tỷ giá bán 106,8 USC PVC	127,626	0	0 %	0	

Hạch toán: Hóa đơn VAT

f. Kèm theo: chứng từ gốc

Thành tiền: 127,626
Tiền VAT: 0
Tổng cộng: 127,626

Hình 2.16: Màn hình hạch toán lãi chênh lệch tỷ giá trên phần mềm BRAVO

CÔNG TY CP CƠ KHÍ SÔNG THU
Đường Số 08, KCN Hòa Cầm, Tp.Đà Nẵng

BẢNG KÊ PHÁT SINH THEO TÀI KHOẢN ĐỐI ỨNG
Năm 2025
Tài khoản: 515 - Doanh thu hoạt động tài chính
Vế phát sinh: C
Nhóm theo: 0

Chứng từ		Diễn giải	Tổng số	Đối ứng các tài khoản				
Ngày	Số			911			Các tài khoản khác	
							Tk	Tiền
			26.494.577					26.494.577
...	...	...	...	...	...	...	...	...
21/06/25	TG01/06	Thu lãi tiền gửi VND MBbank T06/25	20.643				1121QD	20.643
24/06/25	TG02/06	Thu lãi tiền gửi TK VND PVbank T06/25	193				1121PV	193
26/06/25	KC01/06	Lãi do chênh lệch tỷ giá bán 10.948 JPY (PVbank)	113.421				1122PV-J	113.421
26/06/25	KC02/06	Lãi do chênh lệch tỷ giá bán 106,8 USD (PVbank)	127.626				1122PV-U	127.626
26/06/25	TG03/06	Thu lãi tiền gửi tất toán TK USD và TK YPY	472.311				1121PV	472.311
27/06/25	TG04/06	Thu lãi tiền gửi tất toán TK VND	41				1121PV	41
30/06/25	TG05/06	Thu lãi tiền gửi VND Techcombank T06/25	156.986				1121TC	156.986
19/07/25	TG01/07	Thu lãi tiền gửi VND MBbank T07/25	22.777				1121QD	22.777
31/07/25	TG02/07	Thu lãi tiền gửi VND Techcombank T07/25	83.359				1121TC	83.359
11/08/25	07/08	Kết chuyển số dư TK chi krong	1				1121TC	1
...	...	...	...	...	...	...	...	...
		Tổng cộng:	26.494.577					26.494.577

Bảng 2.5: Bảng kê phát sinh theo tài khoản đối ứng Tài khoản 515

CÔNG TY CP CƠ KHÍ SÔNG THU Đường Số 08, KCN Hòa Cẩm, Tp.Đà Nẵng				
Mẫu số S02a-DN <i>(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng</i>				
CHỨNG TỪ GHI SỔ Số: 27 Ngày 31 tháng 12 năm 2025				
Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Tổng tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Tiền gửi Ngân hàng	112	515	26.386.062	
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	413	515	108.515	
Tổng Cộng			26.494.577	

Bảng 2.6: Chứng từ ghi sổ số 27

CÔNG TY CP CƠ KHÍ SÔNG THU Đường Số 08, KCN Hòa Cẩm, Tp.Đà Nẵng							
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN Tháng 06 năm 2025 Tài khoản: 515 - Doanh thu hoạt động tài chính							
Chứng từ		Diễn giải	Tk đối ứng	Phát sinh		Số dư	
Ngày	Số			Nợ	Có	Nợ	Có
		Dư đầu kỳ					
21/06/2025	TG01/06	Thu lãi tiền gửi VND MBbank T06/25	1121QD		20.643		20.643
24/06/2025	TG02/06	Thu lãi tiền gửi TK VND PVbank T06/25	1121PV		193		20.836
30/06/2025	025	Thu nhập hoạt động tài chính 5154 -- > 9111	9111	650.174		156.986	
30/06/2025	TG05/06	Thu lãi tiền gửi VND Techcombank T06/25	1121TC		156.986		
		Tổng phát sinh		650.174	650.174		
		Dư cuối kỳ					
		Dư đầu kỳ					
26/06/2025	KC01/06	Lãi do chênh lệch tỷ giá bán 10.948 JPY (PVbank)	1122PV-J		113.421		113.421
26/06/2025	KC02/06	Lãi do chênh lệch tỷ giá bán 106,8 USD (PVbank)	1122PV-U		127.626		241.047
30/06/2025	025	Thu nhập hoạt động tài chính 5156 -- > 9111	9111	241.047			
		Tổng phát sinh		241.047	241.047		
		Dư cuối kỳ					

Bảng 2.7: Sổ chi tiết Tài khoản 515

CÔNG TY CP CƠ KHÍ SÔNG THU
Đường Số 08, KCN Hòa Cẩm, Tp.Đà Nẵng

Mẫu số S02c1-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỐ CÁI

Năm 2025

Tên tài khoản: 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	G	1	2
			5154 - Thu lãi tiền gửi			
			- Số dư đầu năm			
			- Số phát sinh trong tháng			
...	...	...	...	...	...	...
21/06/25	TG01/06	21/06	Thu lãi tiền gửi VND MBbank T06/25	1121QD		20.643
24/06/25	TG02/06	24/06	Thu lãi tiền gửi TK VND PVbank T06/25	1121PV		193
26/06/25	TG03/06	26/06	Thu lãi tiền gửi tất toán TK USD và TK YPY	1121PV		472.311
...	...	...	...	...	...	...
			- Cộng số phát sinh trong		26.145.015	26.145.015
			- Số dư cuối tháng			
			- Cộng lũy kế từ đầu quý		26.145.015	26.145.015
			5156 - Thu lãi bán ngoại tệ			
			- Số dư đầu năm			
			- Số phát sinh trong tháng			
26/06/25	KC01/06	26/06	Lãi do chênh lệch tỷ giá bán 10.948 JPY (PVbank)	1122PV-J		113.421
26/06/25	KC02/06	26/06	Lãi do chênh lệch tỷ giá bán 106,8 USD (PVbank)	1122PV-U		127.626
31/12/25	025	31/12	Thu nhập hoạt động tài chính	9111	108.515	
31/12/25	032	31/12	Đánh giá chênh lệch tỷ giá	4131		108.515
			- Cộng số phát sinh trong		349.562	349.562
			- Số dư cuối tháng			
			- Cộng lũy kế từ đầu quý		349.562	349.562

Bảng 2.8: Sổ cái TK 515

DT tài chính năm 2025 được thể hiện ở sổ đăng ký chứng từ ghi sổ tại phụ lục số 04

2.2.1.4. Kế toán thu nhập khác

❖ **Thu nhập khác tại Công ty** là các khoản thu nhập được tạo ra từ các hoạt động khác ngoài hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, nội dung cụ thể bao gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ.
- Giá trị còn lại hoặc giá bán hoặc giá trị hợp lý của TSCĐ bán để thuê lại theo phương thức thuê tài chính hoặc thuê hoạt động.
- Tiền thu được phạt do khách hàng, đơn vị khác vi phạm hợp đồng kinh tế.

- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ.
- Các khoản thuế được nhà nước miễn giảm trừ thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Thu từ các khoản nợ phải trả không xác định được chủ.
- Các khoản chi phí, thu nhập khác xảy ra không mang tính chất thường xuyên, khi phát sinh đề phải có các chứng từ hợp lý, hợp pháp mới được ghi sổ kế toán.

❖ **Tài khoản sử dụng:** TK 711 – Thu nhập khác

TK 7111 - Thu về nhượng bán, thanh lý TSCĐ

TK 7112 - Thu tiền được phạt vi phạm hợp đồng

TK 7113 - Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý, xóa sổ

TK 7114 - Thu các khoản nợ không xác định được chủ

TK 7116 - Thu do đánh giá lại tài sản

TK 7118 - Thu nhập bất thường khác

❖ **Chứng từ sử dụng:** Phiếu thu, Biên bản thanh lý TSCĐ...

❖ **Sổ kế toán:** Sổ cái TK 711

❖ **Nghiệp vụ minh họa**

Nghiệp vụ 4: Công ty Cổ phần Cơ khí Sông Thu phát sinh khoản lãi vay phải trả cho Công ty TNHH Tổng Công ty Sông Thu – là công ty mẹ của doanh nghiệp – và khoản lãi vay này đã được bên cho vay xuất hóa đơn ghi nhận trước đó. Tuy nhiên, theo thỏa thuận giữa công ty mẹ và công ty con, khoản lãi vay phát sinh trong giai đoạn từ năm 2022 đến năm 2023 được xác định là khoản hỗ trợ tài chính nên Công ty TNHH Tổng Công ty Sông Thu không thực hiện thu khoản lãi này.

Ngày 15/07/2025, Công ty Cổ phần Cơ khí Sông Thu nhận được các hóa đơn điều chỉnh số 1161 và 1162 cùng Biên bản điều chỉnh hóa đơn số 05 ngày 14/07/2025 về việc điều chỉnh giảm tiền lãi vay với tổng số tiền 1.162.440.653 đồng. Căn cứ vào các chứng từ trên, doanh nghiệp thực hiện ghi giảm nghĩa vụ phải trả liên quan đến khoản vay và ghi nhận khoản chênh lệch được giảm vào thu nhập khác (TK 711).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
 ---oOo---

BIÊN BẢN ĐIỀU CHỈNH HÓA ĐƠN
Số: 05



- Căn cứ Nghị định 70/2025/NĐ-CP ngày 20/03/2025 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ

- Căn cứ Thông tư 32/2025/TT-BTC ngày 31/05/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ

Hôm nay, ngày 14/7/2025 đại diện hai bên gồm có:

BÊN A: CÔNG TY TNHH -TỔNG CÔNG TY SÔNG THU
 Địa chỉ: 96 Yết Kiêu, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
 Điện thoại: 0236.3.929.567 MST: 0400100009
 Đại diện pháp luật: Đinh Trường Sơn Chức vụ: Tổng Giám đốc

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ SÔNG THU
 Địa chỉ: Đường số 8, Khu công nghiệp Hòa Cầm, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
 Điện thoại: 0236.3.420.676 MST: 0401505840
 Đại diện pháp luật: Trần Lê Hải Chức vụ: Giám đốc

Hai bên thống nhất lập biên bản điều chỉnh các hóa đơn có mẫu số: 1, ký hiệu: C23TST, số: 186 lập ngày 27/10/2023 và hóa đơn có mẫu số: 1, ký hiệu: C23TST, số: 250 lập ngày 31/12/2023 cụ thể như sau:

Lý do điều chỉnh: Tổng công ty Sông Thu xác định đây là khoản hỗ trợ cho Công ty cổ phần Cơ Khí Sông Thu nên không tính lãi.

NỘI DUNG TRƯỚC ĐIỀU CHỈNH:

Số hoá đơn	Nội dung	Thành tiền	Tổng tiền thanh toán
186	Lãi vay từ ngày 01/8/2022 đến 30/9/2023	1.007.083.383	1.007.083.383
250	Lãi vay từ ngày 01/10/2023 đến 31/12/2023	155.357.270	155.357.270

HAI BÊN THỐNG NHẤT ĐIỀU CHỈNH LẠI NHƯ SAU:

Số hoá đơn	Nội dung	Thành tiền	Tổng tiền thanh toán
1161	Điều chỉnh giảm lãi vay từ ngày 01/8/2022 đến 30/9/2023	0	0
1162	Điều chỉnh giảm lãi vay từ ngày 01/10/2023 đến 31/12/2023	0	0



Chúng tôi cam kết và hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc điều chỉnh hóa đơn này.

Biên bản được lập thành 02 (hai) bản, mỗi bên giữ 01 (một) bản, có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A



TỔNG GIÁM ĐỐC
 Đại tá Đinh Trường Sơn



ĐẠI DIỆN BÊN B



TRẦN LÊ HẢI



Hình 2.17: Biên bản điều chỉnh hóa đơn từ Tổng công ty Sông Thu

Mã cơ quan thuế: 007B914916FAE74D7B9F3EDEE3FC635C7B

 **Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY TNHH - TỔNG CÔNG TY SÔNG THU**
Mã số thuế (Tax code): 0400100009
Địa chỉ (Address): 96 Yết Kiêu, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Điện thoại (Tel): 0236.3.929.567
Số tài khoản (A/C No): 3011100006009 Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Đà Nẵng

TỔNG CÔNG TY SÔNG THU
SONGTHU CORPORATION

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)
Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)
Ngày (date) 15 tháng (month) 07 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial No): **1C25TST**
Số (No.): **1161**

Điều chỉnh cho Hóa đơn số: 186, ký hiệu: C23TST, ngày ký: Ngày 27 tháng 10 năm 2023

Họ tên người mua hàng (Buyer's fullname):
Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ SÔNG THU
Địa chỉ (Address): Đường số 8, Khu công nghiệp Hòa Cẩm, Phường Hoà Thọ Tây, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0401505840 **Mã DVQHNS (Budget unit code):**
Hình thức thanh toán (Payment method): Tiền mặt/Chuyển khoản
Số tài khoản (A/C No):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Lãi vay từ ngày 01/08/2022 đến 30/09/2023				-1.007.083.383
Cộng tiền hàng (Total amount):					-1.007.083.383
Thuế suất GTGT (VAT Rate): KCT					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 0
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					-1.007.083.383

Số tiền viết bằng chữ (In words): Điều chỉnh giảm Một tỷ không trăm lẻ bảy triệu không trăm tám mươi ba nghìn ba trăm tám mươi ba đồng

Người mua hàng (Buyer)
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Sign & Fullname)

Người bán hàng (Seller)
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Sign & Fullname)

Signature valid
Được ký bởi: CÔNG TY TNHH TỔNG
CÔNG TY SÔNG THU
Ngày ký: 15 / 07 / 2025

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tra cứu hóa đơn điện tử tại trang web: <http://tracuu.vin-hoadon.com> Mã số tra cứu: 1T2H74FINXJ0
Đơn vị cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử: công ty cổ phần thương mại Visnam, MST: 0401486901
Đơn vị triển khai bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CHỮ KÝ SỐ VIN, MST: 0402024593 Thành viên của Visnam Corp

Hình 2.18: Hóa đơn điều chỉnh giảm số 1161



TỔNG CÔNG TY SÔNG THU
SONGTHU CORPORATION

Mã cơ quan thuế: 00CA455401632B49C882AF0B92215F6423

Đơn vị bán hàng (Seller): **CÔNG TY TNHH -TÔNG CÔNG TY SÔNG THU**

Mã số thuế (Tax code): **0400100009**

Địa chỉ (Address): 96 Yết Kiêu, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 0236.3.929.567

Số tài khoản (A/C No): 3011100006009 Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Đà Nẵng

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (date) 15 tháng (month) 07 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial No): **1C25TST**
Số (No.): **1162**

Điều chỉnh cho Hóa đơn số: 250, ký hiệu: C23TST, ngày ký: Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Họ tên người mua hàng (Buyer's fullname):

Tên đơn vị (Company's name): **CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ SÔNG THU**

Địa chỉ (Address): Đường số 8, Khu công nghiệp Hòa Cẩm, Phường Hoà Thọ Tây, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0401505840 Mã DVQHNS (Budget unit code):

Hình thức thanh toán (Payment method): Tiền mặt/Chuyển khoản

Số tài khoản (A/C No):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Lãi vay từ ngày 01/10/2023 đến 31/12/2023				-155.357.270
Cộng tiền hàng (Total amount):					-155.357.270
Thuế suất GTGT (VAT Rate): KCT Tiền thuế GTGT (VAT amount):					0
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					-155.357.270
Số tiền viết bằng chữ (In words): Điều chỉnh giảm Một trăm năm mươi lăm triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn hai trăm bảy mươi đồng					

Người mua hàng (Buyer)
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Sign & Fullname)

Người bán hàng (Seller)
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Sign & Fullname)

Signature valid

Được ký bởi: **CÔNG TY TNHH -TÔNG CÔNG TY SÔNG THU**

CÔNG TY SÔNG THU

Ngày ký: 15 / 07 / 2025

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Trà cứu hóa đơn điện tử tại trang web: <http://tracuu.vin-hoadon.com> Mã số tra cứu: 27LLFNKE414L

Đơn vị cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử: công ty cổ phần thương mại Visnam, MST: 0401486901

Đơn vị liên kết bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CHỮ KÝ SỐ VIN, MST: 0402024593 Thành viên của Visnam Corp

Hình 2.20 : Hóa đơn điều chỉnh giảm số 1162

Dựa trên 02 hóa đơn điều chỉnh giảm lãi vay (số 1161 và 1162) với tổng giá trị 1.162.440.653 đồng, kế toán thực hiện hạch toán trên phần mềm để ghi giảm công nợ phải trả. Mặc dù hóa đơn điều chỉnh liên quan đến khoản lãi vay phát sinh trong năm 2023, nhưng đến năm 2025 doanh nghiệp mới nhận được quyết định hỗ trợ tài chính từ Công ty TNHH Tổng Công ty Sông Thu nên kế toán thực hiện ghi giảm khoản công nợ đang theo dõi trên TK 34112ST và 3388ST.

Đồng thời, kế toán lập tờ khai quyết toán thuế TNDN bổ sung năm 2023 (*được thể hiện ở phụ lục số 06*) để điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp tương ứng với khoản chi phí lãi vay được giảm.

Để đảm bảo số liệu khớp đúng với số dư chi tiết của từng hợp đồng vay/mượn trên sổ cái, kế toán thực hiện phân bổ tổng giá trị điều chỉnh vào hai mã đối tượng tương ứng là TK 3388ST và TK 34112ST.

PHIẾU KẾ TOÁN KHÁC

1. Ngày: 31/07/25 2. Số: K08/07

3. Đối tượng: STHU: Tổng Công ty Sông Thu

4. Họ và tên: Tổng Công ty Sông Thu

5. Địa chỉ: 96 Yết Kiêu, P.Thọ Quang, Q.Sơn Trà, Tp.Đà Nẵng

6. Nội dung: Hạch toán công nợ TCT Sông Thu (hóa đơn lãi vay)

7. Nhân viên:

8. Bộ phận:

b. Hợp đồng bán:

c. Hợp đồng mua:

e. Loại tiền: VND 1.00

Giao dịch	Tk nợ	Tk có	Nội dung	Đối tượng	Sản phẩm	Khoản mục	Khế ước	Tiền VND	Hạn thanh toán		Thuế giá trị gia tăng (V)			
									Hạn	Đến ngày	Loại	Thuế suất	Tiền VND	Tk nợ
1 KK	3388ST	7118	Hạch toán công nợ TCT Sông Thu (hối: STHU	STHU				591,836,303	0			0 %	0	
2 KK	34112ST	7118	Hạch toán công nợ TCT Sông Thu (hối: STHU	STHU				570,604,350	0			0 %	0	
*														

Hạch toán: Hóa đơn VAT

f. Kèm theo: chứng từ gốc

Thành tiền: 1,162,440,653

Tiền VAT: 0

Tổng cộng: 1,162,440,653

Lưu và thêm mới Lưu và quay ra Hủy bỏ In sau khi đã lưu dữ liệu

Hình 2.21 : Màn hình hạch toán giảm nợ vay và tăng thu nhập khác trên phần mềm kế toán

CÔNG TY CP CƠ KHÍ SÔNG THU Đường Số 08, KCN Hòa Cầm, Tp.Đà Nẵng BẢNG KÊ PHÁT SINH THEO TÀI KHOẢN ĐỐI ỨNG Năm 2025 Tài khoản: 711 - Thu nhập khác Vế phát sinh: C Nhóm theo: 0							
Chứng từ		Diễn giải	Tổng số	Đối ứng các tài khoản			
Ngày	Số			911		Các tài khoản khác	
						Tk	Tiền
			1.162.440.653				1.162.440.653
31/07/25	K08/07	Hạch toán công nợ TCT Sông Thu (hóa đơn lãi vay)	1.162.440.653			3388ST, 34112ST	1.162.440.653
		Tổng cộng:	1.162.440.653				1.162.440.653

Bảng 2.9: Bảng kê phát sinh theo tài khoản đối ứng

CÔNG TY CP CƠ KHÍ SÔNG THU Đường Số 08, KCN Hòa Cầm, Tp.Đà Nẵng Mẫu số S02a-DN <i>(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng</i> CHỨNG TỪ GHI SỔ Số: 34 Ngày 31 tháng 12 năm 2025				
Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Tổng tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Phải trả, phải nộp khác	338	711	591.836.303	
Vay và nợ thuê tài chính	341	711	570.604.350	
Tổng Cộng			1.162.440.653	

Bảng 2.10: Chứng từ ghi sổ số 34

CÔNG TY CP CƠ KHÍ SÔNG THU Đường Số 08, KCN Hòa Cầm, Tp.Đà Nẵng							
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN Năm 2025 Tài khoản: 711 - Thu nhập khác							
Chứng từ		Diễn giải	Tk đối ứng	Phát sinh		Số dư	
Ngày	Số			Nợ	Có	Nợ	Có
		Dư đầu kỳ					
31/07/2025	026	Thu nhập bất thường 7118 -- > 9111	9111	1.162.440.653		1.162.440.653	
31/07/2025	K08/07	Hạch toán công nợ TCT Sông Thu (hóa đơn lãi vay)	3388ST		591.836.303	570.604.350	
31/07/2025	K08/07	Hạch toán công nợ TCT Sông Thu (hóa đơn lãi vay)	34112ST		570.604.350		
		Tổng phát sinh		1.162.440.653	1.162.440.653		
		Dư cuối kỳ					

Bảng 2.11: Sổ chi tiết tài khoản 711

CÔNG TY CP CƠ KHÍ SÔNG THU Đường Số 08, KCN Hòa Cầm, Tp.Đà Nẵng							
Mẫu số S02c1-DN (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)							
SỔ CÁI Năm 2025 Tên tài khoản: 711 - Thu nhập khác							
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
A	B	C	D	G	1	2	
			7118 - Thu nhập bất thường khác				
			- Số dư đầu năm				
			- Số phát sinh trong tháng				
31/07/25	026	31/07	Thu nhập bất thường	9111	1.162.440.653		
31/07/25	K08/07	31/07	Hạch toán công nợ TCT Sông Thu (hóa đơn lãi vay)	3388ST		591.836.303	
31/07/25	K08/07	31/07	Hạch toán công nợ TCT Sông Thu (hóa đơn lãi vay)	34112ST		570.604.350	
			- Cộng số phát sinh trong tháng		1.162.440.653	1.162.440.653	
			- Số dư cuối tháng				
			- Cộng lũy kế từ đầu quý		1.162.440.653	1.162.440.653	

Bảng 2.12: Sổ cái TK 711

2.2.2. Kế toán chi phí tại Công ty CP Cơ khí Sông Thu

2.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán

❖ Chứng từ kế toán

- Phiếu xuất kho
- Bảng tính giá thành sản phẩm
- Các chứng từ liên quan khác

❖ Tài khoản sử dụng: TK 632 – Giá vốn hàng bán

TK 6321 - Giá vốn hàng bán của hàng hoá

TK 6322 - Giá vốn hàng bán của thành phẩm

❖ Sổ kế toán sử dụng:

- Sổ chi tiết TK 632
- Sổ cái TK 632...

❖ Nghiệp vụ minh họa

Nghiệp vụ 5 (Liên quan đến nghiệp vụ 1): Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 89 và Lệnh xuất kho đã được phê duyệt, kế toán tiến hành ghi nhận giá vốn cho lô hàng 16 Bán xe cố định Nanshin SKC T150NRB xuất bán cho Công ty ECS VINA.

Vào phân hệ Kho → Chọn chức năng tính giá xuất kho → Chọn kỳ tính giá và kho cần tính → Nhấn thực hiện → Phần mềm BRAVO tự động tính đơn giá xuất kho và cập nhật giá vốn vào các sổ kế toán liên quan.

Kế toán lập phiếu xuất kho trên phần mềm: Vào phân hệ Kho → Chọn Phiếu xuất kho → Thêm mới chứng từ → Nhập thông tin khách hàng, kho xuất, vật tư hàng hóa, số lượng và tài khoản hạch toán → Kiểm tra chứng từ → Nhấn cất/lưu → Phần mềm BRAVO tự động cập nhật số liệu vào sổ kế toán và các báo cáo liên quan.

CÔNG TY CP CƠ KHÍ SÔNG THU Đường Số 08, KCN Hòa Cầm, Tp.Đà Nẵng		Mẫu số: 02 - VT <i>Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC</i> <i>Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC</i>	
PHIẾU XUẤT KHO <i>Ngày 20 tháng 09 năm 2025</i> Số: 089		Nợ: 6321 1311 Có: 1561 33311	2.467.092 217.600 2.467.092 217.600
Họ tên người nhận hàng: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP ECS VINA Địa chỉ (bộ phận): 09 Tiểu La, Phường An Xuân, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam Lý do xuất kho: Xuất bán 16 bánh xe cố định Nanshin 150 Xuất tại kho (ngăn lỗ): Kho vật tư (VTU)			
		Địa điểm:	

Stt	Mã số	Tên, nhãn, quy cách phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Đơn vị tính	Số Lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	BXCDST	Bánh xe cố định Nanshin SKC T150NRB-Sông Thu	cái	16,00	154.193,22	2.467.092,00
0						
0						
0						
0						
0						
0						
0						
0						
Tổng cộng						2.467.092

- Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Hai triệu bốn trăm sáu mươi bảy ngàn không trăm chín mươi hai đồng chẵn.

Hình 2.22: Phiếu xuất kho Bánh xe cố định Nanashin

Nghịệp vụ 6 (Liên quan đến nghịệp vụ 2): Xuất bán 500 pallet sắt cho Công ty Vinatech ngày 18/06/2025. Căn cứ vào hợp đồng kinh tế đã ký kết với khách hàng, công ty tiến hành tổ chức sản xuất 500 pallet sắt theo yêu cầu. Trong quá trình sản xuất, các chi phí như chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung được kế toán tập hợp vào TK 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

Sau khi hoàn thành quá trình sản xuất, kế toán tiến hành tổng hợp chi phí để xác định giá thành sản phẩm pallet sắt, làm căn cứ ghi nhận thành phẩm nhập kho. *(Bảng phân tích giá thành sản phẩm Pallet sắt được thể hiện ở Phụ lục số 07)*

Căn cứ vào Bảng phân tích giá thành sản phẩm, tổng chi phí sản xuất của sản phẩm Pallet sắt được tập hợp trên TK 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là 1.227.275.810 đồng. Sau khi hoàn thành quá trình sản xuất, công ty nghiệm thu và nhập kho 500 pallet sắt. *(Phiếu nhập kho 500 pallet sắt được thể hiện ở phụ lục số 08)*

Giá thành sản xuất bình quân của một pallet là 2.454.551,62 đồng/pallet. Kế toán căn cứ vào Phiếu nhập kho thành phẩm để ghi nhận thành phẩm hoàn thành và thực hiện kết chuyển chi phí sản xuất từ TK 154 sang TK 155 – Thành phẩm.

Khi thực hiện giao hàng cho khách hàng theo hợp đồng đã ký kết, công ty tiến hành xuất kho 500 pallet sắt. Căn cứ vào Phiếu xuất kho, kế toán ghi nhận giá vốn hàng bán của số thành phẩm đã xuất bán, đồng thời ghi giảm giá trị thành phẩm trong kho.

CÔNG TY CP CƠ KHÍ SÔNG THU Đường Số 08, KCN Hòa Cầm, Tp.Đà Nẵng						
PHIẾU XUẤT KHO <i>Ngày 18 tháng 06 năm 2025</i> Số: 055				Mẫu số: 02 - VT <i>Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC</i> <i>Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC</i>		
Họ tên người nhận hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VINATECH VIỆT Địa chỉ (bộ phận): 199 Số 23- D, Khu nhà ở thấp tầng lô đất A10, KĐT Nam Trung Yên, P. Yên Hoà, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội, Việt Na Lý do xuất kho: Xuất bán 500 pallet chồng C.ty Vinatech Xuất tại kho (ngăn lô): Kho Thành Phẩm (TP)				Nơi: 6322 1.227.275.810 1311 143.750.000 Có: 1551 1.227.275.810 33311 143.750.000		
Địa điểm:						
Stt	Mã số	Tên, nhãn, quy cách phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Đơn vị tính	Số Lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	PL1.7	Pallet sắt (1.585x1.585x1.700)	Cái	500,00	2.454.551,62	1.227.275.810,00
0						
0						
0						
0						
0						
0						
0						
0						
Tổng cộng						1.227.275.810
- Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Một tỷ hai trăm hai mươi bảy triệu hai trăm bảy mươi lăm ngàn tám trăm mười đồng chẵn. - Số chứng từ gốc kèm theo: -----						
Người lập phiếu (Ký, họ tên)		Người nhận hàng (Ký, họ tên)	Thủ kho (Ký, họ tên)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Ngày tháng năm P.Giám đốc (Ký, họ tên)	

Hình 2.23: Phiếu xuất kho 500 pallet sắt

CÔNG TY CP CƠ KHÍ SÔNG THU Đường Số 08, KCN Hòa Cẩm, Tp.Đà Nẵng BẢNG KÊ PHÁT SINH THEO TÀI KHOẢN ĐỐI ỨNG Năm 2025 Tài khoản: 632 - Giá vốn hàng bán Về phát sinh: C Nhóm theo: 0							
Chứng từ		Diễn giải	Tổng số	Đối ứng các tài khoản			
Ngày	Số			911		Các tài khoản	
						Tk	Tiền
			9.369.329.541	9.369.329.541			
31/01/25	030	Kết chuyển giá vốn	410.708.748	410.708.748			
28/02/25	030	Kết chuyển giá vốn	448.282.887	448.282.887			
31/03/25	030	Kết chuyển giá vốn	498.819.833	498.819.833			
30/04/25	030	Kết chuyển giá vốn	521.731.667	521.731.667			
31/05/25	030	Kết chuyển giá vốn	341.884.013	341.884.013			
30/06/25	030	Kết chuyển giá vốn	1.963.987.688	1.963.987.688			
31/07/25	030	Kết chuyển giá vốn	860.473.539	860.473.539			
31/08/25	030	Kết chuyển giá vốn	947.184.257	947.184.257			
30/09/25	030	Kết chuyển giá vốn	1.118.239.583	1.118.239.583			
31/10/25	030	Kết chuyển giá vốn	669.685.349	669.685.349			
30/11/25	030	Kết chuyển giá vốn	828.904.527	828.904.527			
31/12/25	030	Kết chuyển giá vốn	759.427.450	759.427.450			
		Tổng cộng:	9.369.329.541	9.369.329.541			

Bảng 2.13 : Bảng kê phát sinh theo tài khoản đối ứng TK 632

CÔNG TY CP CƠ KHÍ SÔNG THU Đường Số 08, KCN Hòa Cẩm, Tp.Đà Nẵng Mẫu số S02a-DN <i>(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng</i> CHỨNG TỪ GHI SỔ Số: 31 Ngày 31 tháng 12 năm 2025				
Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Tổng tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Xác định kết quả kinh doanh	911	632	9.369.329.541	
Tổng Cộng			9.369.329.541	

Bảng 2.14 : Chứng từ ghi sổ số 31

CÔNG TY CP CƠ KHÍ SÔNG THU Đường Số 08, KCN Hòa Cầm, Tp.Đà Nẵng SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN Năm 2025 Tài khoản: 632 - Giá vốn hàng bán							
Chứng từ		Diễn giải	Tk đối ứng	Phát sinh		Số dư	
Ngày	Số			Nợ	Có	Nợ	Có
		Dư đầu kỳ					
....							
20/09/2025	089	Xuất bán 16 bánh xe cố định Nanshin 150	1561	2.467.092		2.467.092	
30/09/2025	030	Kết chuyển giá vốn 6321 -> 9111	9111		2.467.092		
22/10/2025	107	Xuất bán 12 bánh xe cố định Nanshin 150	1561	1.850.319		1.850.319	
31/10/2025	030	Kết chuyển giá vốn 6321 -> 9111	9111		1.850.319		
23/12/2025	130	Xuất bán 40 bánh xe cố định Nanshin 150	1561	6.167.729		6.167.729	
31/12/2025	030	Kết chuyển giá vốn 6321 -> 9111	9111		6.167.729		
		Tổng phát sinh		10.485.140	10.485.140		
		Dư cuối kỳ					
		Dư đầu kỳ					
....							
21/01/2025	004	Xuất bán 05 xe đẩy hàng 2 vách	1551	11.328.965		11.328.965	
18/06/2025	055	Xuất bán 500 pallet chồng C.ty Vinatech	1551	1.227.275.810		1.227.275.810	
18/06/2025	K03/06	Phí kiểm định vỏ bình gas phá hủy	3311	14.307.000		1.241.582.810	
31/12/2025	030	Kết chuyển giá vốn 6322 -> 9111	9111		753.259.721		
....							
		Tổng phát sinh		9.358.844.401	9.358.844.401		
		Dư cuối kỳ					

Bảng 2.15: Sổ chi tiết tài khoản 632

CÔNG TY CP CƠ KHÍ SÔNG THU Đường Số 08, KCN Hòa Cẩm, Tp.Đà Nẵng							
Mẫu số S02c1-DN (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)							
SỔ CÁI Năm 2025 Tên tài khoản: 632 - Giá vốn hàng bán							
Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
A	B	C	D	G	1	2	
			6321 - Giá vốn hàng bán của hàng hoá				
			- Số dư đầu năm				
			- Số phát sinh trong tháng				
...	...	...	...	...	...	...	...
20/09/25	089	20/09	Xuất bán 16 bánh xe cố định Nanshin 150	1561	2.467.092		
23/12/25	130	23/12	Xuất bán 40 bánh xe cố định Nanshin 150	1561	6.167.729		
...	...	...	...	...	...	...	...
			- Cộng số phát sinh trong		10.485.140	10.485.140	
			- Số dư cuối tháng				
			- Cộng lũy kế từ đầu quý		10.485.140	10.485.140	
			6322 - Giá vốn hàng bán của thành phẩm				
			- Số dư đầu năm				
			- Số phát sinh trong tháng				
...	...	...	...	...	...	...	...
18/06/25	055	18/06	Xuất bán 500 pallet chồng C.ty Vinatech	1551	1.227.275.810		
18/06/25	K03/06	18/06	Phí kiểm định vỏ bình gas phá	3311	14.307.000		
...	...	...	...	...	...	...	...
			- Cộng số phát sinh trong		9.358.844.401	9.358.844.401	
			- Số dư cuối tháng				
			- Cộng lũy kế từ đầu quý		9.358.844.401	9.358.844.401	

Bảng 2.16: Sổ cái TK 632

Giá vốn hàng bán năm 2025 được thể hiện ở sổ đăng ký chứng từ ghi số tại PL số 04

2.2.2.2. Kế toán chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng của công ty là chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng bao gồm các chi phí dịch vụ mua ngoài. Chi phí dịch vụ mua ngoài này chính là chi phí thuê vận chuyển hàng hóa... Các khoản chi phí này đều được coi là hợp lệ nếu có đủ các chứng từ có liên quan để kế toán làm căn cứ và được tập hợp vào tài khoản chi phí bán hàng (TK 641). Cuối kỳ kết chuyển sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

❖ Chứng từ sử dụng:

- + Hóa đơn GTGT, hợp đồng dịch vụ mua ngoài
- + Phiếu chi.
- + Giấy báo nợ.

❖ Tài khoản sử dụng: TK 641 – Chi phí bán hàng

TK 6411 - Chi phí nhân viên

TK 6412 - Chi phí vật liệu, bao bì

TK 6413 - Chi phí dụng cụ, đồ dùng

TK 6414 - Chi phí khấu hao TSCĐ

TK 6415 - Chi phí bảo hành

TK 6417 - Chi phí dịch vụ mua ngoài

TK 6418 - Chi phí bằng tiền khác

❖ Sổ sách sử dụng: Sổ cái TK 641, sổ chi tiết TK 641...

❖ Quy trình xử lý nghiệp vụ: Hằng ngày, khi phát sinh các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến chi phí bán hàng, kế toán căn cứ vào các chứng từ nhập dữ liệu vào máy tính. Phần mềm kế toán sẽ tự động ghi vào các sổ liên quan.

❖ Nghiệp vụ minh họa:

Nghiệp vụ 7: Trong quá trình tiêu thụ sản phẩm pallet sắt, công ty phát sinh một số khoản chi phí phục vụ cho hoạt động bán hàng như chi phí vận chuyển, bốc xếp và các chi phí liên quan khác. Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 23, ký hiệu 1C25TYYY ngày 24/06/2025 của Công ty TNHH MD Logistics về việc thuê vận chuyển khung pallet thép từ Đà Nẵng đi Khánh Hòa (biển kiểm soát 89H-06207). Tổng số tiền chưa thuế là 15.000.000 đồng, thuế suất GTGT 8%. Kế toán tiến hành ghi nhận vào chi phí bán hàng trong kỳ trên PM kế toán.

CÔNG TY CP CƠ KHÍ SÔNG THU
Đường Số 08, KCN Hòa Cẩm, Tp.Đà Nẵng

Mẫu số: 02-TT
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của BTC)
Quyển số:

PHIẾU CHI
Ngày 30 tháng 06 năm 2025

Số: C09/06

Nợ: 6417	15.000.000
1331	1.200.000
Có: 1111	16.200.000

Họ và tên người nhận tiền :Phan Thị Hà Giang
Địa chỉ: :Phòng Tài chính - Kế toán
Lý do chi: :Thanh toán tiền vận chuyển pallet từ Đà Nẵng - Khánh Hoà
Số tiền: :16.200.000 VND
Viết bằng chữ :Mười sáu triệu hai trăm ngàn đồng chẵn.
Kèm theo:Chứng từ gốc.
Ngày tháng năm

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận tiền
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Mười sáu triệu hai trăm ngàn đồng chẵn.
+ Tỷ giá Ngoại tệ (Vàng bạc,đá quý)
+ Số tiền quy đổi

Hình 2.25:Chi tiền mặt thanh toán chi phí vận chuyển pallet sắt theo HD số 24

Sau đó, kế toán thực hiện ghi nhận chi phí bán hàng và công nợ phải trả cho đơn vị vận chuyển trên phần mềm kế toán.

PHIẾU CHI TIỀN MẶT

1. Ngày 30/06/25 2. Số C09/06

3. Người nhận PTHG: Phan Thị Hà Giang

4. Họ và tên Phan Thị Hà Giang

5. Địa chỉ Phòng Tài chính - Kế toán

6. Lý do chi Thanh toán tiền vận chuyển pallet từ Đà Nẵng - Khánh Hoà

e. Loại tiền VND 1

	Giao dịch	Tk nợ	Tk có	Đối tượng	Sản phẩm	Nhân viên	Khoản mục	Hợp đồng mua	Bộ phận	Tiền VND	Nội dung	Hạn thanh toán		Thuế suất	
												Hạn	Đến ngày		Loại
1	KC	6417	1111	PTHG	PL1.7: Palle	CH				15,000,000	Thanh toán tiền vận chuyển pallet từ Đ.	0		V08	8

Hạch toán Hóa đơn VAT

f. Kèm theo chứng từ gốc

Thành tiền 15,000,000

Tiền VAT 1,200,000

Tổng cộng 16,200,000

Lưu và thêm mới

Lưu và quay ra

Hủy bỏ

☐ In sau khi đã lưu dữ liệu

Hình 2.26 : Giao diện màn hình ghi nhận chi phí vận chuyển pallet trên PM kế toán

Sau khi hạch toán kế toán, phần mềm sẽ tự động xử lý và hạch toán vào các sổ liên quan. Khi kế toán thực hiện kết chuyển cuối kỳ, số dư TK 641 sẽ được kết chuyển sang TK 911.

CÔNG TY CP CƠ KHÍ SÔNG THU Đường Số 08, KCN Hòa Cầm, Tp.Đà Nẵng BẢNG KÊ PHÁT SINH THEO TÀI KHOẢN ĐỐI ỨNG Năm 2025 Tài khoản: 641 - Chi phí bán hàng Về phát sinh: C Nhóm theo: 0							
Chứng từ		Diễn giải	Tổng số	Đối ứng các tài khoản			
Ngày	Số			911		Các tài khoản	
						Tk	Tiền
			292.255.268	292.255.268			
31/01/25	029	Tập hợp chi phí bán hàng	690.000	690.000			
28/02/25	029	Tập hợp chi phí bán hàng	15.850.000	15.850.000			
31/03/25	029	Tập hợp chi phí bán hàng	800.000	800.000			
30/04/25	029	Tập hợp chi phí bán hàng	7.370.550	7.370.550			
31/05/25	029	Tập hợp chi phí bán hàng	19.800.000	19.800.000			
30/06/25	029	Tập hợp chi phí bán hàng	144.607.400	144.607.400			
30/09/25	029	Tập hợp chi phí bán hàng	3.968.518	3.968.518			
31/10/25	029	Tập hợp chi phí bán hàng	36.850.000	36.850.000			
30/11/25	029	Tập hợp chi phí bán hàng	42.193.800	42.193.800			
31/12/25	029	Tập hợp chi phí bán hàng	20.125.000	20.125.000			
		Tổng cộng:	292.255.268	292.255.268			

Bảng 2.17: Bảng kê phát sinh theo TK đối ứng TK 641

CÔNG TY CP CƠ KHÍ SÔNG THU Đường Số 08, KCN Hòa Cầm, Tp.Đà Nẵng Mẫu số S02a-DN <i>(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)</i> CHỨNG TỪ GHI SỔ Số: 32 Ngày 31 tháng 12 năm 2025				
Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Tổng tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Xác định kết quả kinh doanh	911	641	292.255.268	
Tổng Cộng			292.255.268	

Bảng 2.18 : Chứng từ ghi sổ số 32

CÔNG TY CP CƠ KHÍ SÔNG THU Đường Số 08, KCN Hòa Cầm, Tp.Đà Nẵng SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN Năm 2025 Tài khoản: 641 - Chi phí bán hàng							
Chứng từ		Diễn giải	Tk đối ứng	Phát sinh		Số dư	
Ngày	Số			Nợ	Có	Nợ	Có
		Dư đầu kỳ					
...	...	...	...	...	...	...	...
14/06/2025	C04/06	Thanh toán phí cầu hàng xuống ở Khánh Hoà.	1111	4.700.000		40.700.000	
30/06/2025	C09/06	Thanh toán tiền vận chuyển pallet từ Đà Nẵng - Khánh	1111	15.000.000		70.700.000	
30/06/2025	029	Tập hợp chi phí bán hàng 6417 -- > 9111	9111		30.000.000	40.700.000	
...	...	...	...	...	...	...	...
		Tổng phát sinh		95.268.518	95.268.518		
		Dư cuối kỳ					
		Dư đầu kỳ					
...	...	...	...	...	...	...	...
12/11/2025	UB05/11	Thanh toán tiền môi giới theo hợp đồng ngày 20.09.25	1121QD	31.500.000		31.500.000	
12/11/2025	UB06/11	Thanh toán tiền môi giới theo hợp đồng số 0810	1121QD	6.858.000		38.358.000	
30/11/2025	K08/11	Hạch toán tiền thuế TNCN (môi giới thuê NX)	3335	3.150.000		41.508.000	
31/12/2025	029	Tập hợp chi phí bán hàng 6418 -- > 9111	9111		19.965.000		
...	...	...	...	...	...	...	...
		Tổng phát sinh		172.229.350	172.229.350		
		Dư cuối kỳ					

Bảng 2.19 : Sổ chi tiết TK 641

CÔNG TY CP CƠ KHÍ SÔNG THU
Đường Số 08, KCN Hòa Cẩm, Tp.Đà Nẵng

Mẫu số S02c1-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
Năm 2025
Tên tài khoản: 641 - Chi phí bán hàng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
A	B	C	D	G	1	2	
			6411 - Chi phí nhân viên				
			- Số dư đầu năm				
			- Số phát sinh trong tháng				
11/06/25	C03/06	11/06	Thanh toán tiền phí công tác tại Khánh Hoà (lắp ráp 500 pallet sắt)	1111	20.000.000		
30/06/25	029	30/06	Tập hợp chi phí bán hàng	9111		20.000.000	
			- Cộng số phát sinh trong tháng		20.000.000	20.000.000	
			- Số dư cuối tháng				
			- Cộng lũy kế từ đầu quý		20.000.000	20.000.000	
			6412 - Chi phí vật liệu, bao bì				
			- Số dư đầu năm				
			- Số phát sinh trong tháng				
31/01/25	X01/01	31/01	Xuất vật tư phục vụ sản xuất	1522	600.000		
31/01/25	X01/01	31/01	Xuất vật tư phục vụ sản xuất	1528	90.000		
...	...	...	...	...	...	...	...
			- Cộng số phát sinh trong tháng		4.757.400	4.757.400	
			- Số dư cuối tháng				
			- Cộng lũy kế từ đầu quý		4.757.400	4.757.400	
			6417 - Chi phí dịch vụ mua ngoài				
			- Số dư đầu năm				
			- Số phát sinh trong tháng				
30/06/25	C07/06	30/06	Thanh toán tiền vận chuyển ballet từ Đà Nẵng - Khánh Hoà, tiền tiếp	1111	15.000.000		
30/06/25	C09/06	30/06	Thanh toán tiền vận chuyển ballet từ Đà Nẵng - Khánh Hoà	1111	15.000.000		
30/06/25	029	30/06	Tập hợp chi phí bán hàng	9111		70.700.000	
			- Cộng số phát sinh trong tháng		172.229.350	172.229.350	
			- Số dư cuối tháng				
			- Cộng lũy kế từ đầu quý		172.229.350	172.229.350	

Bảng 2.20: Sổ cái TK 641

2.2.2.3 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

❖ **Chi phí quản lý doanh nghiệp** phản ánh các khoản chi phí phát sinh trong kỳ liên quan đến quản lý doanh nghiệp.

+ Chi phí nhân viên quản lý là chi phí tiền lương, các khoản trích theo lương cho bộ phận nhân viên quản lý

+ Chi phí công cụ dụng cụ dùng cho bộ phận quản lý

+ Chi phí dịch vụ mua ngoài: chi phí mua bảo hiểm máy móc thiết bị; phí ngân hàng

❖ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn giá trị gia tăng

- Bảng thanh toán tiền lương

- Phiếu chi

- Phiếu phân bổ khấu hao tài sản

❖ Tài khoản sử dụng: Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

TK 6421 - Chi phí nhân viên quản lý

TK 6422 - Chi phí vật liệu quản lý

TK 6423 - Chi phí đồ dùng văn phòng

TK 6424 - Chi phí khấu hao TSCĐ

TK 6425 - Thuế, phí và lệ phí

TK 6426 - Chi phí dự phòng

TK 6427 - Chi phí dịch vụ mua ngoài

TK 6428 - Chi phí bằng tiền khác

❖ Sổ sách sử dụng

- Sổ chi tiết TK 642

- Sổ cái TK 642

- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

❖ **Quy trình xử lý nghiệp vụ:** Hàng ngày, khi có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến chi phí quản lý doanh nghiệp kế toán căn cứ vào các chứng từ gốc phân loại, hoàn chỉnh chứng từ sau đó nhập dữ liệu vào phần mềm. Phần mềm kế toán sẽ tự động ghi vào các sổ liên quan.

Nghiệp vụ minh họa:

Nghiệp vụ 8: Căn cứ bảng chấm công tháng 06/2025, kế toán lập bảng thanh toán tiền lương cho bộ phận quản lý doanh nghiệp. Sau khi xác định tiền lương phải trả và các khoản trích theo lương, kế toán ghi nhận chi phí quản lý doanh nghiệp như sau:

- + Tính tiền lương phải trả cho bộ phận quản lý doanh nghiệp tháng 06/2025 theo bảng thanh toán tiền lương
- + Trích kinh phí công đoàn theo lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp tháng 06/2025 theo quy định
- + Trích BHXH theo lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp tháng 06/2025 theo quy định
- + Không phát sinh trích BHYT và BHTN đối với một số lao động là sĩ quan quân đội biệt phái hoặc đang hưởng chế độ quân nhân. Theo Nghị định 70/2015/NĐ-CP, sĩ quan quân đội thuộc nhóm do ngân sách nhà nước đóng BHYT và được quản lý theo chế độ riêng của Bộ Quốc phòng. Đồng thời, đối tượng này không thuộc diện tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Điều 43 Luật Việc làm số 38/2013/QH13. Do đó, doanh nghiệp không thực hiện trích BHYT và BHTN đối với các lao động này.

Hình 2.27 : Bảng chấm công tháng 6 của bộ phận gián tiếp

STT	Họ và tên		Chức danh	Công LV	Xếp lo ại	Lương DN	HSL BH XH	Phụ cấp			Lương TG	Tổng lương	Các khoản trích của CBCNV					Lương còn nhận của CBCNV	Các khoản trích của Doanh nghiệp			
								T.nhiệm	Ăn ca	Cước DT			BHXH 8%	BHYT 1,5%	BHTN 1%	KPCĐ 1%	Thuế TNCN		BHXH 17,5%	BHYT 3 %	BHTN 1%	KPCĐ 2%
A	BAN GIÁM ĐỐC					29.972.981	13	1.000.000	1.175.000	600.000	1.983.750	34.731.731	3.440.736	00	00	171.600	00	31.119.395	7.526.611	00	00	343.200
01	Trần Lê	Hải	Giám đốc	22,0	A	14.547.500	6,60	500.000	550.000	300.000	1.983.750	17.881.250	1.680.869			85.800		16.114.581	3.676.901			171.600
02	Phạm Đình	Nghĩa	Phó G. Đốc	25,0	A	15.425.481	6,60	500.000	625.000	300.000		16.850.481	1.759.867			85.800		15.004.814	3.849.710			171.600
B	KHỐI GIÁN TIẾP					40.435.685	13	1.300.000	1.950.000	300.000	00	51.985.685	1.329.600	249.300	166.200	166.200	227.224	49.847.161	2.908.500	498.600	166.200	332.400
I	P. TC-KT- TC					26.233.173	09	1.000.000	1.250.000	300.000	00	34.783.173	976.800	183.150	122.100	122.100	227.224	33.151.799	2.136.750	366.300	122.100	244.200
03	Lưu Thanh	Vũ	Kế toán trưởng	25,0	A	15.425.481	6,00	500.000	625.000	300.000		16.850.481	624.000	117.000	78.000	78.000	227.224	15.726.256	1.365.000	234.000	78.000	156.000
4	Phạm Thị	Hồng	Nhân viên	-	A						00											
04	Phan Thị Hà	Giang	Nhân viên, TQ	25,0	A	6.730.769	3,39	500.000	625.000			13.855.769	352.800	66.150	44.100	44.100		13.348.620	771.750	132.300	44.100	88.200
05	Hồ Thanh	Sinh	NV kỹ thuật		A	1.000.000	3,77					1.000.000						1.000.000				
06	Đoàn Ngọc	Lâm	NV kỹ thuật	8,0	A	3.076.923	3,77					3.076.923						3.076.923				

Hình 2.28 : Trích bảng lương tháng 6 của cán bộ, công nhân viên

CÔNG TY CP CƠ KHÍ SÔNG THU Đường Số 08, KCN Hòa Cẩm, Tp.Đà Nẵng BẢNG KÊ PHÁT SINH THEO TÀI KHOẢN ĐỐI ỨNG Năm 2025 Tài khoản: 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp Về phát sinh: C Nhóm theo: 0							
Chứng từ		Diễn giải	Tổng số	Đối ứng các tài khoản			
				911		Các tài khoản khác	
Ngày	Số					Tk	Tiền
			1.404.023.486	1.404.023.486			
31/01/25	016	Kết chuyển CP quản lý doanh nghiệp	128.464.202	128.464.202			
28/02/25	016	Kết chuyển CP quản lý doanh nghiệp	142.931.779	142.931.779			
31/03/25	016	Kết chuyển CP quản lý doanh nghiệp	77.093.984	77.093.984			
30/04/25	016	Kết chuyển CP quản lý doanh nghiệp	100.730.215	100.730.215			
31/05/25	016	Kết chuyển CP quản lý doanh nghiệp	88.422.438	88.422.438			
30/06/25	016	Kết chuyển CP quản lý doanh nghiệp	109.313.286	109.313.286			
31/07/25	016	Kết chuyển CP quản lý doanh nghiệp	72.880.080	72.880.080			
31/08/25	016	Kết chuyển CP quản lý doanh nghiệp	160.036.908	160.036.908			
30/09/25	016	Kết chuyển CP quản lý doanh nghiệp	79.729.185	79.729.185			
31/10/25	016	Kết chuyển CP quản lý doanh nghiệp	136.145.681	136.145.681			
30/11/25	016	Kết chuyển CP quản lý doanh nghiệp	78.851.154	78.851.154			
31/12/25	016	Kết chuyển CP quản lý doanh nghiệp	229.424.574	229.424.574			
		Tổng cộng:	1.404.023.486	1.404.023.486			

Bảng 2.21: Bảng kê phát sinh theo TK đối ứng TK 642

CÔNG TY CP CƠ KHÍ SÔNG THU Đường Số 08, KCN Hòa Cẩm, Tp.Đà Nẵng Mẫu số S02a-DN <i>(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)</i>				
CHỨNG TỪ GHI SỔ Số: 33 Ngày 31 tháng 12 năm 2025				
Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Tổng tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Xác định kết quả kinh doanh	911	642	1.404.023.486	
Tổng Cộng			1.404.023.486	

Bảng 2.20: Chứng từ ghi sổ số 33

CÔNG TY CP CƠ KHÍ SỐNG THU Đường Số 08, KCN Hòa Cẩm, Tp.Đà Nẵng							
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN Năm 2025 Tài khoản: 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp							
Chứng từ		Diễn giải	Tk đối ứng	Phát sinh		Số dư	
Ngày	Số			Nợ	Có	Nợ	Có
		Dư đầu kỳ					
...	...	...	...	...	...	...	...
30/06/2025	TL01.06/25	Hạch toán tiền lương tháng	3341	34.731.731		34.731.731	
30/06/2025	TL02.06/25	Chi phí BHXH	3383	7.526.611		42.258.342	
30/06/2025	TL02.06/25	Chi phí BHYT	3384			42.258.342	
30/06/2025	TL02.06/25	Chi phí BHTN	3386			42.258.342	
30/06/2025	TL02.06/25	Chi phí Công đoàn	3382	343.200		42.601.542	
...	...	...	...	...	...	...	...
31/12/2025	016	Kết chuyển CP quản lý doanh nghiệp 6421 --> 9111	9111		91.514.073		
		Tổng phát sinh		586.973.365	586.973.365		
		Dư cuối kỳ					
		Dư đầu kỳ					
...	...	...	...	...	...	...	...
13/12/2025	C02/12	Thanh toán tiền mua hộp mực máy in	1111	1.111.111		1.111.111	
31/12/2025	016	Kết chuyển CP quản lý doanh nghiệp 6423 --> 9111	9111		1.111.111		
		Tổng phát sinh		10.582.518	10.582.518		
		Dư cuối kỳ					
		Dư đầu kỳ					
...	...	...	...	...	...	...	...
31/12/2025	KH12.25	Phân bổ chi phí khấu hao TSCĐ	2141	16.124.263		16.124.263	
31/12/2025	016	Kết chuyển CP quản lý doanh nghiệp 6424 --> 9111	9111		16.124.263		
		Tổng phát sinh		193.491.156	193.491.156		
		Dư cuối kỳ					
		Dư đầu kỳ					
31/01/2025	022	Kết chuyển Thuế Môn Bài 3338 --> 6425	3338	3.000.000		3.000.000	
31/01/2025	016	Kết chuyển CP quản lý doanh nghiệp 6425 --> 9111	9111		3.000.000		
		Tổng phát sinh		3.000.000	3.000.000		
		Dư cuối kỳ					
		Dư đầu kỳ					
...	...	...	...	...	...	...	...
31/12/2025	CPTT12	Phân bổ chi phí trả trước tháng 12	2421	1.118.062		10.844.226	
31/12/2025	016	Kết chuyển CP quản lý doanh nghiệp 6427 --> 9111	9111		10.844.226		
		Tổng phát sinh		80.793.529	80.793.529		
		Dư cuối kỳ					
		Dư đầu kỳ					
...	...	...	...	...	...	...	...
31/12/2025	UC02/12	Thanh toán tiền Lễ 22/12 và Năm	1121TC	15.000.000		109.830.901	
31/12/2025	016	Kết chuyển CP quản lý doanh nghiệp 6428 --> 9111	9111		109.830.901		
		Tổng phát sinh		529.182.918	529.182.918		
		Dư cuối kỳ					

Bảng 2.21 : Sổ chi tiết tài khoản 642

CÔNG TY CP CƠ KHÍ SÔNG THU

Đường Số 08, KCN Hòa Cầm, Tp.Đà Nẵng

Mẫu số S02c1-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2025

Tên tài khoản: 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

A	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
B	C	D	G	1	2		
		6421 - Chi phí nhân viên quản lý					
		- Số dư đầu năm					
		- Số phát sinh trong tháng					
...	...	...	...	...	...	...	
30/06/25	TL01.06/25	30/06	Hạch toán tiền lương tháng 06/2025	3341	34.731.731		
30/06/25	TL02.06/25	30/06	Hạch toán các khoản trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ tháng 06/2025	3382	343.200		
30/06/25	TL02.06/25	30/06	Hạch toán các khoản trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ tháng 06/2025	3384			
30/06/25	TL02.06/25	30/06	Hạch toán các khoản trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ tháng 06/2025	3383	7.526.611		
30/06/25	TL02.06/25	30/06	Hạch toán các khoản trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ tháng 06/2025	3386			
30/06/25	016	30/06	Kết chuyển CP quản lý doanh nghiệp	9111		42.601.542	
...	...	...	...	...	...	...	
		- Cộng số phát sinh trong tháng			529.182.918	529.182.918	
		- Số dư cuối tháng					
		- Cộng lũy kế từ đầu quý			529.182.918	529.182.918	

Bảng 2.22 : Sổ cái tài khoản 642

Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2025 được thể hiện ở sổ đăng ký chứng từ ghi sổ tại Phụ lục số 04

2.2.2.4. Kế toán chi phí tài chính

➤ Trong năm 2025, công ty Cổ phần Cơ khí Sông Thu không phát sinh chi phí tài chính nên em xin phép không trình bày khoản mục này.

2.2.2.5. Kế toán chi phí khác

❖ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu chi
- Hóa đơn GTGT - UNC

❖ Tài khoản sử dụng: TK 811 – Chi phí khác

TK 8111 - Chi về nhượng bán, thanh lý TSCĐ

TK 8112 - Chi tiền do phạt vi phạm hợp đồng

TK 8118 - Chi phí bất thường khác

❖ **Sổ sách sử dụng:**

- Sổ chi tiết TK 811

- Sổ cái TK 811

❖ **Nghiệp vụ minh họa**

Nghiệp vụ 9: Căn cứ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế số 838/QĐ-DAN ngày 14/08/2025 của Cục Thuế Thành phố Đà Nẵng, công ty thực hiện nộp khoản tiền chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp vào Ngân sách Nhà nước bằng chuyển khoản. Kế toán căn cứ Giấy nộp tiền vào Ngân sách Nhà nước và chứng từ liên quan để ghi nhận chi phí khác phát sinh trong kỳ.

Không ghi vào khu vực này		GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC Tiền mặt ☐ Chuyển khoản ☒ Loại tiền: VND ☒ USD ☐ Khác:.....				Mẫu số C1- 02/NS (Ban hành kèm theo Thông tư số 84/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính) Mã hiệu: Số: 4470208		
						Số tham chiếu: 11220250336752788		
Người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ SÔNG THU Địa chỉ: Đường số 8, Khu công nghiệp Hòa Cẩm, Phường Cẩm Lệ Quận/Huyện: Người nộp thay: Địa chỉ: Quận/Huyện: Đề nghị NH/ KBNN: Ngân hàng TMCP Quân đội hoặc thu tiền mặt để nộp NSNN theo: TK thu NSNN ☒ TK tạm thu ☐ TK thu hồi hoàn thuế GTGT ☐ Vào tài Khoản KBNN: Kho bạc Nhà nước khu vực XIII - Phòng Kế toán Nhà nước Tỉnh, TP: Thành phố Đà Nẵng Mở tại NH ủy nhiệm thu: MB - Chi nhánh Tp Đà Nẵng Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền: Kiểm toán nhà nước ☐ Thanh tra Chính phủ ☐ Cơ quan quản lý thu: Thuế Thành phố Đà Nẵng (Phòng Quản lý hỗ trợ doanh nghiệp số 1,2)				Mã số thuế: 0401505840 Tỉnh, TP: Thành phố Đà Nẵng Tỉnh, TP: trích TK số: 301151515919				
Phần dành cho người nộp thuế ghi							Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/ NH phối hợp thu/ KBNN ghi	
STT	Số tờ khai/ Số quyết định/ Số thông báo	Kỳ thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số tiền nguyên tệ	Số tiền VND	Mã chương	Mã NDKT	
1	838/QĐ-DAN	14/08/2025	Tiền chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm tiền chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí).		51,970,542	558	4918	
Tổng tiền					51,970,542			
Tổng số tiền ghi bằng chữ: NĂM MƯƠI MỘT TRIỆU CHÍN TRĂM BẢY MƯƠI NGHİN NĂM TRĂM BỐN MƯƠI HAI ĐỒNG								
PHẦN DÀNH CHO KBNN GHI KHI HẠCH TOÁN								
Mã CQ thu:.....				Nợ TK:.....				
Mã ĐBHC:.....				Có TK:.....				
Mã nguồn NSNN:.....								
ĐỐI TƯỢNG NỘP TIỀN				NGÂN HÀNG (KBNN)				
Ngày.....Tháng.....Năm.....				Ngày.....Tháng.....Năm.....				
Người nộp tiền	Kế toán trưởng	Thủ trưởng	Kế toán	Kế toán trưởng				

Hình 2.30 : Giấy nộp tiền vào Ngân sách Nhà nước



PHIẾU BẢO NỢ/ DEBIT NOTE

Ngày/Transaction Date: 15/08/2025

Tên Khách hàng/Customer Name:	1350099 - CÔNG TY CỔ PHẦN CO KHI SONG THU	Tên ngân hàng/Bank's Name:	Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội
Địa chỉ/Address:	DUONG SO 8 KHU CÔNG NGHIỆP HOA CAM-PHƯƠNG HOA THO TAY-QUAN CAM LE-THÀNH PHO DA NANG-VIET NAM	Chi nhánh/Branch:	VN0010301 - CN DA NANG
MST KH/Tax code:	0401505840	Địa chỉ/Address:	Số 174 Lê Đình Lý, P. Hòa Thuận Tây, Q. Hải Châu - TP Đà Nẵng
Mã khách hàng/ Customer ID:	1350099	Mã GDV/Teller :	AMQONLINE.1
Số tài khoản/Account No.:	3011151515919		

Chúng tôi xin thông báo đã ghi nợ tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau/ We hereby notify to you that we debited your account as the following information:

MÃ GIAO DỊCH/ Transaction Code: FT25227060807528		LOẠI TIỀN/ Currency: VND	
Tài khoản nợ/ Debit Account:	Số tài khoản/ Acct No.	3011151515919	Số tiền phí/ Charge Amount:
	Tên tài khoản/ Acct Name:	CTY CP CO KHI SONG THU	VAT
Tài khoản có/ Credit Account:	Số tài khoản/ Acct No.	106777999	Thu phí/ Bank Charge:
	Tên tài khoản/ Acct Name:	KHO BẠC NHA NUOC KHU VUC XIII	
Số tiền/ Amount:	Bằng số/ In number:	51,970,542.00	Tổng phí/ Charge Total:
	Bằng chữ/ In word:	Năm mươi một triệu chín trăm bảy mươi mốt nghìn năm trăm bốn mươi hai đồng	Bằng chữ/ In word:
		Chi tiết/ Details: NTDT+KB:0161-Kho bạc Nhà nước khu vực XIII - Phòng Kế toán Nhà nước +N gayNT:15082025 +MST:0401505840 +DBH C:20260+TKNS:7111 +CQT:1054323+L.Thu	

Hình 2.31 : Giấy báo Nợ của ngân hàng


BÁO NỢ NGÂN HÀNG

1. Ngày: 15/08/25 2. Số: GNT02/08

3. Người nhận: CTHUE: Cục Thuế Đà Nẵng
4. Họ và tên: Cục Thuế Đà Nẵng
5. Địa chỉ:
6. Lý do nhận: Nộp tiền chậm nộp thuế TNDN theo QĐ số 838/QĐ-DAN

7. Tài khoản đến:
8. Ngân hàng:
9. Chi nhánh:
a. Tỉnh, Tp:

i. Mã tiền tệ: VND 1.00

	Giao dịch	Tk nợ	Tk có	Nội dung	Đối tượng	Sản phẩm	Khoản mục	Hợp đồng mua	Khế ước	Tiền VND	Hạn thanh toán	Thuế giá trị gia tăng		
										Số ngày	Đến ngày	Loại	Thuế suất	Tiền VND
1	KC	8118	1121QD	Nộp tiền chậm nộp thuế TNDN theo Q CTHUE						51,970,542	0	0 %		

Hạch toán: Hóa đơn VAT

j. Kèm theo: chứng từ gốc
k. Tài khoản đi: 3011151515919
l. Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Quân Đội
m. Chi nhánh:
n. Tỉnh, Tp: Đà Nẵng

Thành tiền: 51,970,542
Tiền VAT: 0
Tổng cộng: 51,970,542

Hình 2.32: Màn hình hạch toán chi phí khác

84

CÔNG TY CP CƠ KHÍ SÔNG THU Đường Số 08, KCN Hòa Cầm, Tp.Đà Nẵng					
BẢNG KÊ PHÁT SINH THEO TÀI KHOẢN ĐỐI ỨNG Năm 2025 Tài khoản: 811 - Chi phí khác Vế phát sinh: C Nhóm theo: 0					
Chứng từ		Diễn giải	Tổng số	Đối ứng các tài khoản	
Ngày	Số			911	Các tài khoản Tk Tiền
			101.421.109	101.421.109	
31/07/25	027	Chi phí bất thường	32.813.111	32.813.111	
31/08/25	027	Chi phí bất thường	68.607.998	68.607.998	
		Tổng cộng:	101.421.109	101.421.109	

Bảng 2.23 : Bảng kê phát sinh theo tài khoản đối ứng TK 811

CÔNG TY CP CƠ KHÍ SÔNG THU Đường Số 08, KCN Hòa Cầm, Tp.Đà Nẵng				
Mẫu số S02a-DN <i>(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)</i> CHỨNG TỪ GHI SỔ Số: 35 Ngày 31 tháng 12 năm 2025				
Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Tổng tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Xác định kết quả kinh doanh	911	811	101.421.109	
Tổng Cộng			101.421.109	

Bảng 2.24: Chứng từ ghi sổ số 35

CÔNG TY CP CƠ KHÍ SÔNG THU Đường Số 08, KCN Hòa Cẩm, Tp.Đà Nẵng SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN Năm 2025 Tài khoản: 811 - Chi phí khác							
Chứng từ		Diễn giải	Tk đối ứng	Phát sinh		Số dư	
Ngày	Số			Nợ	Có	Nợ	Có
		Dư đầu kỳ					
7/26/2025	GNT02/07	Nộp tiền chậm nộp thuế TNDN năm 2023 bổ sung	1121QD	32.813.111		32.813.111	
7/31/2025	027	Chi phí bất thường 8118 --> 9111	9111		32.813.111		
8/15/2025	GNT02/08	Nộp tiền chậm nộp thuế TNDN theo QĐ số 838/QĐ-	1121QD	51.970.542		51.970.542	
8/15/2025	GNT03/08	Nộp tiền phạt thuế theo QĐ số 838/QĐ-DAN	1121QD	16.478.721		68.449.263	
8/19/2025	GNT04/08	Nộp tiền chậm nộp tiền thuế GTGT	1121QD	158.735		68.607.998	
8/31/2025	027	Chi phí bất thường 8118 --> 9111	9111		68.607.998		
		Tổng phát sinh		101.421.109	101.421.109		
		Dư cuối kỳ					

Bảng 2.25: Sổ chi tiết TK 811

CÔNG TY CP CƠ KHÍ SÔNG THU Đường Số 08, KCN Hòa Cẩm, Tp.Đà Nẵng Mẫu số S02c1-DN (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC) SỔ CÁI Năm 2025 Tên tài khoản: 811 - Chi phí khác							
Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
A	B	C	D	G	1	2	
			8118 - Chi phí bất thường khác				
			- Số dư đầu năm				
			- Số phát sinh trong tháng				
26/07/25	GNT02/07	26/07	Nộp tiền chậm nộp thuế TNDN năm 2023 bổ sung	1121QD	32.813.111		
31/07/25	027	31/07	Chi phí bất thường	9111		32.813.111	
15/08/25	GNT02/08	15/08	Nộp tiền chậm nộp thuế TNDN theo QĐ số 838/QĐ-DAN	1121QD	51.970.542		
15/08/25	GNT03/08	15/08	Nộp tiền phạt thuế theo QĐ số 838/QĐ-DAN	1121QD	16.478.721		
19/08/25	GNT04/08	19/08	Nộp tiền chậm nộp tiền thuế GTGT	1121QD	158.735		
31/08/25	027	31/08	Chi phí bất thường	9111		68.607.998	
			- Cộng số phát sinh trong tháng		101.421.109	101.421.109	
			- Số dư cuối tháng				
			- Cộng lũy kế từ đầu quý		101.421.109	101.421.109	

Bảng 2.26: Sổ cái TK 811

2.2.2.5. Kế toán chi phí thuế TNDN

❖ Chứng từ kế toán sử dụng:

- Tờ khai quyết toán thuế TNDN
- Báo cáo kết quả kinh doanh

❖ Tài khoản sử dụng: TK 821 – Thuế thu nhập doanh nghiệp

TK 8211 - Chi phí thuế TNDN hiện hành

TK 8212 - Chi phí thuế TNDN hoãn lại

❖ Sổ sách sử dụng:

- Sổ chi tiết TK 821
- Sổ cái TK 821

❖ Nghiệp vụ minh họa:

Nghiệp vụ 10: Ngày 31/12/2025, Căn cứ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và bảng kê thu mua hàng hóa, dịch vụ mua vào không có hóa đơn để lập tờ khai quyết toán thuế TNDN năm 2025.

Cách xác định chi phí thuế TNDN như sau:

Thu nhập chịu thuế	=	Doanh thu tính thu nhập chịu thuế	-	Chi phí được trừ trong kỳ	+	Các khoản thu nhập khác
-----------------------	---	--------------------------------------	---	------------------------------	---	----------------------------

+ **DT tính thu nhập chịu thuế** = 10.379.531.768 + 26.494.577 = 10.406.026.345 đồng

+ **CP được trừ** = (11.065.608.295 + 101.421.109) - 105.621.109 = 11.061.408.295 đồng

+ **Thu nhập khác điều chỉnh** = 1.162.440.653 - 1.162.440.653 = 0 đồng

+ **Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận khác** = 108.515 đồng

=> **Thu nhập chịu thuế :**

= 10.406.026.345 - 11.061.408.295 + 0 – 108.515 = - 655.490.465 đồng

Trong đó, chi phí không được trừ (chi phí không hợp lý) bao gồm:

Chi phí mua hàng hóa, dịch vụ không có hóa đơn, chứng từ hợp pháp: 105.621.109 đồng
(Số liệu này căn cứ theo bảng kê chi tiết và được kê khai vào chỉ tiêu B4 trên tờ khai quyết toán).

Thu nhập tính thuế	=	Thu nhập chịu thuế	-	$\left(\begin{array}{l} \text{Thu nhập được} \\ \text{miễn thuế} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Các khoản lỗ được kết} \\ \text{chuyển theo quy định} \end{array} \right)$
-----------------------	---	-----------------------	---	---

+ **Thu nhập tính thuế** = (- 655.490.465 đồng) – 0 = - 655.490.465 đồng

=> Do thu nhập tính thuế âm nên doanh nghiệp không phát sinh thuế TNDN phải nộp trong năm 2025

CÔNG TY CP CƠ KHÍ SÔNG THU Đường Số 08, KCN Hòa Cầm, Tp.Đà Nẵng				
Mẫu số B02-DN <i>Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC</i>				
KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH Năm 2025				
<i>Đơn vị tính: Đồng Việt Nam</i>				
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	[01]	VI.25	10.379.531.768	9.292.948.409
2. Các khoản giảm trừ	[02]			
- Chiết khấu thương mại	[04]			
- Giảm giá hàng bán	[05]			
- Hàng bán bị trả lại	[06]			
- Thuế tiêu thụ ĐB, thuế xuất khẩu phải nộp	[07]			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp	[10]		10.379.531.768	9.292.948.409
4. Giá vốn hàng bán	[11]	VI.27	9.369.329.541	7.640.570.227
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	[20]		1.010.202.227	1.652.378.182
6. Doanh thu hoạt động tài chính	[21]	VI.26	26.494.577	3.070.873
7. Chi phí tài chính	[22]	VI.28		
8. Chi phí bán hàng	[24]		292.255.268	340.641.220
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	[25]		1.404.023.486	1.243.425.758
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30	[30]		(75.071.414)	752.664.517
11. Thu nhập khác	[31]		1.162.440.653	27
12. Chi phí khác	[32]		101.421.109	3.504.345
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	[40]		1.061.019.544	(3.504.318)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 +	[50]		985.948.130	749.160.199
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	[51]	VI.30	333.660.454	20.990.153
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	[52]	VI.30		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	[60]		652.287.676	728.170.046
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	[70]			

Bảng 2.27: Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (MẪU SỐ 03/TNDN)

(Áp dụng đối với phương pháp doanh thu - chi phí)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025 Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025)

[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ: []

Mẫu số: **03/TNDN**
(Ban hành kèm theo Thông
tư số 80/2021/TT-BTC
ngày 29 tháng 9 năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Tài
chính)

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất: C23 - Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác

[05] Tỷ lệ (%): 46,07 %

[06] Tên người nộp thuế: Công ty Cổ Phần Cơ Khí Sông Thu

[07] Mã số thuế: 0401505840

[08] Tên đại lý thuế (nếu có):

[09] Mã số thuế:

[10] Hợp đồng đại lý thuế: Số

Ngày:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
A	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính	A	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	401.437.594
B	Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp	B	
1	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6+B7)	B1	105.621.109
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	105.621.109
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
2	Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11+B12)	B8	1.162.549.168
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	1.162.440.653
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0
2.3	Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của doanh nghiệp có giao dịch liên kết	B11	0
2.4	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B12	108.515
3	Tổng thu nhập chịu thuế (B13=A1+B1-B8)	B13	(655.490.465)
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B14	(655.490.465)
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BDS	B15	0
C	Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh		
1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B14)	C1	(655.490.465)
2	Thu nhập miễn thuế	C2	0
			0

	Loại thu nhập miễn thuế		
3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ ($C3=C3a+C3b$)	C3	0
	Trong đó:		
3.1	+ Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ	C3a	0
3.2	+ Lỗ từ chuyển nhượng BĐS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD	C3b	0
4	Thu nhập tính thuế (TNTT) ($C4=C1-C2-C3$)	C4	0
5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	0
6	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ ($C6=C4-C5=C7+C8$)	C6	0
	Trong đó:		
6.1	+ Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 20%	C7	0
6.2	+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất không ưu đãi khác	C8	0
6.3	+ Thuế suất không ưu đãi khác (%)	C8a	0
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi ($C9=(C7 \times 20\%) + (C8 \times C8a)$)	C9	0
8	Thuế TNDN được ưu đãi theo Luật thuế TNDN ($C10 = C11 + C12 + C13$)	C10	0
	Trong đó:		
8.1	+ Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi	C11	0
8.2	+ Thuế TNDN được miễn trong kỳ	C12	0
8.3	+ Thuế TNDN được giảm trong kỳ	C13	0
9	Thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định thuế	C14	0
10	Thuế TNDN được miễn, giảm theo từng thời kỳ	C15	0
11	Thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế	C16	0
12	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh ($C17=C9-C10-C14-C15-C16$)	C17	0
D	Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	D	
1	Thu nhập chịu thuế ($D1 = B15$)	D1	0
2	Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng BĐS được chuyển trong kỳ	D2	0
3	Thu nhập tính thuế ($D3=D1-D2$)	D3	0
4	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	D4	0
5	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ ($D5=D3-D4$)	D5	0
6	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS trong kỳ	D6	0
7	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua	D7	0
8	Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng BĐS còn phải nộp kỳ này ($D8=D6-D7$)	D8	0
E	Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ ($E=E1+E2+E5$)	E	0
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	0
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản ($E2=E3+E4$)	E2	0
2.1	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	E3	0
2.2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	E4	0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	E5	0
3.1	Trong đó thuế TNDN từ xử lý Quỹ phát triển khoa học công nghệ	E6	0

G	Số thuế TNDN đã tạm nộp ($G=G1+G2+G3+G4+G5$)	G	0
1	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh		0
1.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	G1	0
1.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	G2	0
2	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS		0
2.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G3	0
2.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G4	0
2.3	Thuế TNDN đã tạm nộp các kỳ trước và trong năm quyết toán của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	G5	0
H	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp	H	
1	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động sản xuất kinh doanh ($H1=E1+E5-G2$)	H1	0
2	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS ($H2=E3-G4$)	H2	0
3	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ ($H3=E4-G5$)	H3	0
I	Số thuế TNDN còn phải nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế ($I=E-G=I1+I2$)	I	0
1	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh	$I1=E1+E5-G1-G2$	0
2	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS	$I2=E2-G3-G4-G5$	0

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./...

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ngày 17 tháng 01 năm 2026

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI
NỘP THUẾ**

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Ghi chú:

1. TNDN: Thu nhập doanh nghiệp; BĐS: Bất động sản;
2. Chỉ tiêu G1, G3: NNT kê khai số thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang bù trừ với số thuế TNDN phải nộp kỳ này
3. Chỉ tiêu D11, G2, G4, G5: NNT kê khai số thuế TNDN đã tạm nộp vào NSNN tính đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán.
Ví dụ: NNT có kỳ tính thuế từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 thì số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm là số thuế TNDN đã nộp cho kỳ tính thuế năm 2021 tính từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/3/2022.
4. Trường hợp NNT là doanh nghiệp xổ số có hoạt động sản xuất kinh doanh khác hoạt động kinh doanh xổ số thì NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp của hoạt động kinh doanh xổ số vào chỉ tiêu E1, số thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh khác vào chỉ tiêu E2, E3.
5. Các chỉ tiêu E, G: NNT không kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi khác tính đã kê khai riêng.
6. Chỉ tiêu E4, G5, H3: NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà được bàn giao kỳ này và có thu tiền ứng trước của khách hàng theo tiến độ (bao gồm số tiền đã thu của các kỳ trước và kỳ này).
7. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1052: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh (gồm cả dịch vụ trong lĩnh vực dầu khí)
8. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1056: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu, khí thiên nhiên (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp thu theo hiệp định, hợp đồng thăm dò, khai thác dầu khí)
9. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1057: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động xổ số kiến thiết
10. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1053: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ chuyển nhượng bất động sản

Hình 2.33: Tờ khai quyết toán thuế TNDN năm 2025

PHỤ LỤC
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
Áp dụng đối với ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ (trừ công
ty an ninh, quốc phòng)
(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)
[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025

Mẫu số: **03-1A/TNDN**
(Ban hành kèm theo
Thông tư số 80/2021/TT
-BTC ngày 29 tháng 9
năm 2021 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính)

[02] Tên người nộp thuế: Công ty Cổ Phần Cơ Khí Sông Thu
[03] Mã số thuế: 0401505840

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính:		
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	[04]	10.379.531.768
	Trong đó: - Doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu	[05]	0
2	Các khoản giảm trừ doanh thu ([06]=[07]+[08]+[09])	[06]	0
a	Chiết khấu thương mại	[07]	0
b	Giảm giá hàng bán	[08]	0
c	Giá trị hàng bán bị trả lại	[09]	0
3	Doanh thu hoạt động tài chính	[10]	26.494.577
	Trong đó: Doanh thu từ lãi tiền gửi	[11]	26.145.015
4	Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ ([12]=[13]+[14]+[15])	[12]	11.065.608.295
a	Giá vốn hàng bán	[13]	9.369.329.541
b	Chi phí bán hàng	[14]	292.255.268
c	Chi phí quản lý doanh nghiệp	[15]	1.404.023.486
5	Chi phí tài chính	[16]	0
	Trong đó: Chi phí lãi tiền vay	[17]	0
6	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh([18]=[04]-[06]+[10]-[12]-[16])	[18]	(659.581.950)
7	Thu nhập khác	[19]	1.162.440.653
8	Chi phí khác	[20]	101.421.109
9	Lợi nhuận khác ([21]=[19]-[20])	[21]	1.061.019.544
10	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp ([22]=[18]+[21])	[22]	401.437.594

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./...

Ngày 17 tháng 01 năm 2026

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Hình 2.34: Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

PHỤ LỤC I*(Kèm theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ)***THÔNG TIN VỀ QUAN HỆ LIÊN KẾT VÀ GIAO DỊCH LIÊN KẾT***(Kèm theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp)***[01] Kỳ tính thuế: Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025**

[01] Tên người nộp thuế: Công ty Cổ Phần Cơ Khí Sông Thu

[02] Mã số thuế: 0401505840

[03] Địa chỉ: Đường số 08, KCN Hòa Cầm, Phường Hòa Thọ Tây

[04] Quận/Huyện:

[05] Tỉnh/Thành phố: Thành phố Đà Nẵng

[06] Điện thoại:

[07] Fax:

[08] E-mail:

[09] Tên đại lý thuế (nếu có):

[10] Mã số thuế:

MỤC I. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN KẾT

STT	Tên bên liên kết	Quốc gia	Mã số thuế	Hình thức quan hệ liên kết ¹											
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)											
				A	B	C	D	Đ	E	G	H	I	K	L	M
1	Tổng Công Ty Sông Thu	Việt Nam	0400100009	[x]	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐

MỤC II. CÁC TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC MIỄN NGHĨA VỤ KÊ KHAI, MIỄN TRỪ VIỆC NỘP HỒ SƠ XÁC ĐỊNH GIÁ GIAO DỊCH LIÊN KẾT

STT	Trường hợp miễn trừ	Thuộc diện miễn trừ
(1)	(2)	(3)
1	Miễn kê khai xác định giá giao dịch liên kết tại mục III, mục IV và được miễn lập Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	
	Người nộp thuế chỉ phát sinh giao dịch với các bên liên kết là đối tượng nộp thuế thu nhập doanh nghiệp tại Việt Nam, áp dụng cùng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp với người nộp thuế và không bên nào được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ tính thuế	☐
2	Miễn lập Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	[x]
a	Người nộp thuế có phát sinh giao dịch liên kết nhưng tổng doanh thu phát sinh của kỳ tính thuế dưới 50 tỷ đồng và tổng giá trị tất cả các giao dịch liên kết phát sinh trong kỳ tính thuế dưới 30 tỷ đồng	[x]
b	Người nộp thuế đã ký kết Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá thực hiện nộp Báo cáo thường niên theo quy định pháp luật về Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá	☐
c	Người nộp thuế thực hiện kinh doanh với chức năng đơn giản, không phát sinh doanh thu, chi phí từ hoạt động khai thác, sử dụng tài sản vô hình, có doanh thu dưới 200 tỷ đồng, áp dụng tỷ suất lợi nhuận thuần trước lãi vay và thuế thu nhập doanh nghiệp trên doanh thu, bao gồm các lĩnh vực như sau:	☐
	- Phân phối: Từ 5% trở lên	☐
	- Sản xuất: Từ 10% trở lên	☐
	- Gia công: Từ 15% trở lên	☐

MỤC III. THÔNG TIN XÁC ĐỊNH GIÁ GIAO DỊCH LIÊN KẾT

STT	Chỉ tiêu	Giá trị giao dịch liên kết		Giá trị giao dịch với các bên độc lập	Tổng giá trị phát sinh từ hoạt động kinh doanh trong kỳ
		Giá trị xác định theo Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	Giá trị xác định giá theo APA		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)+(4)+(5)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	0	0	0	10.379.531.768
	Trong đó: - Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu	0	0	0	0
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	0	0	0	0
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	0	0	0	0
4	Giá vốn hàng bán	0	0	0	9.369.329.541
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	0	0	0	(9.369.329.541)
6	Chi phí bán hàng	0	0	0	292.255.268
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	0	0	0	1.404.023.486
8	Doanh thu hoạt động tài chính				26.494.577
8.1	Trong đó: - Lãi tiền gửi và lãi cho vay				26.145.015
9	Chi phí tài chính				0
9.1	Trong đó: - Chi phí lãi tiền vay				0
9.1a	Chi phí lãi vay được trừ trong kỳ				0
9.1b	Phần chi phí lãi vay trong kỳ không được trừ chuyển sang kỳ sau theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 16				0
10	Chi phí khấu hao phát sinh trong kỳ				3.074.293.644
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ (11)=(5)-(6)-(7)+(8)-(9)				0
12	Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ không bao gồm chênh lệch doanh thu và chi phí của hoạt động tài chính (12)=(11)-(8)+(9)	0	0	0	0
13	Tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng chi phí lãi vay sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay trong kỳ cộng chi phí khấu hao trong kỳ (13)=(11)+(9.1)-(8.1)+10)				0
14	Tỷ lệ chi phí lãi vay sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay phát sinh trong kỳ trên tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng chi phí lãi vay sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay trong kỳ cộng chi phí khấu hao trong kỳ (14)=[(9.1)-(8.1)]/(13)				0
15	Chi phí lãi vay của các kỳ trước chuyển sang, trong đó: (15)=(15.1)+(15.2)+(15.3)+(15.4)+(15.5)	0	0	0	0
15.1	- Phần chi phí lãi vay không được trừ từ năm(n-1) chuyển sang kỳ tính thuế(n)	0	0	0	0

Hình 2.35: Trích phụ lục thông tin về quan hệ liên kết và giao dịch liên kết

CÔNG TY CP CƠ KHÍ SÔNG THU Đường Số 08, KCN Hòa Cẩm, Tp.Đà Nẵng SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN Năm 2025 Tài khoản: 821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp							
Chứng từ		Diễn giải	Tk đối ứng	Phát sinh		Số dư	
Ngày	Số			Nợ	Có	Nợ	Có
		Dư đầu kỳ					
31/03/2025	K08/03	Hạch toán tiền thuế TNDN Quý 1/2025	3334	2.609.015		2.609.015	
31/03/2025	028	Chi phí trích trước thuế TNDN 8211 --> 9111	9111		2.609.015		
30/06/2025	K14/06	Hạch toán tiền thuế TNDN Q2/2025	3334	9.286.046		9.286.046	
30/06/2025	028	Chi phí trích trước thuế TNDN 8211 --> 9111	9111		9.286.046		
31/07/2025	K10/07	Hạch toán tiền thuế TNDN năm 2023 (bổ sung)	3334	229.301.961		229.301.961	
31/07/2025	028	Chi phí trích trước thuế TNDN 8211 --> 9111	9111		229.301.961		
15/08/2025	K04/08	Hạch toán tiền thuế TNDN theo QĐ số 838/QĐ-DAN	3334	104.358.493		104.358.493	
31/08/2025	028	Chi phí trích trước thuế TNDN 8211 --> 9111	9111		104.358.493		
30/09/2025	K11/09	Hạch toán tiền thuế TNDN Quý 3/2025	3334	85.289.704		85.289.704	
30/09/2025	028	Chi phí trích trước thuế TNDN 8211 --> 9111	9111		85.289.704		
31/12/2025	028	Chi phí trích trước thuế TNDN 8211 --> 9111	9111	97.184.765		97.184.765	
31/12/2025	K16/12	Hạch toán tiền thuế TNDN còn lại năm 2025	3334	(97.184.765)			
		Tổng phát sinh		430.845.219	430.845.219		
		Dư cuối kỳ					

Bảng 2.28 : Sổ chi tiết tài khoản 821

CÔNG TY CP CƠ KHÍ SÔNG THU Đường Số 08, KCN Hòa Cầm, Tp.Đà Nẵng							
Mẫu số S02c1-DN (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)							
SỔ CÁI Năm 2025 Tên tài khoản: 821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp							
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
A	B	C	D	G	1	2	
			8211 - Chi phí thuế TNDN hiện hành				
			- Số dư đầu năm				
			- Số phát sinh trong tháng				
31/03/25	K08/03	31/03	Hạch toán tiền thuế TNDN Quý 1/2025	3334	2.609.015		
31/03/25	028	31/03	Chi phí trích trước thuế TNDN	9111		2.609.015	
30/06/25	K14/06	30/06	Hạch toán tiền thuế TNDN Q2/2025	3334	9.286.046		
30/06/25	028	30/06	Chi phí trích trước thuế TNDN	9111		9.286.046	
31/07/25	K10/07	31/07	Hạch toán tiền thuế TNDN năm 2023 (bổ sung)	3334	229.301.961		
31/07/25	028	31/07	Chi phí trích trước thuế TNDN	9111		229.301.961	
15/08/25	K04/08	15/08	Hạch toán tiền thuế TNDN theo QĐ số 838/QĐ-DAN	3334	104.358.493		
31/08/25	028	31/08	Chi phí trích trước thuế TNDN	9111		104.358.493	
30/09/25	K11/09	30/09	Hạch toán tiền thuế TNDN Quý 3/2025	3334	85.289.704		
30/09/25	028	30/09	Chi phí trích trước thuế TNDN	9111		85.289.704	
31/12/25	028	31/12	Chi phí trích trước thuế TNDN	9111	97.184.765		
31/12/25	K16/12	31/12	Hạch toán tiền thuế TNDN còn lại năm 2025	3334	(97.184.765)		
			- Cộng số phát sinh trong tháng		430.845.219	430.845.219	
			- Số dư cuối tháng				
			- Cộng lũy kế từ đầu quý		430.845.219	430.845.219	

Bảng 2.29: Sổ cái TK 821

2.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Cuối kỳ, kế toán thực hiện bút toán kết chuyển doanh thu, chi phí vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu kế toán

❖ **Tài khoản sử dụng**

- Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

TK 9111 - Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

TK 9112 - Kết quả hoạt động tài chính

TK 9113 - Kết quả hoạt động bất thường

❖ **Sổ sách sử dụng:**

- Sổ chi tiết TK 911

- Sổ cái TK 911

- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

❖ **Nghiệp vụ minh họa**

Nghiệp vụ 11: Công ty thực hiện kết chuyển xác định kết quả kinh doanh định kỳ vào cuối mỗi tháng: Vào phân hệ Tổng hợp → Chọn chức năng Kết chuyển lãi lỗ/Xác định kết quả kinh doanh → Chọn kỳ kế toán cần kết chuyển → Kiểm tra các tài khoản doanh thu, chi phí → Nhấn thực hiện → Phần mềm BRAVO tự động kết chuyển doanh thu, chi phí sang TK 911 và xác định kết quả kinh doanh cuối kỳ.

Kết quả kinh doanh năm 2025:

❖ DTT về bán hàng và cung cấp dịch vụ = Doanh thu BH và CCDV - Các khoản giảm trừ DT

$$= 10.379.531.768 - 0 = 10.379.531.768$$

❖ Lợi nhuận gộp về BH và CCDV = DTT – Giá vốn hàng bán

$$= 10.379.531.768 - 9.369.329.541 = 1.010.202.227$$

❖ Lợi nhuận thuần từ HĐKD = Lợi nhuận gộp về BH và CCDV + Doanh thu hoạt động tài chính – Chi phí tài chính – Chi phí bán hàng – Chi phí quản lý doanh nghiệp

$$= 1.010.202.227 + 26.494.577 - 0 - 292.255.268 - 1.404.023.486 = -75.071.414$$

❖ Lợi nhuận khác = Thu nhập khác – Chi phí khác

$$= 1.162.440.653 - 101.421.109 = 1.061.019.544$$

❖ Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế = Lợi nhuận thuần từ HĐKD + Lợi nhuận khác

$$= (-75.071.414) + 1.061.019.544 = 985.948.130$$

❖ Chi phí thuế TNDN hiện hành = 333.660.454

❖ LNST thu nhập doanh nghiệp = Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế – Chi phí thuế TNDN hiện hành – Chi phí thuế TNDN hoãn lại

= 985.948.130 - 333.660.454 - 0 = 652.287.676

CÔNG TY CP CƠ KHÍ SÔNG THU Đường Số 08, KCN Hòa Cẩm, Tp.Đà Nẵng Mẫu số S02c1-DN (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC) SỔ CÁI Năm 2025 Tên tài khoản: 911 - Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh							
Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
A	B	C	D	G	1	2	
			9111 - Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh				
			- Số dư đầu năm				
			- Số phát sinh trong				
...	...	...	...	...	...	...	...
31/12/25	016	31/12	Kết chuyển CP quản lý	6427	10.844.226		
31/12/25	016	31/12	Kết chuyển CP quản lý	6428	109.830.901		
31/12/25	016	31/12	Kết chuyển CP quản lý	6423	1.111.111		
31/12/25	016	31/12	Kết chuyển CP quản lý	6421	91.514.073		
31/12/25	016	31/12	Kết chuyển CP quản lý	6424	16.124.263		
31/12/25	029	31/12	Tập hợp chi phí bán hàng	6418	19.965.000		
31/12/25	029	31/12	Tập hợp chi phí bán hàng	6412	160.000		
31/12/25	030	31/12	Kết chuyển giá vốn	6322	753.259.721		
31/12/25	030	31/12	Kết chuyển giá vốn	6321	6.167.729		
31/12/25	031	31/12	Kết chuyển lãi lỗ	4212	51.455.684		
31/12/25	023	31/12	Kết chuyển doanh thu	5112		432.557.879	
31/12/25	023	31/12	Kết chuyển doanh thu	5118		521.734.182	
31/12/25	023	31/12	Kết chuyển doanh thu	5111		6.800.000	
31/12/25	025	31/12	Thu nhập hoạt động tài	5156		108.515	
31/12/25	025	31/12	Thu nhập hoạt động tài	5154		2.047.367	
31/12/25	028	31/12	Chi phí trích trước thuế	8211		97.184.765	
			- Cộng số phát sinh trong		12.657.550.807	12.657.550.807	
			- Số dư cuối tháng				
			- Cộng lũy kế từ đầu quý		12.657.550.807	12.657.550.807	

Bảng 2.30: Sổ cái TK 911

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP CƠ KHÍ SÔNG THU

3.1. Đánh giá thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Cơ khí Sông Thu

3.1.1. Ưu điểm

❖ Về hệ thống chứng từ và luân chuyển chứng từ:

Công ty sử dụng khá đầy đủ các loại chứng từ kế toán như hóa đơn giá trị gia tăng, phiếu thu, phiếu chi, giấy báo Có/Nợ ngân hàng, phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, biên bản nghiệm thu, biên bản bàn giao và các chứng từ liên quan khác. Chứng từ được kiểm tra, luân chuyển và lưu trữ tương đối khoa học, thuận tiện cho việc đối chiếu và kiểm tra khi cần thiết.

❖ Về hệ thống sổ sách kế toán và ứng dụng phần mềm:

Công ty áp dụng phần mềm kế toán BRAVO trong công tác hạch toán, giúp giảm khối lượng ghi chép thủ công, nâng cao độ chính xác và tiết kiệm thời gian xử lý số liệu. Hệ thống sổ sách kế toán được mở tương đối đầy đủ và dữ liệu được cập nhật tự động giữa các bộ phận liên quan, thuận tiện cho công tác tổng hợp và lập báo cáo tài chính. Ngoài ra, phần mềm còn hỗ trợ tự động đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ và hạch toán các bút toán liên quan, góp phần nâng cao hiệu quả và độ chính xác trong công tác kế toán.

❖ Về công tác tập hợp chi phí và tính giá thành:

Do đặc thù sản xuất cơ khí theo đơn đặt hàng, Công ty đã chú trọng công tác tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm. Việc mở chi tiết TK 6222 để theo dõi riêng chi phí nhân công gián tiếp giúp doanh nghiệp kiểm soát chi phí tốt hơn và phục vụ hiệu quả công tác quản trị nội bộ.

❖ Về thời điểm ghi nhận doanh thu và chi phí:

Công ty thực hiện ghi nhận doanh thu khi sản phẩm hoặc dịch vụ đã hoàn thành bàn giao cho khách hàng, có đầy đủ hồ sơ nghiệm thu và chứng từ liên quan. Chi phí phát sinh được ghi nhận trên cơ sở chứng từ hợp lệ, phù hợp với nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí theo chế độ kế toán hiện hành.

❖ Về công tác xác định kết quả kinh doanh:

Cuối kỳ, kế toán thực hiện kết chuyển doanh thu, chi phí vào TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh theo đúng quy định. Qua đó giúp doanh nghiệp xác định chính xác kết quả

hoạt động trong kỳ, làm cơ sở để đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh và xây dựng kế hoạch cho kỳ tiếp theo.

3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm đã đạt được, công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Cơ khí Sông Thu vẫn còn một số hạn chế cần được khắc phục như sau:

❖ Về nhân sự và luân chuyển chứng từ:

Phòng kế toán hiện chỉ có 02 nhân sự nhưng phải đảm nhận nhiều công việc khác nhau. Điều này có thể làm tăng áp lực công việc và tiềm ẩn rủi ro sai sót trong quá trình xử lý số liệu kế toán. Đồng thời, việc luân chuyển chứng từ từ các bộ phận sản xuất về phòng kế toán đôi khi còn chậm, gây áp lực vào thời điểm khóa sổ cuối kỳ.

❖ Về hệ thống sổ sách và phần mềm kế toán:

Mặc dù Công ty đang áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư 200/2014/TT-BTC, tuy nhiên một số mẫu sổ sách trên phần mềm vẫn còn theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC và chưa được cập nhật đồng bộ theo quy định hiện hành. Điều này gây khó khăn trong việc tra cứu, đối chiếu số liệu, làm giảm tính thống nhất giữa chế độ kế toán áp dụng với biểu mẫu sử dụng, đồng thời ảnh hưởng đến hiệu quả khai thác thông tin phục vụ công tác quản lý.

❖ Về công tác hạch toán công nợ và thu nhập khác

Trong công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Cơ khí Sông Thu, việc hạch toán nghiệp vụ điều chỉnh giảm lãi vay chưa phản ánh đúng hoàn toàn bản chất kinh tế của nghiệp vụ. Cụ thể, đối với khoản điều chỉnh giảm lãi vay phải trả cho Công ty TNHH Tổng Công ty Sông Thu, trước đây doanh nghiệp đã ghi nhận:

Nợ TK 635 – Chi phí tài chính

Có TK 3388 – Phải trả khác

Tuy nhiên, khi thực hiện điều chỉnh giảm khoản lãi vay này, doanh nghiệp lại hạch toán:

Nợ TK 3411 – Vay và nợ thuê tài chính

Có TK 711 – Thu nhập khác

Việc sử dụng TK 3411 để ghi giảm khoản lãi vay chưa thật sự phù hợp với bản chất nghiệp vụ, do TK 3411 phản ánh khoản vay gốc, trong khi khoản được điều chỉnh là nghĩa vụ phải trả về lãi vay đã ghi nhận trước đó.

❖ Về việc sử dụng thuật ngữ trên bảng lương

Tại bảng lương của doanh nghiệp, khoản trích 1% từ lương của cán bộ công nhân viên đang được ghi nhận là “KPCĐ”. Tuy nhiên, cách ghi này chưa thật sự phù hợp với bản

chất khoản trích, vì đây là khoản đoàn viên công đoàn đóng góp từ tiền lương nên cần được phản ánh là “Đoàn phí công đoàn”. Việc sử dụng thuật ngữ chưa chính xác có thể gây nhầm lẫn giữa kinh phí công đoàn do doanh nghiệp đóng và đoàn phí công đoàn do người lao động đóng góp.

3.2. Giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Cơ khí Sông Thu

Căn cứ vào những ưu điểm và hạn chế đã phân tích ở mục 3.1, để nâng cao hiệu quả công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, Công ty Cổ phần Cơ khí Sông Thu cần thực hiện một số giải pháp sau:

❖ Bổ sung nhân sự kế toán và nâng cao hiệu quả luân chuyển chứng từ

Công ty nên xem xét bố trí thêm nhân sự kế toán hoặc phân công công việc chuyên môn hóa rõ ràng hơn. Đồng thời cần quy định thời gian luân chuyển chứng từ giữa các bộ phận, tránh tình trạng dồn việc vào cuối tháng hoặc cuối năm làm ảnh hưởng tiến độ khóa sổ và chất lượng số liệu kế toán.

❖ Hoàn thiện hệ thống sổ sách và nâng cao hiệu quả sử dụng phần mềm BRAVO

Công ty cần phối hợp với đơn vị cung cấp phần mềm BRAVO để rà soát, cập nhật hệ thống sổ sách và biểu mẫu kế toán phù hợp với các quy định hiện hành, đồng thời điều chỉnh sổ chi tiết theo hướng thể hiện rõ từng tài khoản cấp chi tiết nhằm thuận tiện cho việc theo dõi và phân tích doanh thu.

❖ Trước điều chỉnh:

CÔNG TY CP CƠ KHÍ SÔNG THU Đường Số 08, KCN Hòa Cẩm, Tp.Đà Nẵng						
					Mẫu số S02c1-DN (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)	
SỔ CÁI Năm 2025						
Tên tài khoản: 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ						
Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	G	1	2
			5111 - Doanh thu bán hàng hóa			
			- Số dư đầu năm			
			- Số phát sinh trong tháng			
20/09/25	089	20/09	Xuất bán 16 bánh xe cố định Nanshin 150	1311		2.720.000
23/12/25	130	23/12	Xuất bán 40 bánh xe cố định Nanshin 150	1311		6.800.000
...	...	...	...	...	...	...

❖ Sau điều chỉnh:

CÔNG TY CP CƠ KHÍ SÔNG THU Đường Số 08, KCN Hòa Cẩm, Tp.Đà Nẵng							
					Mẫu số S02c1-DN (Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)		
SỔ CÁI Năm 2025							
Tên tài khoản: 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ							
Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
A	B	C	D	G	1	2	
			- Số dư đầu năm				
			- Số phát sinh trong tháng				
20/09/25	089	20/09	Xuất bán 16 bánh xe cố định Nanshin 150	1311		2.720.000	
23/12/25	130	23/12	Xuất bán 40 bánh xe cố định Nanshin 150	1311		6.800.000	
...	...	...	...	...	...	...	
			- Cộng số phát sinh trong tháng		11.560.000	11.560.000	
			- Số dư cuối tháng				
			- Cộng lũy kế từ đầu quý		11.560.000	11.560.000	

Bên cạnh đó, mặc dù phần mềm đã hỗ trợ tự động hóa công tác kế toán, nhưng việc tích hợp nhiều nghiệp vụ trên cùng một chứng từ vẫn còn một số hạn chế. Cụ thể, trên phiếu xuất kho vẫn hiển thị các bút toán liên quan đến doanh thu và thuế GTGT như Nợ TK 1311/Có TK 33311, dễ gây khó khăn trong quá trình kiểm tra, đối chiếu

chứng từ và làm người sử dụng nhầm lẫn giữa nghiệp vụ xuất kho và nghiệp vụ ghi nhận doanh thu.

❖ Trước điều chỉnh:

CÔNG TY CP CƠ KHÍ SÔNG THU Đường Số 08, KCN Hòa Cẩm, Tp.Đà Nẵng		Mẫu số: 02 - VT Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC									
PHIẾU XUẤT KHO Ngày 20 tháng 09 năm 2025 Số: 089		<table border="1"> <tr> <td>Nợ: 6321</td> <td>2.467.092</td> </tr> <tr> <td>1311</td> <td>217.600</td> </tr> <tr> <td>Có: 1561</td> <td>2.467.092</td> </tr> <tr> <td>33311</td> <td>217.600</td> </tr> </table>		Nợ: 6321	2.467.092	1311	217.600	Có: 1561	2.467.092	33311	217.600
Nợ: 6321	2.467.092										
1311	217.600										
Có: 1561	2.467.092										
33311	217.600										
Họ tên người nhận hàng: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP ECS VINA Địa chỉ (bộ phận): 09 Tiểu La, Phường An Xuân, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam Lý do xuất kho: Xuất bán 16 bánh xe cố định Nanshin 150 Xuất tại kho (ngăn lỗ): Kho vật tư (VTU)		Địa điểm:									
Stt	Mã số	Tên, nhãn, quy cách phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Đơn vị tính	Số Lượng	Đơn giá	Thành tiền					
1	BXCDST	Bánh xe cố định Nanshin SKC T150NRB-Sông Thu	cái	16,00	154.193,22	2.467.092,00					
0											
0											
0											
0											
0											
0											
0											
0											
Tổng cộng						2.467.092					
- Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Hai triệu bốn trăm sáu mươi bảy ngàn không trăm chín mươi hai đồng chẵn.											

❖ Sau điều chỉnh:

CÔNG TY CP CƠ KHÍ SÔNG THU Đường Số 08, KCN Hòa Cẩm, Tp.Đà Nẵng		Mẫu số: 02 - VT Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC					
PHIẾU XUẤT KHO Ngày 20 tháng 09 năm 2025 Số: 089		<table border="1"> <tr> <td>Nợ: 6321</td> <td>2.467.092</td> </tr> <tr> <td>Có: 1561</td> <td>2.467.092</td> </tr> </table>		Nợ: 6321	2.467.092	Có: 1561	2.467.092
Nợ: 6321	2.467.092						
Có: 1561	2.467.092						
Họ tên người nhận hàng: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP ECS VINA Địa chỉ (bộ phận): 09 Tiểu La, Phường An Xuân, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam Lý do xuất kho: Xuất bán 16 bánh xe cố định Nanshin 150 Xuất tại kho (ngăn lỗ): Kho vật tư (VTU)		Địa điểm:					
Stt	Mã số	Tên, nhãn, quy cách phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Đơn vị tính	Số Lượng	Đơn giá	Thành tiền	
1	BXCDST	Bánh xe cố định Nanshin SKC T150NRB-Sông Thu	cái	16,00	154.193,22	2.467.092,00	
0							
0							
0							
0							
0							
0							
0							
0							
Tổng cộng						2.467.092	
- Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Hai triệu bốn trăm sáu mươi bảy ngàn không trăm chín mươi hai đồng chẵn.							

❖ **Hạch toán điều chỉnh giảm lãi vay đúng theo bản chất nghiệp vụ kinh tế.**

Qua phân tích cho thấy, việc hạch toán điều chỉnh giảm lãi vay tại Công ty chưa thật sự phù hợp với bản chất kinh tế của nghiệp vụ do sử dụng TK 3411 để ghi giảm khoản lãi vay phải trả. Cụ thể:

PHIẾU KẾ TOÁN KHÁC

1. Ngày: 31/07/25 2. Số: K08/07

3. Đối tượng: STHU: Tổng Công ty Sông Thu
 4. Họ và tên: Tổng Công ty Sông Thu
 5. Địa chỉ: 96 Yết Kiêu, P.Tho Quang, Q.Sơn Trà, Tp.Đà Nẵng
 6. Nội dung: Hạch toán công nợ TCT Sông Thu (hóa đơn lãi vay)

7. Nhân viên:
 8. Bộ phận:
 b. Hợp đồng bán:
 c. Hợp đồng mua:
 e. Loại tiền: VND 1.00

Giao dịch	Tk nợ	Tk có	Nội dung	Đối tượng	Sản phẩm	Khoản mục	Khế ước	Tiền VND	Hạn thanh toán		Thuế giá trị gia tăng (V)		
									Hạn	Đến ngày	Loại	Thuế suất	Tiền VND
1 KK	3388ST	7118	Hạch toán công nợ TCT Sông Thu (hời: STHU					591,836,303	0		0 %	0	
2 KK	34112ST	7118	Hạch toán công nợ TCT Sông Thu (hời: STHU					570,604,350	0		0 %	0	

Hạch toán: Hóa đơn VAT

f. Kèm theo: chứng từ gốc

Thành tiền: 1,162,440,653
 Tiền VAT: 0
 Tổng cộng: 1,162,440,653

Công ty cần thực hiện hạch toán điều chỉnh giảm lãi vay theo đúng tài khoản đã ghi nhận ban đầu, tức ghi giảm khoản phải trả về lãi vay thay vì ghi giảm khoản vay gốc. Việc hạch toán phù hợp sẽ giúp phản ánh chính xác bản chất nghiệp vụ và nâng cao độ tin cậy của thông tin kế toán. Cụ thể như sau:

Nợ TK 3388ST : 1.162.440.653

Có TK 7118 : 1.162.440.653

❖ **Hoàn thiện cách trình bày và sử dụng thuật ngữ kế toán trên bảng lương**

Công ty cần sử dụng đúng thuật ngữ “Đoàn phí công đoàn” thay cho “Kinh phí công đoàn” để phản ánh đúng bản chất khoản trích 1% từ lương người lao động, tránh nhầm lẫn trong công tác kế toán.

❖ Trước điều chỉnh:

STT	Họ và tên		Chức danh	Công LV	Xếp loại	Lương DN	HSL BH XH	Phụ cấp			Lương TG	Tổng lương	Các khoản trích của CBCNV					Lương còn nhận của CBCNV	Các khoản trích của Doanh nghiệp			
								T.nhiệm	Ăn ca	Cước DT			BHXH 8%	BHYT 1,5%	BHTN 1%	KPCD 1%	Thuế TNCN		BHXH 17,5%	BHYT 3 %	BHTN 1%	KPCD 2%
A	BAN GIÁM ĐỐC					29.972.981	13	1.000.000	1.175.000	600.000	1.983.750	34.731.731	3.440.736	00	00	171.600	00	31.119.395	7.526.611	00	00	343.200
01	Trần Lê	Hải	Giám đốc	22,0	A	14.547.500	6,60	500.000	550.000	300.000	1.983.750	17.881.250	1.680.869			85.800		16.114.581	3.676.901			171.600
02	Phạm Đình	Nghĩa	Phó G. Đốc	25,0	A	15.425.481	6,60	500.000	625.000	300.000		16.850.481	1.759.867			85.800		15.004.814	3.849.710			171.600
B	KHỐI GIÁN TIẾP					40.435.685	13	1.300.000	1.950.000	300.000	00	51.985.685	1.329.600	249.300	166.200	166.200	227.224	49.847.161	2.908.500	498.600	166.200	332.400
I	P. TC-KT- TC					26.233.173	09	1.000.000	1.250.000	300.000	00	34.783.173	976.800	183.150	122.100	122.100	227.224	33.151.799	2.136.750	366.300	122.100	244.200
03	Lưu Thanh	Vũ	Kế toán trưởng	25,0	A	15.425.481	6,00	500.000	625.000	300.000		16.850.481	624.000	117.000	78.000	78.000	227.224	15.726.256	1.365.000	234.000	78.000	156.000
4	Phạm Thị	Hồng	Nhân viên	-	A						00											
04	Phan Thị Hà	Giang	Nhân viên, TQ	25,0	A	6.730.769	3,39	500.000	625.000			13.855.769	352.800	66.150	44.100	44.100		13.348.620	771.750	132.300	44.100	88.200
05	Hồ Thanh	Sinh	NV kỹ thuật		A	1.000.000	3,77					1.000.000						1.000.000				
06	Đoàn Ngọc	Lâm	NV kỹ thuật	8,0	A	3.076.923	3,77					3.076.923						3.076.923				

❖ Sau điều chỉnh:

STT	Họ và tên		Chức danh	Công LV	Xếp loại	Lương DN	HSL BH XH	Phụ cấp			Lương TG	Tổng lương	Các khoản trích của CBCNV					Lương còn nhận của CBCNV	Các khoản trích của Doanh nghiệp			
								T.nhiệm	Ăn ca	Cước DT			BHXH 8%	BHYT 1,5%	BHTN 1%	ĐPCĐ 1%	Thuế TNCN		BHXH 17,5%	BHYT 3 %	BHTN 1%	KPCD 2%
A	BAN GIÁM ĐỐC					29.972.981	13	1.000.000	1.175.000	600.000	1.983.750	34.731.731	3.440.736	00	00	171.600	00	31.119.395	7.526.611	00	00	343.200
01	Trần Lê	Hải	Giám đốc	22,0	A	14.547.500	6,60	500.000	550.000	300.000	1.983.750	17.881.250	1.680.869			85.800		16.114.581	3.676.901			171.600
02	Phạm Đình	Nghĩa	Phó G. Đốc	25,0	A	15.425.481	6,60	500.000	625.000	300.000		16.850.481	1.759.867			85.800		15.004.814	3.849.710			171.600
B	KHỐI GIÁN TIẾP					40.435.685	13	1.300.000	1.950.000	300.000	00	51.985.685	1.329.600	249.300	166.200	166.200	227.224	49.847.161	2.908.500	498.600	166.200	332.400
I	P. TC-KT- TC					26.233.173	09	1.000.000	1.250.000	300.000	00	34.783.173	976.800	183.150	122.100	122.100	227.224	33.151.799	2.136.750	366.300	122.100	244.200
03	Lưu Thanh	Vũ	Kế toán trưởng	25,0	A	15.425.481	6,00	500.000	625.000	300.000		16.850.481	624.000	117.000	78.000	78.000	227.224	15.726.256	1.365.000	234.000	78.000	156.000
4	Phạm Thị	Hồng	Nhân viên	-	A						00											
04	Phan Thị Hà	Giang	Nhân viên, TQ	25,0	A	6.730.769	3,39	500.000	625.000			13.855.769	352.800	66.150	44.100	44.100		13.348.620	771.750	132.300	44.100	88.200
05	Hồ Thanh	Sinh	NV kỹ thuật		A	1.000.000	3,77					1.000.000						1.000.000				
06	Đoàn Ngọc	Lâm	NV kỹ thuật	8,0	A	3.076.923	3,77					3.076.923						3.076.923				

KẾT LUẬN

Trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh gay gắt như hiện nay, kế toán doanh thu, chi phí và xác định đúng kết quả kinh doanh đóng vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Việc tổ chức tốt công tác kế toán bán hàng không chỉ giúp phản ánh chính xác doanh thu, chi phí mà còn hỗ trợ nhà quản lý đưa ra các quyết định kinh doanh phù hợp và hiệu quả.

Thông qua quá trình nghiên cứu đề tài **“Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Cơ khí Sông Thu”**, em đã hệ thống hóa được những cơ sở lý luận cơ bản về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, đồng thời khảo sát, phân tích thực tiễn công tác kế toán tại công ty.

Qua quá trình tìm hiểu, em nhận thấy rằng Công ty Cổ phần Cơ khí Sông Thu đã có những bước tổ chức tương đối đầy đủ trong công tác kế toán doanh thu, đảm bảo ghi nhận doanh thu và chi phí theo đúng quy định, cung cấp thông tin tài chính kịp thời cho nhà quản lý. Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm, công tác kế toán tại công ty vẫn còn tồn tại một số hạn chế như: Một số khoản chi phí chưa được phân loại hợp lý, hệ thống phần mềm kế toán chưa đồng bộ với hoạt động kinh doanh thực tế,... Điều này phần nào ảnh hưởng đến độ chính xác và hiệu quả trong việc xác định kết quả kinh doanh.

Từ đó, em đã mạnh dạn đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện hơn công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty, góp phần hỗ trợ hoạt động quản trị tài chính và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh trong thời gian tới.

Dù đã nỗ lực hết mình, nhưng do thời gian nghiên cứu có hạn và năng lực bản thân còn nhiều thiếu sót, khóa luận chắc chắn không tránh khỏi những hạn chế nhất định. Em rất mong nhận được sự góp ý của quý thầy cô và các anh chị trong Công ty Cổ phần Cơ khí Sông Thu để em có thể rút kinh nghiệm và hoàn thiện hơn trong những nghiên cứu tiếp theo cũng như trong quá trình làm việc thực tiễn sau này.

Em xin chân thành cảm ơn!

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2014), Thông tư 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014 về chế độ kế toán doanh nghiệp.
2. Bộ Tài chính (2025), Thông tư số 99/2025/TT-BTC ban hành ngày 27/10/2025 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp
3. Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty Cổ phần Cơ khí Sông Thu.
4. Chứng từ, sổ sách kế toán và tài liệu nội bộ của Công ty Cổ phần Cơ khí Sông Thu năm 2025.
5. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam (2016), Quyết định số 1908/QĐ-TLĐ ngày 19/12/2016 về việc ban hành quy định về thu, chi, quản lý tài chính công đoàn cơ sở.
6. Giáo trình Kế toán tài chính, Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng.

PHỤ LỤC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

HỢP ĐỒNG MUA BÁN

Số. 02012024/HĐMB-VNT-SONG THU

Căn cứ Bộ Luật Dân sự nước CHXHCN Việt Nam số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Thương mại nước CHXHCN Việt Nam, số 36/2005/QH11 thông qua ngày 14/06/2005 có hiệu lực ngày 01/01/2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai Bên.

Hôm nay, ngày tháng 04 năm 2025, Tại văn phòng Công ty Cổ phần Tập Đoàn Vinatech Việt Nam chúng tôi gồm có:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ SÔNG THU

Địa chỉ : Đường số 08, KCN Hòa Cẩm,P. Hòa Thọ Tây, Q. Cẩm lệ, Tp Đà Nẵng

Mã số thuế : 0401505840

Đại diện bởi : Ông TRẦN LÊ HẢI

Chức vụ: Giám đốc

Số tài Khoản : 3011151515919 tại Ngân hàng TMCP Quân Đội – CN Đà Nẵng

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VINATECH VIỆT NAM

Địa chỉ : Số 23- D, Khu nhà ở thấp tầng lô đất A10, KĐT Nam Trung Yên, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Mã số thuế : 0105201793

Đại diện bởi : Ông PHẠM VĂN KHANH Chức vụ: Chủ tịch HĐQT – Kiêm Tổng Giám đốc

Sau khi thảo luận hai Bên đồng ý thống nhất ký kết Hợp đồng mua bán với các Điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên A đồng ý bán và Bên B đồng ý mua các Hàng hóa với chủng loại, số lượng, đơn giá có nội dung cụ thể như sau:

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Số Lượng	Thành Tiền / bộ (VND)	Thành Tiền (VND)
1	PALLET CHỒNG - Kích thước: 1.585mmx1.585mmx1.700mm (DxRxC) - Trọng lượng: từ 91kg đến 92kg	Theo bản vẽ gia công đính kèm	500	2.875.000	1.437.500.000
	Thuế VAT 10%				143.750.000
TỔNG CỘNG -VND-					1.581.250.000

Chất lượng Hàng hóa

- Chất lượng Hàng hóa cung cấp đảm bảo chất lượng tốt, hàng mới 100%, đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật;
- Tải trọng cho phép : 800 kg/01 pallet
- Tiêu chuẩn kỹ thuật: Dựa theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất;
- Bao bì đóng gói: Sản phẩm được cuốn màng PE khi giao nhận;

ĐIỀU 2: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1. Giá trị hợp đồng đã bao gồm thuế GTGT là: 1.581.250.000 (bằng chữ: Một tỷ, năm trăm tám mươi một triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng.)

Giá trị Hợp đồng nêu trên là toàn bộ kinh phí mà Bên B phải trả cho Bên A để hoàn tất việc Cung ứng, vận chuyển Hàng hóa theo yêu cầu của Bên B. Các Bên thống nhất rằng các chi phí trên chưa bao gồm chi phí mới phát sinh theo yêu cầu của Bên B trong quá trình thực hiện hợp đồng.

2.2. Hình thức thanh toán:

- Bên B thanh toán cho Bên A bằng chuyển Khoản vào số tài Khoản của Bên A được cung cấp tại Điều 1 của hợp đồng này.
- Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng

2.3. Thời hạn thanh toán:

- Lần 1: Bên B tạm ứng 50% giá trị hợp đồng (**tương đương: 790.625.000 đồng**) cho Bên A ngay sau khi ký hợp đồng; hồ sơ đề nghị thanh toán bao gồm:
 - Đề nghị tạm ứng;
- Lần 2: Bên B thanh toán giá trị còn lại của hợp đồng (**tương đương: 790.625.000 đồng**) cho Bên A trước khi bên A hoàn thành giao đủ hàng cho bên B; hồ sơ đề nghị thanh toán bao gồm:
 - Biên bản nghiệm thu quy cách/số lượng/ chất lượng trước khi giao hàng tại xưởng Bên A có xác nhận hợp lệ của đại diện hai bên;
 - Văn bản Đề nghị thanh toán lần 2 trong đó nêu rõ thời điểm giao hàng;
- Mọi Chi phí phát sinh từ việc thanh toán do Bên B chịu.

ĐIỀU 3: GIAO NHẬN HÀNG HÓA – VẬN CHUYỂN

3.1. Thời gian địa điểm

- Thời gian thực hiện hợp đồng: Trong vòng 25 ngày kể từ ngày Bên A nhận được tạm ứng thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 2.3;
- Thời gian thực hiện nêu trên sẽ không bao gồm các trường hợp sau:
 - Bên B chậm trễ trong việc tiếp nhận Hàng hóa.
 - Bên B có yêu cầu bổ sung số lượng, khối lượng Hàng hóa làm phát sinh thời gian để hoàn thành theo dự án;
 - Xảy ra trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Điều 7;
- Địa điểm giao hàng: Kho bên B – Nhà Trang . Nếu có bất kỳ sự thay đổi nào về địa điểm giao hàng Bên B có nghĩa vụ thông báo trước cho Bên A, và được hai Bên thống nhất trước khi thực hiện, chi phí phát sinh (nếu có) do Bên B chịu.

3.2. Giao nhận và kiểm kê Hàng hóa

- Bên A chịu trách nhiệm đối với việc vận chuyển đến kho bên B và Bên B có ;
- Bên B có trách nhiệm cử nhân sự phối hợp với Bên A trong việc hướng dẫn xe ra vào Kho - Công trình, xếp dỡ Hàng hóa vào Kho - Công trình của Bên B; Chịu trách nhiệm bố trí nhân sự kiểm kê

- Hàng hóa, ký xác nhận vào biên bản kiểm kê và bàn giao; Và chịu các rủi ro đối với Hàng hóa sau khi kiểm kê và lưu tại Kho - Công trình của Bên B;
- c. Biên bản giao nhận hàng hóa có xác nhận hợp lệ của hợp Bên là cơ sở xác nhận Bên A giao hàng theo đúng thời gian, số lượng hàng hóa.

ĐIỀU 4: NGHIỆM THU, BÀN GIAO VÀ BẢO HÀNH

4.1. Điều kiện và trách nhiệm nghiệm thu

- a. Sau khi hoàn thành giao hàng, Bên A có trách nhiệm thông báo cho Bên B nghiệm thu. Kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A, Bên B phải cùng với Bên A tiến hành nghiệm thu bàn giao và ký xác nhận vào Biên bản nghiệm thu và bàn giao.
- b. Sau 07 (bảy) ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A về việc nghiệm thu bàn giao mà Bên B vẫn chưa cùng Bên A nghiệm thu bàn giao thì công trình được xem như đã được Bên A hoàn thành theo đúng khối lượng, chất lượng và tiến độ theo đúng quy định của Hợp đồng.
- c. Căn cứ nghiệm thu: Bên A Đã hoàn thành việc bàn giao và đảm bảo chất lượng, số lượng theo tiêu chí và thỏa thuận được nêu ở hợp đồng này;

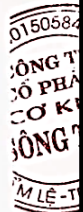
4.2. Bảo hành

Trong Thời gian Bảo hành, Bên A có trách nhiệm giải quyết các vấn đề phát sinh trong phạm vi Bảo hành theo các chính sách và Điều kiện Bảo hành của Bên A được nêu ở hợp đồng này, trừ các trường hợp không được Bảo hành cụ thể:

- a. **Thời hạn Bảo hành:** Bên A có trách nhiệm Bảo hành chất lượng của sản phẩm cho Bên B trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày các Bên nghiệm thu và bàn giao.
- b. **Phạm vi Bảo hành:**
- Các lỗi của nhà sản xuất như: Giá pallet bong tróc sơn, ri sét do vật tư không đảm bảo; giá pallet, trang thiết bị bị gãy, vỡ mà không do lỗi Bên Mua
 - Các lỗi do thiết kế của Bên A: Thiết kế sai nguyên tắc kỹ thuật gây hỏng hoặc mất tác dụng của thiết bị.
- c. **Chính sách Bảo hành:**
- Đổi pallet mới trong vòng 07 ngày nếu do lỗi liên quan đến thiết kế, chất lượng pallet.
 - Sửa chữa hoặc đổi pallet mới tùy mức độ hỏng hóc của pallet.
- d. **Điều kiện Bảo hành:**
- Sản phẩm được Bảo hành theo chính sách của bên A nếu sản phẩm đó nằm trong phạm vi và còn thời hạn Bảo hành quy định tại Điều này;
 - Sau khi Bên B có thông báo cho Bên A, Bên A có trách nhiệm cử người đến xem xét và tiến hành sửa chữa ngay hoặc ấn định ngày sửa chữa và thông báo lại Bên B.
- e. **Các trường hợp sau không được Bảo hành:**
- Sản phẩm đã hết thời hạn Bảo hành.
 - Lỗi gây ra do sự phá hoại hoặc sử dụng không đúng phương pháp kỹ thuật của Bên B hướng dẫn, chất quá tải trọng thiết kế, xe nâng húc vào pallet, nền kho bị lún, thay đổi mục đích sử dụng...;
 - Lỗi do tác động của người sử dụng như: Làm đổ, ngã hoặc va chạm gây ảnh hưởng đến kết cấu của sản phẩm; Các trường hợp sự cố nằm trong phạm vi trách nhiệm của Bên B như hỏa hoạn, động đất, sóng thần, bão, lũ lụt... làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm Bên A;
 - Các trường hợp do Bên B không tuân theo hướng dẫn sử dụng và bảo quản của Bên A gây ra;

ĐIỀU 5: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

5.1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A



- a. Cung cấp Hàng hóa theo đúng chất lượng, quy cách, theo thỏa thuận trong hợp đồng; Thông báo cho Bên B về thời gian giao hàng cụ thể để Bên A chuẩn các điều kiện cần thiết để nhận hàng;
- b. Hàng hóa đảm bảo không trầy xước, bóc sơn tại thời điểm giao hàng.
- c. Bên A chỉ chịu trách nhiệm Giao hàng tại địa chỉ được các Bên thống nhất tại điểm c Điều 3.1 của hợp đồng này;
- d. Thông báo ngay cho Bên B sau khi hoàn thành việc giao hàng, và tiến hành nghiệm thu bàn giao theo đúng hợp đồng;
- e. Cung cấp thông tin, tài liệu hướng dẫn sử dụng cho Bên A; thực hiện cam kết Bảo hành đối với Hàng hóa;
- f. Thực hiện hợp đồng theo đúng tiến độ đã thỏa thuận;
- g. Chuẩn bị hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ; Yêu cầu Bên B thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo hợp đồng;
- h. Thông báo cho Bên B thời điểm giao hàng cụ thể trước ít nhất 01 (ngày) để Bên B sắp xếp nhân lực nhận hàng. Bên A chỉ giao hàng cho đại diện của Bên B khi xuất trình được giấy giới thiệu hoặc theo thông báo bằng văn bản/Email của Bên B. chịu trách nhiệm bồi thường khi giao hàng không đúng đối tượng được thỏa thuận tại hợp đồng.
- i. Sau khi Bên B thanh toán theo thông báo của Bên A theo quy định của hợp đồng mà Bên A chậm trễ trong việc giao hàng hoặc giao không đủ theo số lượng tại lần giao hàng theo thông nhất tại điều 3 thì Chịu phạt 0.5% giá trị hợp đồng cho mỗi ngày chậm giao hàng, tương ứng với từng đợt giao hàng. Trường hợp quá Quá 10 (mười) ngày kể từ thời điểm giao Bên B thành toán theo thông báo của Bên A hoặc thời điểm giao hàng theo thỏa thuận tại điểm a Điều 3.1 Bên B có quyền chấm dứt hợp đồng phạt 10% giá trị hợp đồng yêu cầu Bên A hoàn trả số tiền đã nhận tương ứng với số hàng hóa chưa giao hoặc giao không đúng hợp đồng.

5.2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

- a. Liên hệ hướng dẫn Bên A về thủ tục ra vào Kho - Công trình Bên B. Bên B bố trí nhân sự nhận hàng.
- b. Không được yêu cầu thay đổi màu sắc, số lượng và khối lượng theo đơn hàng được các Bên thống nhất sau khi ký hợp đồng trừ trường hợp Bên B có nhu cầu bổ sung thêm số lượng và/hoặc khối lượng mới; Trường hợp Bên B thay đổi phải được sự đồng ý của Bên A và hai Bên thống nhất bằng phụ lục đính kèm;
- c. Trường hàng hóa bị trầy xước, bong tróc sơn, cong, móp méo, Bên B có quyền yêu cầu Bên A giao hàng thay thế hàng hóa. Thời gian để Bên A thực hiện thay thế hàng hóa là trong vòng 02 (hai) kể từ ngày nhận được yêu cầu của Bên B.
- d. Bên B có nghĩa vụ kiểm đếm, lưu giữ và bảo quản Hàng hóa do Bên A bàn giao nhằm bảo quản Hàng hóa, không để thất lạc cấu kiện; Chịu trách nhiệm với mọi rủi ro mất mát của Hàng hóa khi Hàng hóa sau khi được Bên B kiểm đếm, tập kết tại Kho - Công trình của Bên B hoặc địa chỉ Bên B chỉ định;
- e. Trường hợp tiến độ của Bên A bị chậm trễ được xác định do lỗi của Bên B, Mọi chi phí phát sinh sẽ do Bên B chịu và tiến độ thực hiện công việc sẽ được cập nhật, tổng số ngày sẽ được cộng thêm tương ứng với số ngày bị trễ;
- f. Yêu cầu Bên A giao đúng số lượng theo quy định tại Điều 2.3. có quyền từ chối nhận hàng yêu cầu Bên A giao hàng theo đúng trong trường hợp hàng hóa Bên A giao không đảm bảo quy cách, bản vẽ, chất lượng.
- g. Cử cán bộ, chuyên gia nghiệm thu và nhận bàn giao theo thông báo của Bên A; có trách nhiệm Ký vào các biên bản nghiệm thu, biên bản kiểm kê Hàng hóa và các biên bản khác có liên quan theo thỏa thuận; trường hợp Bên B chậm tiếp nhận, nghiệm thu và/hoặc chậm nhận bàn giao thì chịu phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại theo quy định hợp đồng này;

ĐIỀU 6: TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

- a. Các Bên sẽ không phải chịu trách nhiệm đối với việc không thực hiện hoặc chậm thực hiện bất cứ nghĩa vụ nào của mình theo Hợp đồng này nếu như Điều đó xuất phát từ những nguyên nhân vượt quá sự kiểm soát hợp lý của Bên đó, bao gồm nhưng không giới hạn các sự kiện như dịch bệnh, chiến tranh, cháy nổ, các Điều kiện thời tiết bất thường như lũ lụt, động đất hoặc các thảm họa tự nhiên tương tự...hoặc các sự kiện bất khả kháng khác theo quy định của pháp luật.
- b. Khi một Bên không thực hiện được nghĩa vụ theo quy định của Hợp đồng này do sự kiện bất khả kháng thì phải thông báo cho Bên kia được biết trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ thời điểm xảy ra sự kiện bất khả kháng. Bên thông báo cam kết bằng nỗ lực cao nhất trong khả năng của mình sẽ làm giảm thiểu hoặc khắc phục ảnh hưởng của sự kiện bất khả kháng trong thời gian ngắn nhất để tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của mình.
- c. Sau trường hợp bất khả kháng nếu các Bên có đủ Điều kiện tiếp tục Hợp đồng thì các Bên thỏa thuận lại thời gian để tiếp tục thực hiện lại Hợp đồng.

ĐIỀU 7: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- a. Hai Bên cam kết thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các Điều Khoản quy định trong hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện nếu có bất kỳ khó khăn, vướng mắc gì, hai Bên phải gặp nhau bàn bạc, thương lượng để giải quyết. Trường hợp nếu không thương lượng được hai bên ra tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết.
- b. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày kí Hợp đồng và tự động được thanh lý khi các Bên hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ theo hợp đồng nếu có thay đổi, bổ sung sẽ được hai Bên thỏa thuận, thống nhất bằng Phụ lục hợp đồng mới có hiệu lực.
- c. Hợp đồng này được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 01 bản để thực hiện./.

ĐẠI DIỆN BÊN A 

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC

Trần Lê Hải



CHỦ TỊCH HĐQT

Phạm Văn Khanh

Phụ lục số 01: Hợp đồng mua bán Pallet giữa Công ty CP Cơ khí Sông Thu và Công ty CP Tập đoàn Vinatech Việt Nam



SỔ PHỤ CHI TIẾT KIỂM BẢO NỢ/BẢO CỐ
Account Statement/Debit/Credit transaction
Từ ngày/From: 01/05/2025 Đến ngày/To: 31/05/2025

Validity unknown
Đã ký bởi Ngân hàng TMCP Quân đội. Ngày ký :
01/06/2025.
NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI
Military Commercial Joint Stock Bank
Chi nhánh/Branch: VN0010301-CN DA NANG

Tên khách hàng/Customer name: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ SONG THU
Mã khách hàng/ Customer code : 1350099
Địa chỉ/Address: ĐƯỜNG SỐ 8 KHU CÔNG NGHIỆP HOA CAM-PHƯƠNG HOA THO TÂY-QUẬN CAM LÊ-THÀNH PHỐ DA NANG-VIET NAM
Tài khoản/Account No : 3011151515919
Mã số thuế/Tax code: 0401505840
Loại tiền/Currency : VND

Chúng tôi xin thông báo chi tiết phát sinh nợ/có trên tài khoản quý khách trong thời gian trên như sau:
We would like to inform you about your account debit/credit transactions as the following details:
Số dư đầu kỳ/ Opening Balance: 732,380,964.00 VND

Ngày Date	Số bút toán Transaction No	Phát sinh nợ Debit	Phát sinh có Credit	Nội dung Details	Đơn vị thụ hưởng/ Đơn vị chuyển Beneficiary/Applicant	Tài khoản Account	Ngân hàng đối tác Remitter Bank
03/05/2025	FT25123043691476		291,625,000.00	VNT tạm ứng 50pct hd 02012024- Mã GD ACSP/ cr803940	CTCP TẬP DOANH NGHIỆP VINATECH VIỆT NAM	3303108888	VCB VN
03/05/2025	FT25123311792813		499,000,000.00	VNT tạm ứng 50pct hd 02012024- Mã GD ACSP/ ja803941	CTCP TẬP DOANH NGHIỆP VINATECH VIỆT NAM	3303108888	VCB VN
05/05/2025	FT25125259539093	2,939,101.00		TT TIỀN NƯỚC T04 25 KH000981021	CTY CP CAP NƯỚC DA NANG	3011102488008	MB
05/05/2025	FT25125259539093	11,000.00		TT TIỀN NƯỚC T04 25 KH000981021	CTY CP CAP NƯỚC DA NANG	3011102488008	MB
05/05/2025	FT25125169369570	19,800.00		TT TIỀN THEP TAM THEO HD S0217	CÔNG TY TNHH TM DV VÀ SX LY DUONG HUNG	56110001310701	970418-BIDV- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
05/05/2025	FT25125169369570	9,501,000.00		TT TIỀN THEP TAM THEO HD S0217	CÔNG TY TNHH TM DV VÀ SX LY DUONG HUNG	56110001310701	970418-BIDV- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
05/05/2025	FT25125478532747	11,000.00		TT TIỀN ĐIỆN T04 25 MA KH PP07000713686	DIEN LUC CAM LE	3075100011008	MB
05/05/2025	FT25125478532747	87,883,926.00		TT TIỀN ĐIỆN T04 25 MA KH PP07000713686	DIEN LUC CAM LE	3075100011008	MB
05/05/2025	FT25125577250092	73,609.00		TT TIỀN THEP TAM THEO BAO GIA NGÀY 05 2025	CÔNG TY TNHH TRUONG SANG	111000050383	970415-VietinBank - Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
05/05/2025	FT25125577250092	371,760,480.00		TT TIỀN THEP TAM THEO BAO GIA NGÀY 05 2025	CÔNG TY TNHH TRUONG SANG	111000050383	970415-VietinBank - Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
05/05/2025	FT25125007806898	303,589,683.00		TT TIỀN MUA THEP TAM CAC LOAI THEO BAO GIA NGÀY 05 05 2025	CT TNHH PHU LOC	0041000871738	970436-VCB - Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam

Chứng từ này được xuất tự động từ hệ thống của Ngân hàng TMCP Quân đội./ This document is automatically exported from MBBank's System

Phụ lục số 02: Sổ phụ chi tiết kiểm bảo Nợ/Có của ngân hàng

TỔNG CÔNG TY SÔNG THU
CÔNG TY CP CƠ KHÍ SÔNG THU

Số:/ĐNTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2025

ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Kính gửi: Ban lãnh đạo Công ty CP tập đoàn Vinatech Việt Nam

Trước tiên, Công ty CP Cơ Khí Sông Thu chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty trong thời gian vừa qua.

Căn cứ vào hợp đồng kinh tế số 02012024/HĐMB-VNT- SONG THU

Căn cứ vào biên bản nghiệm thu và bàn giao ngày 18/06/2025 và hoá đơn số 55 ký ngày 18 tháng 06 năm 2025.

Chúng tôi đề nghị Quý khách hàng thanh toán giá trị còn lại của hợp đồng với số tiền: **790.625.000đ** (Bằng chữ: Bảy trăm chín mươi triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng.y/)

Thanh toán vào tài khoản Công ty theo thông tin như sau:

- Tên thụ hưởng: Công ty Cổ Phần Cơ Khí Sông Thu
- Số tài khoản: 3011151515919
- Tại: Ngân hàng TMCP Quân đội – Đà Nẵng.

Đề nghị Quý công ty thực hiện thanh toán đúng theo Điều khoản của hợp đồng.

Rất mong nhận được sự hợp tác của quý Công ty.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

GIÁM ĐỐC

- Như trên;VT

Phụ lục 03: Giấy đề nghị thanh toán

CÔNG TY CP CƠ KHÍ SÔNG THU
Đường Số 08, KCN Hòa Cầm, Tp.Đà Nẵng

Mẫu số S02b-DN
*(Ban hành theo Thông tư số
200/2014/TT-BTC ngày
22/12/2014 của BTC)*

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ
Năm 2025

Chứng từ ghi sổ		Trích yếu	Số tiền
Số hiệu	Ngày		
A	B	1	2
1	31/12/25	Tiền mặt	473.072.858
2	31/12/25	Tiền gửi Ngân hàng	12.983.971.355
3	31/12/25	Đầu tư ngắn hạn khác	1.300.000.000
4	31/12/25	Phải thu Khách hàng	11.842.055.601
5	31/12/25	Thuế GTGT được khấu trừ	433.102.737
6	31/12/25	Phải thu khác	450.000
7	31/12/25	Tạm ứng	76.741.548
8	31/12/25	Nguyên liệu, vật liệu	2.168.030.876
9	31/12/25	Công cụ, dụng cụ	68.228.950
10	31/12/25	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.968.323.399
11	31/12/25	Thành phẩm	3.296.718.105
12	31/12/25	Hàng hóa	11.469.140
13	31/12/25	Hao mòn tài sản cố định	3.074.293.644
14	31/12/25	Chi phí trả trước	929.319.625
15	31/12/25	Phải trả cho người bán	5.494.657.836
16	31/12/25	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	1.318.464.266
17	31/12/25	Phải trả người lao động	2.079.258.144
18	31/12/25	Chi phí phải trả	1.047.562.906
19	31/12/25	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	13.555.428
20	31/12/25	Phải trả, nộp khác	4.460.713.749
21	31/12/25	Vay và nợ thuê tài chính	595.265.652
22	31/12/25	Nhận ký quỹ, ký cược	144.705.000
23	31/12/25	Nguồn vốn kinh doanh	2.500.000.000
24	31/12/25	Chênh lệch tỉ giá hối đoái	108.515
25	31/12/25	Lợi nhuận chưa phân phối	1.059.676.184
26	31/12/25	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.379.531.768
27	31/12/25	Doanh thu hoạt động tài chính	26.494.577
28	31/12/25	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	2.172.357.358
29	31/12/25	Chi phí nhân công	1.695.964.300
30	31/12/25	Chi phí SX chung	2.099.913.159
31	31/12/25	Giá vốn hàng bán	9.369.329.541
32	31/12/25	Chi phí bán hàng	292.255.268
33	31/12/25	Chi phí quản lý	1.404.023.486
34	31/12/25	Thu nhập khác	1.162.440.653
35	31/12/25	Chi phí khác	101.421.109
36	31/12/25	Chi phí thuế TNDN	430.845.219
37	31/12/25	Xác định kết quả kinh doanh	12.657.550.807
		Tổng cộng:	103.131.872.763

Phụ lục 04: Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ năm 2025

HỢP ĐỒNG MUA BÁN NGOẠI TỆ GIAO NGAY

Số: 02/2025/PVB/DNG-ST

BÊN BÁN: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ SÔNG THU	BÊN MUA: NGÂN HÀNG TMCP ĐẠI CHỨNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG
Địa chỉ : Đường số 08, KCN Hoà Cẩm, Hoà Thọ Tây, Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng.	Địa chỉ : Số 02 đường 30 tháng 4, Phường Hòa Cường Bắc, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng
Điện thoại : 0236.3420676	Điện thoại : 0236.3780860
Fax :	Fax : 0236.3780870
Người đại diện: Trần Lê Hải	Người đại diện: Tô Văn Dũng.....
Chức vụ: Giám đốc	Chức vụ: Giám đốc.....
Ủy quyền:	Ủy quyền:

Bằng Hợp Đồng này, hai Bên xác nhận và ký kết Hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay ("Hợp Đồng") với các điều kiện và điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: SỐ LƯỢNG, TỶ GIÁ, MỤC ĐÍCH MUA BÁN

Tỷ giá: 25.975

Ngày ký Hợp Đồng: 26.6.2025

Ngày thanh toán: 26.6.2025

Bên Mua nhận số tiền của Bên Bán chuyển	Bên Bán nhận số tiền của Bên Mua chuyển
Đồng tiền: USD.....	Đồng tiền: VND.....
Khối lượng: 106.80.....	Khối lượng: 2.774.130.....
Bằng chữ: Một trăm lẻ sáu triệu tám ngàn năm trăm mười cent.....	Bằng chữ: Hai triệu bảy trăm bảy mươi bốn ngàn một trăm ba mươi đồng.....

ĐIỀU 2: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

Bên Mua thanh toán cho Bên Bán	Bên Bán thanh toán cho Bên Mua
PVcomBank ghi có tài khoản của Bên Bán tại PVcomBank	PVcomBank ghi nợ tài khoản của Bên Bán tại PVcomBank
Tên tài khoản: Công ty Cổ Phần Cơ khí Sông Thu	Tên tài khoản: Công ty Cổ Phần Cơ khí Sông Thu
Số tài khoản: 108.000.185.581.....	Số tài khoản: 104.000.185.581.....
Tại: PVcomBank Đà Nẵng	Tại: PVcomBank Đà Nẵng

- 2.1. Vào Ngày thanh toán, Bên Bán có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền 106,80 USD (Bằng chữ: Một trăm và sáu đô la Mỹ tám mươi) quy định tại Điều 1 Hợp Đồng này theo chỉ dẫn thanh toán nêu trên của Bên Mua. Sau khi nhận được toàn bộ số tiền của Bên Bán chuyển, Bên Mua sẽ thanh toán toàn bộ số tiền 2.774.130 VND (Bằng chữ: Hai triệu bảy trăm bảy mươi bốn nghìn một trăm ba mươi đồng) quy định tại Điều 1 Hợp Đồng này theo chỉ dẫn thanh toán nêu trên của Bên Bán.
- 2.2. Nếu Bên nào vi phạm thời hạn chuyển tiền quy định tại Điều này, Bên vi phạm sẽ phải thanh toán cho Bên bị vi phạm khoản lãi chậm chuyển bằng 0.

ĐIỀU 3: CAM KẾT KHÁC

- 3.1. Bên Mua cam kết việc mua số ngoại tệ tại Hợp Đồng này là phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Bên Mua, phù hợp với các quy định về quản lý ngoại hối của pháp luật, của Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam.
- 3.2. Bên Bán cam kết nguồn tiền ngoại tệ bán cho Bên Mua là hoàn toàn hợp pháp theo quy định về quản lý ngoại hối của pháp luật, của Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Bên Mua và trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn tiền này.
- 3.3. Bên Bán cam kết thanh toán đầy đủ tiền phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại cho PVcomBank theo đúng các quy định tại Hợp Đồng này.

ĐIỀU 4: SỰ KIỆN VI PHẠM HỢP ĐỒNG

Bất kỳ sự kiện nào dưới đây xảy ra đối với Bên Bán được coi như sự kiện vi phạm:

- 4.1. Không thanh toán hoặc chuyển tiền theo quy định tại Điều 1, Điều 2 của Hợp Đồng này, trừ trường hợp PVcomBank đồng ý gia hạn Hợp Đồng.
- 4.2. Đưa thông tin gây nhầm lẫn hay lừa dối gây hậu quả nghiêm trọng đối với việc thực hiện Hợp đồng của PVcomBank.
- 4.3. Không bổ sung tài sản bảo đảm theo yêu cầu của PVcomBank.
- 4.4. Có nguy cơ bị phá sản, giải thể (ngoài việc hợp nhất hoặc sáp nhập), hoặc xảy ra bất kỳ sự kiện nào dẫn đến việc Bên Bán không đủ khả năng tài chính thực hiện Hợp Đồng này, Bên Bán đã được áp dụng các biện pháp kiểm soát đặc biệt hoặc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng các biện pháp khắc phục mà không phục hồi được hoạt động trong vòng chín mươi (90) ngày kể từ khi phát sinh sự kiện trên.
- 4.5. Việc Bên Bán hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, chuyển nhượng toàn bộ tài sản, tổ chức lại, tái cấu trúc hay bất kỳ sự kiện nào tương tự dẫn đến việc Bên kế thừa của Bên Bán không chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ của Bên Bán theo Hợp Đồng này.

ĐIỀU 5. THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

- 5.1 Thời hạn thực hiện Hợp Đồng sẽ được thay đổi trong các trường hợp sau đây:
- Trước Ngày thanh toán, Bên Bán thay đổi kế hoạch thanh toán; hoặc
 - Vào Ngày thanh toán, Bên Bán chưa chuẩn bị đầy đủ toàn bộ số tiền phải thanh toán nhằm thực hiện giao dịch theo quy định của Hợp Đồng
- mà có nhu cầu gia hạn thực hiện Hợp Đồng này và được PVcomBank đồng ý bằng văn bản, hai Bên sẽ thực hiện theo quy định, quy trình của PVcomBank được ban hành trong từng thời kỳ.

- 5.2 Bất kỳ bên nào vi phạm nghĩa vụ theo Hợp Đồng này, ngoài các khoản phạt vi phạm, Bên vi phạm sẽ bồi thường toàn bộ thiệt hại thực tế phát sinh cho Bên bị vi phạm.

ĐIỀU 6: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 6.1 Hợp Đồng này được điều chỉnh và diễn giải theo pháp luật Việt Nam.
- 6.2 Các tranh chấp phát sinh từ và/hoặc liên quan đến Hợp Đồng này, trước hết được giải quyết thông qua thương lượng. Trường hợp không thương lượng được, mỗi Bên có quyền yêu cầu Toà án có thẩm quyền tại Việt Nam giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.
- 6.3 Mọi thay đổi, bổ sung nội dung trong Hợp Đồng phải được thể hiện bằng văn bản, có chữ ký của người đại diện có thẩm quyền của hai Bên và được coi là một bộ phận không tách rời của Hợp Đồng này.
- 6.4 Hợp Đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và chấm dứt khi các Bên hoàn thành mọi nghĩa vụ theo quy định tại Hợp Đồng này.
- 6.5 Hợp Đồng này được lập thành 03 (ba) bản gốc bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, Bên Bán giữ 01 bản và Bên Mua giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN BÁN

ĐẠI DIỆN BÊN MUA



GIÁM ĐỐC

Trần Lê Hải



GIÁM ĐỐC
Tô Văn Dũng



Phụ lục 05: Hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay số 02/2025/PVB/DNG-ST

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Mẫu số: **03/TNDN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số
80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm
2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP
(Áp dụng đối với phương pháp doanh thu - chi phí)

[01] Kỳ tính thuế: 2023 từ 01/01/2023 đến 31/12/2023

[02] Lần đầu ☐ [03] Bổ sung lần thứ 3

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất: C25 - Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)

[05] Tỷ lệ (%): 78,90 %

[06] Tên người nộp thuế : Công ty Cổ Phần Cơ Khí Sông Thu

[07] Mã số thuế:

[08] Tên đại lý thuế (nếu có):

[09] Mã số thuế:

[22] Hợp đồng đại lý thuế: số ngày

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
A	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính	A	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	90.921.935
B	Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp	B	
1	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6+B7)	B1	1.185.952.274
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	23.511.621
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	1.162.440.653
2	Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11+B12)	B8	
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	
2.3	Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của doanh nghiệp có giao dịch liên kết	B11	
2.4	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B12	
3	Tổng thu nhập chịu thuế (B13=A1+B1-B8)	B13	1.276.874.209
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B14	1.276.874.209
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	B15	
C	Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh	C	
1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B14)	C1	1.276.874.209
2	Thu nhập miễn thuế	C2	

3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ ($C3=C3a+C3b$)	C3	
	Trong đó:		
3.1	+ Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ	C3a	
3.2	+ Lỗ từ chuyển nhượng BĐS được bù trừ với lãi ở a hoạt động SXKD	C3b	
4	Thu nhập tính thuế (TNTT) ($C4=C1-C2-C3$)	C4	1.276.874.209
5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	
6	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ ($C6=C4-C5=C7+C8$)	C6	1.276.874.209
	Trong đó:		
6.1	+ Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 20%	C7	1.276.874.209
6.2	+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất không ưu đãi khác	C8	
6.3	+ Thuế suất không ưu đãi khác (%)	C8a	
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất: không ưu đãi ($C9=(C7 \times 20\%) + (C8 \times C8a)$)	C9	255.374.842
8	Thuế TNDN được ưu đãi theo Luật thuế TNDN ($C10 = C11 + C12 + C13$)	C10	
	Trong đó:		
8.1	+ Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi	C11	
8.2	+ Thuế TNDN được miễn trong kỳ	C12	
8.3	+ Thuế TNDN được giảm trong kỳ	C13	
9	Thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định thuế	C14	
10	Thuế TNDN được miễn, giảm theo từng thời kỳ	C15	
11	Thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế	C16	
12	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh ($C17=C9-C10-C14-C15-C16$)	C17	255.374.842
D	Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	D	0
1	Thu nhập chịu thuế ($D1 = B15$)	D1	
2	Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng BĐS được chuyển trong kỳ	D2	
3	Thu nhập tính thuế ($D3=D1-D2$)	D3	
4	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	D4	
5	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ ($D5=D3-D4$)	D5	
6	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS trong kỳ	D6	
7	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua	D7	
8	Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng BĐS còn phải nộp kỳ này ($D8=D6-D7$)	D8	
E	Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ ($E=E1+E2+E5$)	E	255.374.842
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	255.374.842
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản ($E2=E3+E4$)	E2	
2.1	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	E3	
2.2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	E4	
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	E5	
3.1	Trong đó thuế TNDN từ xử lý Quỹ phát triển khoa học công nghệ	E6	

G	Số thuế TNDN đã tạm nộp ($G=G1+G2+G3+G4+G5$)	G	
I	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh		
1.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	G1	
1.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	G2	
2	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS		
2.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G3	
2.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G4	
2.3	Thuế TNDN đã tạm nộp các kỳ trước và trong năm quyết toán của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	G5	
H	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp	H	0
1	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động sản xuất kinh doanh ($H1=E1+E5-G2$)	H1	255.374.842
2	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS ($H2=E3-G4$)	H2	
3	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ ($H3=E4-G5$)	H3	
I	Số thuế TNDN còn phải nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế ($I=E-H$)	I	255.374.842
1	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh ($I1=E1+E5-G1-G2$)	I1	255.374.842
2	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS ($I2=E2-G3-G4-G5$)	I2	

E	Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ ($E=E1+E2+E5$)	E	Số kê khai trên tờ khai	1052 – Tên tiểu mục	1056 – Tên tiểu mục	1057 – Tên tiểu mục	1099 – Tên tiểu mục	1053 – Tên tiểu mục
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	255.374.842	255.374.842				
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản ($E2=E3+E4$)	E2						
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	E5						
Tổng cộng			0	255.374.842				

Tôi cam đoan số liệu, tài liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu, tài liệu đã khai./.

Ngày 17 tháng 07 năm 2025

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:
Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có) /Ký điện tử)

Trần Lê Hải

Phụ lục 06: Tờ khai bổ sung quyết toán thuế TNDN năm 2023

CÔNG TY CP CƠ KHÍ SÔNG THU**Đường Số 08, KCN Hòa Cẩm, Tp.Đà Nẵng****PHÂN TÍCH GIÁ THÀNH****Tài khoản: 154**

Sản phẩm	Đvt	Số lượng	Giá	Vật liệu	Nhân công	Chi phí chung	Chi phí khác	Tổng cộng
1541 - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang CD1				1.070.035.949	439.784.257	629.760.895	(483.168.859)	1.661.912.242
....								
PL1.7 - Pallet sắt (1.585x1.585x1.700)				913.239.953	248.485.374	368.170.857	(302.620.374)	1.227.275.810
				31.116.000				31.116.000
Bết hàn 1 ly	cái	85,00	15.000,00	1.275.000				1.275.000
Bết hàn 1,2 ly	cái	70,00	20.000,00	1.400.000				1.400.000
Bulong + long đèn + ecu M8 x 30	Bộ	2.000,00	1.000,00	2.000.000				2.000.000
Bulong M8	Bộ	148,00	2.540,54	376.000				376.000
Cối đột lỗ lớn	Bộ	1,00	2.000.000,00	2.000.000				2.000.000
Chụp khí máy hàn 350	Cái	10,00	30.000,00	300.000				300.000
Đá cắt 150	viên	145,00	15.000,00	2.175.000				2.175.000
Đá cắt 100	viên	190,00	8.500,00	1.615.000				1.615.000
Dây hàn thép 1.2 ly	kg	180,00	26.818,18	4.827.273				4.827.273
Dây hàn thép 1ly	kg	435,00	28.949,85	12.593.183				12.593.183
Đá mài 100	viên	600,00	10.000,00	6.000.000				6.000.000
Đầu nối bết hàn	cái	5,00	30.000,00	150.000				150.000
Đá nhám xếp	cái	1.040,00	10.000,00	10.400.000				10.400.000
Bột sơn xanh DP60/5056/C	Kg	625,00	68.181,82	42.613.638				42.613.638
Đầu vận chụp khí (cổ cò máy hàn)	cái	5,00	25.000,00	125.000				125.000
Bột sơn E2351 - Màu xanh	kg	250,00	63.600,00	15.900.000				15.900.000
Gas hóa lỏng	kg	1.075,00	31.100,14	33.432.652				33.432.652
Giẻ lau	kg	75,00	30.000,00	2.250.000				2.250.000
Gương tấm đen	cái	25,00	5.000,00	125.000				125.000
Gương tấm trắng	cái	20,00	5.000,00	100.000				100.000

Khuôn cắt hộp	Bộ	2,00	5.000.000,00	10.000.000				10.000.000
Khí CO2	kg	2.325,00	9.000,00	20.925.000				20.925.000
Khuôn dựng U	bộ	1,00	7.000.000,00	7.000.000				7.000.000
Khí Oxygen	chai	22,00	47.272,00	1.039.984				1.039.984
Mũi khoan 10	cái	1,00	50.000,00	50.000				50.000
Nhớt Castrol 20W50	Lít	5,00	100.000,00	500.000				500.000
Bột sơn xanh P6034/80A	Kg	127,00	70.909,09	9.005.454				9.005.454
Que hàn 2,6 ly	Bó	30,00	90.000,00	2.700.000				2.700.000
Rive 10x72+long đền+chốt bi	bộ	1.880,00	2.730,55	5.133.439				5.133.439
Sơn đậm xanh	kg	13,00	160.000,00	2.080.000				2.080.000
Sơn tĩnh điện tím ngoài trời	kg	140,00	107.273,00	15.018.220				15.018.220
Sơn xịt	binh	1,00	32.000,00	32.000				32.000
Thép tấm 5 ly quy cách	kg	20.161,60	13.093,83	263.992.618				263.992.618
Thép (treo đường truyền sơn)	kg	2,00	35.000,00	70.000				70.000
Thép tròn	Kg	6,00	30.000,00	180.000				180.000
Thép tấm 2 ly	Kg	9.789,40	15.094,34	147.764.494				147.764.494
Thép tấm 2.5ly - SPHC	kg	61,30	15.000,00	919.500				919.500
Thép tấm 3ly - SS400	kg	10.386,00	12.911,77	134.101.600				134.101.600
Thép tấm 3 ly - SPHC	kg	2.388,00	15.348,21	36.651.526				36.651.526
Thép tấm 4ly - SS400	kg	141,30	13.180,00	1.862.334				1.862.334
Thuê nhà xưởng sản xuất							(302.620.374)	(302.620.374)
Thép tấm theo quy cách	kg	542,90	15.909,51	8.637.273				8.637.273
Thép tấm 2,5 ly	kg	5.079,20	14.727,27	74.802.765				74.802.765
Yếu tố Z622G	đồng				248.485.374			248.485.374
Chi phí vật liệu	đồng					3.804.568		3.804.568
Chi phí dụng cụ sản xuất	đồng					20.168.948		20.168.948
Chi phí khấu hao TSCĐ	đồng					47.806.545		47.806.545
Chi phí dịch vụ mua ngoài	đồng					287.040.234		287.040.234
Chi phí bằng tiền khác	đồng					9.350.562		9.350.562

Phụ lục 07 : Bảng phân tích giá thành - Pallet sắt (1.585x1.585x1.700)

CÔNG TY CP CƠ KHÍ SÔNG THU
Đường Số 08, KCN Hòa Cầm, Tp.Đà Nẵng

Mẫu số: 01 - VT
(Ban hành theo Thông tư số: 200/2014/QĐ-BTC
ngày 22/12/2014 của BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 18 tháng 06 năm 2025
Số: 01/06

Nợ: 1551 1.227.275.810
Có: 1541 1.227.275.810

- Họ tên người giao hàng: Phạm Đình Minh
- Nội dung : Nhập kho TP 500 pallet sắt
- Nhập tại kho: Kho Thành Phẩm (TP)

địa điểm:

Stt	Tên, nhãn, quy cách phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Đơn vị tính	Mã số	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3
1	Pallet sắt (1.585x1.585x1.700)	Cái	PL1.7	500,00	2.454.551,62	1.227.275.810,00
Tổng tiền						1.227.275.810

- Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Một tỷ hai trăm hai mươi bảy triệu hai trăm bảy mươi lăm ngàn tám trăm mười đồng chẵn.
- Số chứng từ gốc kèm theo: -----

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người giao hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Ngày tháng năm
Kế toán trưởng
(Hoặc bộ phận có nhu cầu nhập).
(Ký, họ tên)

Phan T. Hà Giang

Phạm Đình Minh

Phan T. Hà Giang

Lưu Thanh Vũ

Phụ lục 08: Phiếu nhập kho thành phẩm 500 pallet sắt